

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 68.1.../CV-ACBS.25

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2025

No: 68.1.../ CV-ACBS.25

Ho Chi Minh City, day 15 month 4 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange*.

Tên tổ chức: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Name of organization: **ACB SECURITIES COMPANY**

- Mã chứng khoán/ *Stock code*:

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, HCMC.

- Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Telephone: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Nguyệt

Persons making information disclosure: Nguyen Thi Nguyet

Chức vụ : Giám đốc Tư vấn Pháp chế

Title: Legal Consulting Director

Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*

- Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024.
ACB Securities Company (ACBS) has disclosed its Annual Report for 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/4/2025 tại đường dẫn: <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on 15/4/2025 as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người UQ CBTT

Person authorized to disclose information



Nguyễn Thị Nguyệt



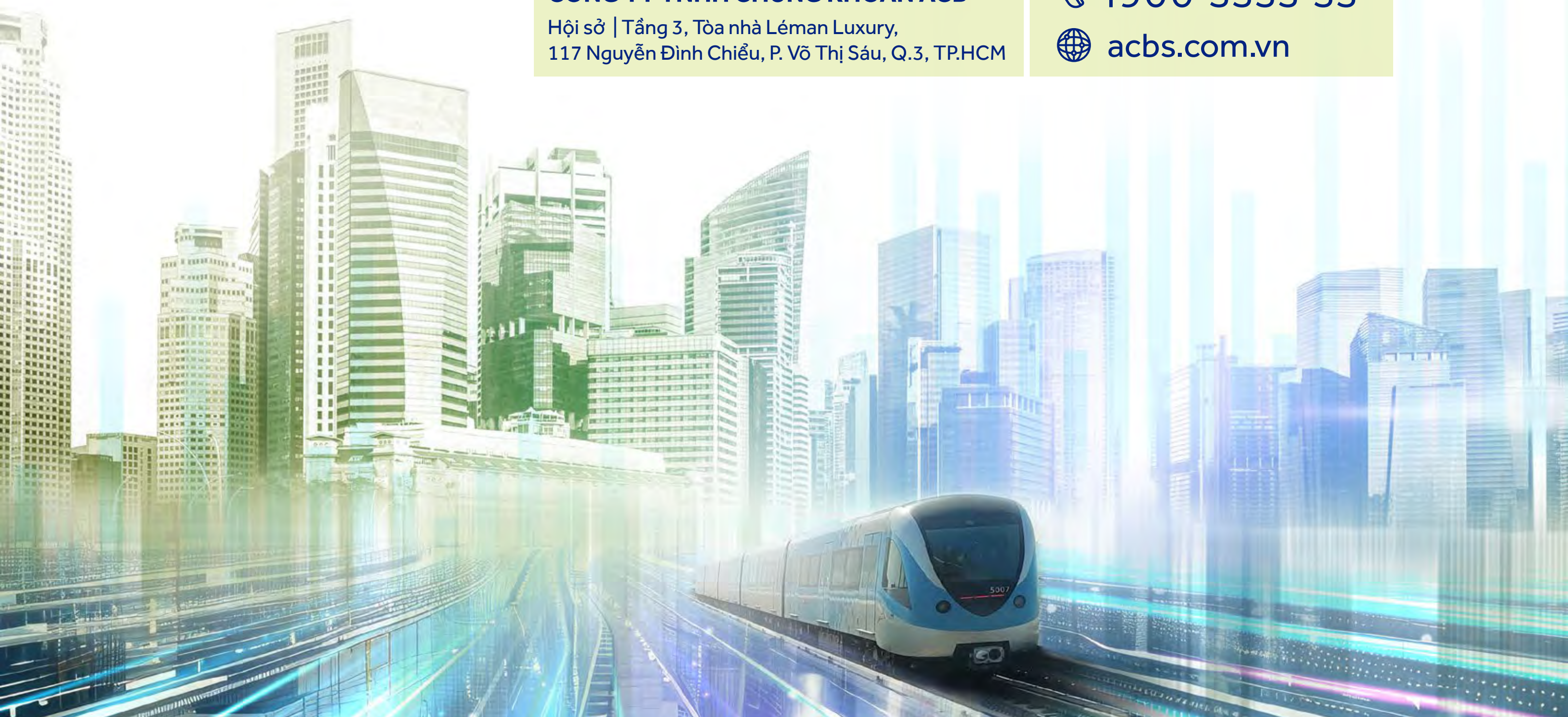
BÁO CÁO | 2024 THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Hội sở | Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury,
117 Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

 1900 5555 33

 acbs.com.vn



MỤC LỤC

1. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN 00

2. VỀ ACBS 00

- 2.1 | Thông tin khái quát
- 2.2 | Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 2.3 | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 2.4 | Định hướng phát triển
- 2.5 | Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024 00

- 3.1 | Tình hình hoạt động kinh doanh
- 3.2 | Tổ chức và nhân sự
- 3.3 | Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 3.4 | Tình hình tài chính
- 3.5 | Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 3.6 | Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 00

- 4.1 | Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 4.2 | Tình hình tài chính
- 4.3 | Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4.4 | Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 4.5 | Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 4.6 | Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

5. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 00

- 5.1 | Đánh giá của Hội đồng Thành viên về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2024
- 5.2 | Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
- 5.3 | Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên

6. QUẢN TRỊ CÔNG TY 00

- 6.1 | Hội đồng Thành viên
- 6.2 | Ban kiểm soát
- 6.3 | Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát 00

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 00

- 7.1 | Ý kiến kiểm toán
- 7.2 | Báo cáo tài chính

8. KẾ HOẠCH 2025 00

- 8.1 | Triển vọng thị trường 2025
- 8.2 | Kế hoạch phát triển Khối kinh doanh
- 8.3 | Kế hoạch phát triển theo xu thế Chuyển đổi số trong 2025



1 Thông điệp của Chủ Tịch Hội đồng Thành viên



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Trong năm 2024, tâm điểm của tăng trưởng kinh tế và dòng tiền đầu tư toàn cầu xoay quanh sức khỏe nền kinh tế Mỹ và chính sách lãi suất của Cục Dự Trữ Liên Bang Mỹ (FED). Bên cạnh đó, xung đột địa chính trị có xu hướng lan rộng và leo thang ở nhiều khu vực trên thế giới, làm gia tăng thêm rủi ro bất định và phần nào gây cản trở cho đà phục hồi kinh tế toàn cầu. Trong dòng chảy chung này, với vị thế một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam cũng phải đối mặt với những thách thức không nhỏ liên quan tới tăng trưởng kinh tế nói chung và sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng khi nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt, hiệu quả của Chính phủ, Việt Nam đã tiếp tục xu hướng phục hồi rõ nét, lạm phát thấp hơn mức mục tiêu, tăng trưởng GDP cao nhất trong khu vực Đông Nam Á, đạt 7,09% và thị trường chứng khoán vẫn ghi nhận mức tăng trưởng khả quan 12,11%, là điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Năm 2024, ACBS cũng đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ trong lộ trình Thay đổi - Hoàn thiện - Phát triển. Lợi nhuận sau thuế đạt mức 683 tỷ đồng, tăng 72,5% so với năm 2023. Bên cạnh đó, không thể không kể tới những dấu mốc quan trọng liên quan tới hệ thống và sản phẩm dịch vụ của Công ty, cụ thể là việc ACBS đã triển khai các sản phẩm đầu tư giá trị dành cho nhóm khách hàng ưu tiên kết hợp với ngân hàng mẹ, nâng cấp thành công hệ thống giao dịch chứng khoán mới và tái cấu trúc hệ thống mạng lưới chi nhánh. Cũng trong năm 2024, ACBS nhiều lần được vinh danh bằng những giải thưởng danh giá như: Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á do APEA bình chọn, Dịch vụ tài chính tiêu biểu do Báo Đầu Tư và VWA bình chọn, Top 10 Công ty tài chính uy tín do Vietnam Report bình chọn.

Bước sang năm 2025, mặc dù được đánh giá là một năm ẩn chứa nhiều rủi ro bất định do vấn đề thương chiến giữa các quốc gia lớn, nhưng chúng tôi vẫn tin rằng, Việt Nam sẽ tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tích cực về kinh tế nhờ những chính sách ngoại giao mềm dẻo. Cùng với đó, năm 2025 cũng là một năm bản lề đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, khi đứng trước những cơ hội từ việc nâng hạng từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi, từ đó, thu hút dòng tiền đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.

Để chuẩn bị sẵn sàng nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ cho kỷ nguyên vươn mình của nền kinh tế Việt Nam, ACBS tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 10.000 tỷ đồng, và trở thành công ty top 5 có mức vốn điều lệ lớn nhất thị trường. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện danh mục sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và tiên phong trong các chính sách kinh doanh, nhằm đáp ứng tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng và đối tác trong bối cảnh thị trường tài chính Việt Nam ngày càng trở nên chuyên nghiệp và bắt nhịp với thị trường tài chính toàn cầu.

Thay mặt Công ty Chứng khoán ACB, tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng, đồng hành của Quý khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Tôi tin rằng chúng ta sẽ có những thành công vượt trội trong năm 2025.

Kính chúc Quý khách hàng, đối tác và nhà đầu tư nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

“ACBS tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 10.000 tỷ đồng, và trở thành công ty top 5 có mức vốn điều lệ lớn nhất thị trường”



Chủ tịch Hội đồng Thành viên
ĐỖ MINH TOÀN



2 Về ACBS

2.1 Thông tin khái quát

Tên đầy đủ

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302030508

Địa chỉ

**Tầng 3 - Tòa nhà Léman Luxury,
số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**

Vốn điều lệ

7.000.000.000.000 VND

Vốn chủ sở hữu

9.251.716.128.500 VND

Tổng tài sản

26.040.684.029.310 VND



(028) 7300 7000



(028) 7300 3751



<http://www.acbs.com.vn>



ACBS

2000 - 2005

Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động 06.UBCK – GPHĐKD cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu

Vốn điều lệ ban đầu là **43 tỷ đồng**

Trụ sở chính đặt tại
442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM

2005 - 2009

ACBS trải qua **5 lần tăng vốn điều lệ** lần lượt
Lên **100 tỷ đồng --> 250 tỷ đồng --> 500 tỷ đồng --> 1.000 tỷ đồng --> 1.500 tỷ đồng**

Chuyển trụ sở chính đến
số 9 Lê Ngô Cát, P. 7, Q.3, TP.HCM. Sau đó là số 107N Trương Định, P.6, Q.3, TP.HCM

Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số

2009 - 2014

Kỷ niệm **10 năm thành lập Công ty**

Cho ra mắt **Dịch vụ giao dịch qua Tổng đài và nâng cấp thành công Phương thức bảo mật Chứng chỉ số USB Token** cho các giao dịch qua Internet

ACBS được Tạp chí Asiamoney trao tặng danh hiệu

- Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất
- Thực hiện giao dịch tốt nhất
- Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất
- Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất
- Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất

Thị phần môi giới xếp **thứ 3 trên cả hai sàn HOSE và HNX**

Triển khai giải pháp nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài

13/06/2014, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến **41 Mạc Đĩnh Chi, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM**

2014 - 2019

Được vinh danh trong **top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của TTCK**

Triển khai **phần mềm giao dịch ACBS Trading**

Ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới với giá trị “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhạy bén”

Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO” dành cho sinh viên

Được UBND TP.HCM **vinh danh và trao tặng bằng khen** do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền

Là **Công ty chứng khoán thứ 11 trên thị trường** giao dịch chứng khoán phái sinh

ACBS ký thỏa thuận hợp tác với **Tập đoàn tài chính EFG Hermes (Ai Cập)** hỗ trợ các khách hàng của EFG Hermes tham gia vào TTCK Việt Nam

2019 - 2023

Đánh dấu cột mốc **20 năm thành lập**

Tăng vốn điều lệ lần thứ sáu lên thành **3.000 tỷ đồng**

Ra mắt sản phẩm chứng quyền có bảo đảm (CW)

Ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến S-eyes

Nâng cấp ứng dụng giao dịch qua điện thoại di động ACBS SMART

24/10/2022, ACBS chuyển đổi Trụ sở chính đến **Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. HCM**

2023 - 2024

Triển khai thành công **hệ thống giao dịch chứng khoán mới (core giao dịch)**

3 lần tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ lên 4.000 tỷ, từ 4.000 tỷ lên 7.000 tỷ và từ 7.000 tỷ lên 10.000 tỷ

2 lần liên tiếp được vinh danh là Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSDC)

Được vinh danh là **Top 10 công ty uy tín ngành tài chính năm 2024** do Vietnam Report và báo Vietnamnet bình chọn

Được vinh danh là **Dịch vụ môi giới tài chính tiêu biểu và Vì sự phát triển dịch vụ tài chính năm 2024** do Báo Đầu Tư Và VWA bình chọn

Đoạt giải **Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á**, cấp bởi tổ chức APEA

Khai trương chi nhánh thứ 7 tại TP.HCM

Chi nhánh Đông Sài Gòn tại địa chỉ Tầng 3 Tòa nhà 53-55 Nguyễn Hữu Cánh, P.22, Q.Bình Thạnh

Ra mắt **nền tảng giao dịch chứng khoán ACBS SMART**

Quá trình
hình thành
và phát triển

2.2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty Chứng khoán ACB hoạt động với đầy đủ chức năng của một Công ty chứng khoán bao gồm

Môi giới chứng khoán

Tự doanh chứng khoán

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Tư vấn đầu tư chứng khoán

Kinh doanh chứng khoán phái sinh

Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

Phát hành chứng quyền có đảm bảo và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan đến chứng quyền có đảm bảo

Dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính

Hội sở của ACBS tại TP.HCM và có 12 chi nhánh trải dài khắp cả nước

- **CHI NHÁNH HÀ NỘI**

10 Phan Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội

- **CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

15 Hoàng Diệu, Q.Hồng Bàng, Hải Phòng

- **CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**

218 Bạch Đằng, P.Phước Ninh, Q.Hải Châu, Đà Nẵng

- **CHI NHÁNH KHÁNH HOÀ**

80 Quang Trung, P.Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

- **CHI NHÁNH VŨNG TÀU**

111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), P.2, TP.Vũng Tàu

- **HỘI SỞ VÀ 6 CHI NHÁNH/PGD TẠI TP.HCM**

Hội Sở

Lầu 3, tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

Chi nhánh Trương Định

107N Trương Định, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi

41 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao, Q.1, TP.HCM

Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8

197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.3, TP.HCM

Chi nhánh Chợ Lớn

321-323 Trần Phú, P.8, Q.5, TP.HCM

Chi nhánh Đông Sài Gòn

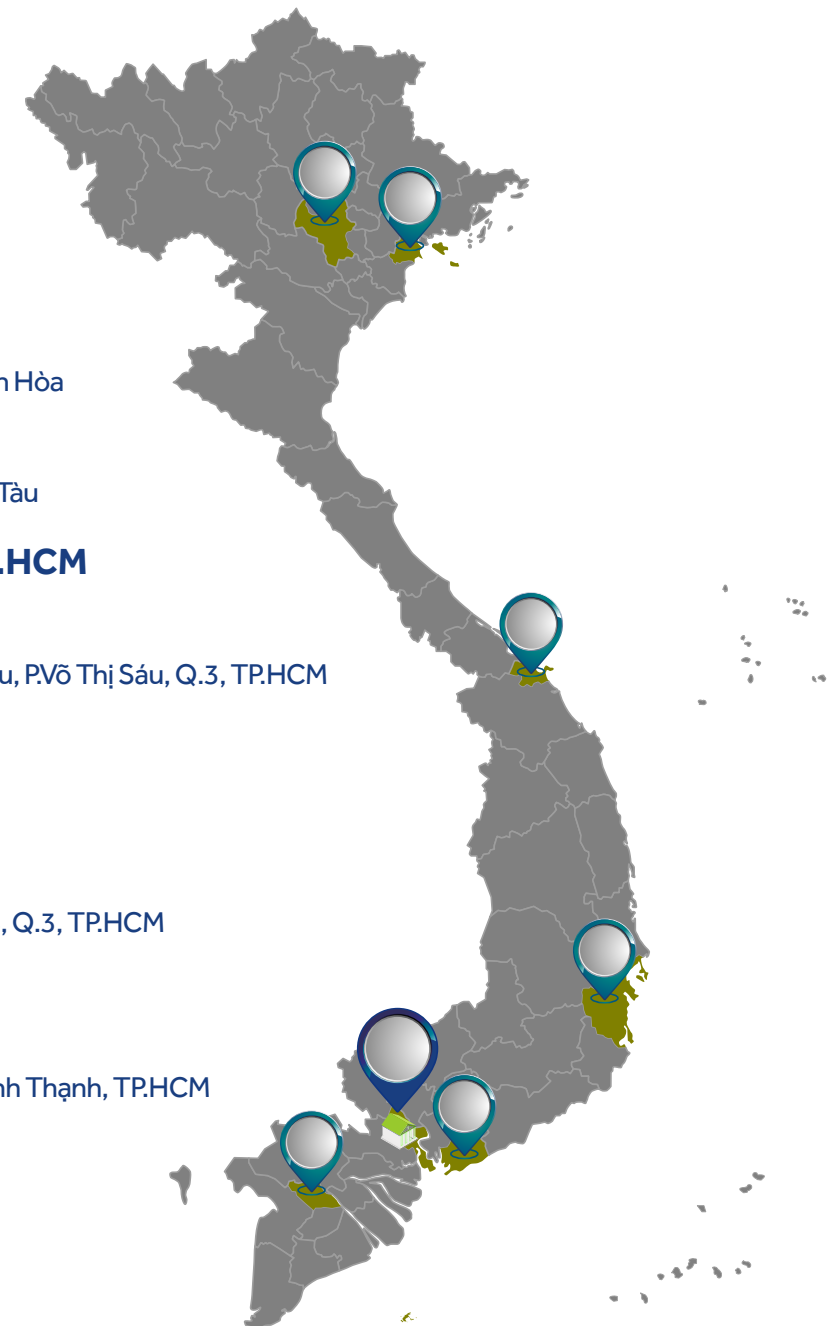
Tầng 3, Tòa nhà 53-55 Nguyễn Hữu Cánh, P.22, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

PGD Nguyễn Thị Minh Khai

442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM

- **CHI NHÁNH CẦN THƠ**

17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Tân An, TP. Cần Thơ





Vinh danh tiêu biểu

Trong năm 2024, ACBS hoạt động với nguồn vốn dồi dào và chất lượng cao đến từ ngân hàng mẹ ACB. Từ bộ đỡ tài chính vững chắc này, công ty đã cải tiến chất lượng dịch vụ thông qua việc nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán mới để đáp ứng các tiêu chí của thị trường mới. Ngoài ra, công ty đã thực hiện mở rộng hoạt động cho vay margin, môi giới chứng khoán và kinh doanh vốn.

Kết quả là Công ty Chứng khoán đã được vinh danh bởi nhiều tổ chức uy tín như VSDC, Báo Đầu Tư, APEA hay Vietnam Report.



**Giải thưởng được trao bởi
TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSDC)**

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động
lưu ký chứng khoán năm 2024



**Giải thưởng được trao bởi
BÁO ĐẦU TƯ VÀ VWA**

Dịch vụ môi giới tài chính
tiêu biểu và Vì sự phát triển
dịch vụ tài chính năm 2024



**Giải thưởng được trao bởi
VIETNAM REPORT VÀ
BÁO VIETNAMNET**

Top 10 công ty uy tín
ngành tài chính năm 2024



**Giải thưởng được trao bởi
ASIA PACIFIC ENTERPRISE
AWARDS (APEA)**

Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á

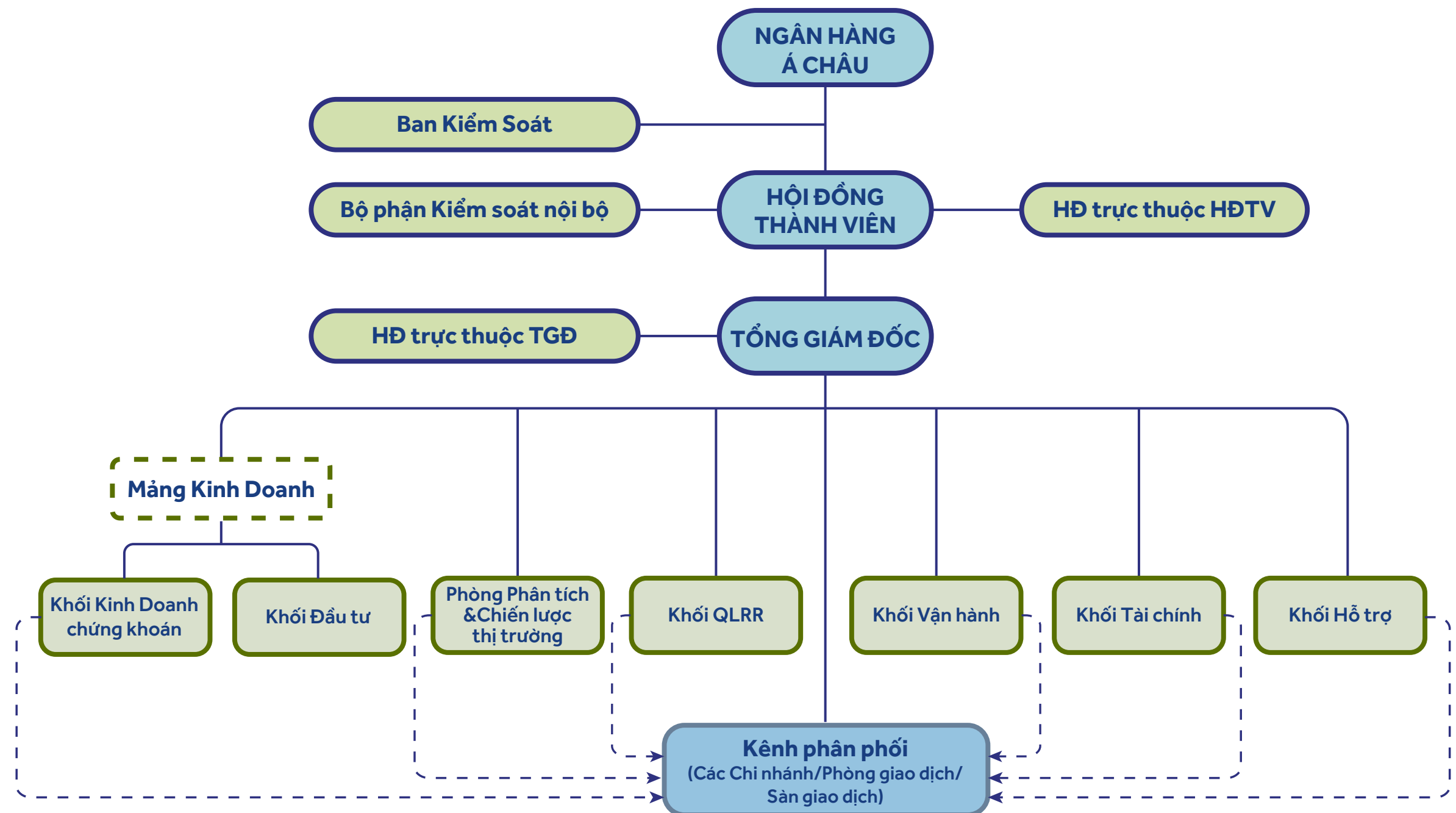


**Giải thưởng được trao bởi
UK'S INTERNATIONAL
FINANCE PUBLICATIONS**

The Most Customer-Centric
Securities Company

2.3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu Bộ máy quản lý



Mô hình Quản trị

ACBS hoạt động với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, với 100% vốn chủ sở hữu từ Ngân hàng TMCP Á Châu.

Người đại diện Pháp luật là Ông Đỗ Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Các công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC), là Công ty con với 100% vốn từ Công ty TNHH Chứng khoán ACB. ACBC được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008 với những chức năng và nhiệm vụ như sau



**THÀNH LẬP VÀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN**



**QUẢN LÝ CÁC DANH MỤC ĐẦU TƯ CHO CÁC
TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**



**HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ CÁC QUỸ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
CÓ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ VÀO VIỆT NAM**



TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN



2.4 Định hướng phát triển

Để chuẩn bị cho kế hoạch tăng trưởng trong năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2027, ngay từ đầu năm ACBS đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 10.000 tỷ đồng và **phần lớn trong 3 nghìn tỷ nguồn vốn tăng thêm sẽ được ACBS tập trung đầu tư cho các hoạt động của khối dịch vụ chứng khoán bao gồm cho vay margin, đầu tư công nghệ và sản phẩm mới**. Việc tăng vốn điều lệ cũng giúp ACBS tăng cường thêm nguồn lực tài chính và trở thành một trong năm công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất hiện nay.

Trong năm 2024, ACBS đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở với công suất lớn và nhiều tính năng ưu việt hơn, đây sẽ là nền tảng để **ACBS tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm nhằm mang đến những giá trị gia tăng cũng như trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng**. Song song với việc đầu tư core giao dịch mới, ACBS cũng đã đầu tư rất mạnh cho công tác bảo mật, an toàn hệ thống, giúp nhà đầu tư an tâm tuyệt đối khi giao dịch tại ACBS.

Hướng tới việc nâng hạng và thị trường chứng khoán ngày càng đa dạng các phân lớp nhà đầu tư, **ngay từ đầu năm 2025, ACBS cũng đã chính thức cho ra mắt 2 dịch vụ mới dành cho phân khúc Khách hàng ưu tiên và Khách hàng giao dịch chủ động**. Điều này sẽ giúp ACBS đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và nâng cao trải nghiệm dịch vụ trong khi vẫn đảm bảo cạnh tranh về chính

sách giá và tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư. Việc cho ra mắt thêm 2 loại hình dịch vụ cũng giúp ACBS hoàn thiện mô hình hoạt động của mảng dịch vụ chứng khoán và tiến gần hơn với mô hình tổ chức Khối bán lẻ của ngân hàng mẹ ACB. Đồng thời, trong năm 2025, ACBS xác định các chương trình hợp tác cùng ngân hàng mẹ ACB là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, **bao gồm các sản phẩm dành đầu tư và quản lý tài sản cho nhóm khách hàng ưu tiên ACB**. Đây được xem là động lực tăng trưởng lớn nhất cho mảng dịch vụ chứng khoán ACBS trong năm 2025.

Về hoạt động môi giới, ACBS tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo, xây dựng khung năng lực cho đội ngũ chuyên viên và giám đốc môi giới, phần đầu trở thành công ty chứng khoán có hiệu quả tư vấn tốt nhất và ấn tượng nhất trên thị trường.

Về mảng khách hàng định chế, ACBS định hướng cung cấp dịch vụ chuyên biệt dành cho từng khách hàng tổ chức trong nước và ngoài nước. Cuối năm 2024, ACBS cũng đã triển khai sản phẩm NPF dành cho các khách hàng tổ chức nước ngoài. Với nguồn lực tài chính dồi dào, ACBS được đánh giá là một trong những đối tác tin cậy cung cấp dịch vụ này cho nhà đầu tư. Bên cạnh việc phát triển khách hàng, ACBS đang nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ, kỹ năng của đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng định chế với các dịch vụ của ACBS.



2.5 Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Bối cảnh rủi ro năm 2024

Năm 2024, kinh tế vĩ mô toàn cầu tiếp tục chịu tác động mạnh mẽ từ chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Lãi suất duy trì ở mức cao, từ 5,25% - 5,5%, sau chuỗi tăng lãi suất kéo dài từ năm 2022-2023 nhằm kiểm soát lạm phát, đây là mức lãi suất cao nhất kể từ năm 2001. Chính sách tiền tệ thắt chặt đã tạo áp lực lên các thị trường mới nổi, trong đó có Việt Nam, khi dòng vốn đầu tư quốc tế có xu hướng quay trở lại Mỹ để tìm kiếm lợi suất cao hơn.

Chỉ số DXY duy trì ở ngưỡng cao, tạo sức ép đáng kể lên tỷ giá ngoại tệ tại nhiều quốc gia. Ở Việt Nam, tỷ giá USD/VND trong năm 2024 tăng 4,31% so với cuối năm 2023, gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhập khẩu và những đơn vị có khoản vay bằng ngoại tệ. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 đối mặt với không ít thách thức từ yếu tố ngoại vi như chính sách của Fed và tỷ giá. Tuy nhiên, thị trường vẫn có tiềm năng tăng trưởng nhờ các động lực nội tại tích cực như đầu tư công, dòng vốn FDI, và các cải cách thị trường.

Về chiến lược phát triển, ACBS tiếp tục ưu tiên quản trị rủi ro toàn diện, đồng hành cùng hoạt động kinh doanh. Công ty chú trọng xây dựng văn hóa quản trị rủi ro, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và truyền tải tinh thần này đến từng nhân viên, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và hiệu quả, đồng thời bảo vệ lợi ích của khách hàng.

Trong năm 2024, ACBS đã hoàn thành việc nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng và mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ. Công ty cũng đối mặt với những thách thức liên quan đến rủi ro công nghệ và đảm bảo tính liên tục trong vận hành. ACBS đã chủ động cập nhật và cải tiến các quy trình quản lý rủi ro để phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị và điều hành.



Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ACBS

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ quá trình đánh giá khách hàng trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro này đòi hỏi sự chú trọng, đặc biệt khi ACBS đang trong quá trình tăng trưởng, đồng thời đảm bảo hiệu quả và an toàn phù hợp. Việc thẩm định và đánh giá khách hàng là một nhiệm vụ trọng yếu, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo rủi ro tín dụng được kiểm soát ở ngưỡng an toàn cho phép.

Rủi ro thị trường

Danh mục cho vay và danh mục đầu tư là những tài sản trọng yếu trong bảng cân đối kế toán, do đó, bất kỳ biến động tiêu cực nào liên quan đến tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và các biến động vĩ mô, vĩ mô đều có thể ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của ACBS. Vì vậy, việc quản trị rủi ro từ các yếu tố thị trường là vô cùng cần thiết, ACBS đã triển khai các kịch bản kiểm định sức chịu đựng (stress testing) nhằm dự báo mức độ thiệt hại tiềm ẩn trong các kịch bản thị trường tiêu cực.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của ACBS, đóng vai trò như một rủi ro trung gian tiềm ẩn khả năng gây ra tổn thất lớn. Rủi ro này không chỉ tác động trực tiếp đến thanh khoản mà còn có thể dẫn đến sự gián đoạn trong các hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro thanh khoản

Nhằm đáp ứng nhu cầu của các đơn vị kinh doanh, ACBS luôn duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức tài chính uy tín trong và ngoài nước. Đồng thời, công ty không ngừng phát triển các mô hình cảnh báo sớm để đo lường các chỉ số ảnh hưởng đến thanh khoản, theo dõi dòng tiền, và chủ động xây dựng phương án xử lý, đảm bảo khả năng điều tiết thanh khoản hiệu quả.

Rủi ro hoạt động kinh doanh liên tục và rủi ro công nghệ thông tin

Tại ACBS, rủi ro công nghệ thông tin được quản trị chặt chẽ và xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của công ty. Bất kỳ sự cố nào liên quan đến hệ thống công nghệ đều tiềm ẩn nguy cơ gây gián đoạn giao dịch của khách hàng. Bên cạnh đó, sự gia tăng về mức độ tinh vi và phức tạp của các hành vi tội phạm mạng có thể dẫn đến những tổn thất nghiêm trọng. Do đó, ACBS luôn đặt ưu tiên hàng đầu vào các hoạt động phòng chống, bảo vệ hệ thống giao dịch và đảm bảo an toàn dữ liệu khách hàng.

Rủi ro danh tiếng

Là một trong những công ty chứng khoán được thành lập sớm nhất trên thị trường, ACBS hiểu rằng danh tiếng là tài sản quý giá cần được gìn giữ và bảo vệ. Trong quá trình phát triển và phục vụ khách hàng, ACBS luôn nỗ lực minh bạch hóa thông tin, duy trì sự cạnh tranh lành mạnh và chủ động giảm thiểu tác động tiêu cực từ các thông tin bất lợi. Bên cạnh đó, công ty không ngừng nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về tầm quan trọng của quản trị rủi ro danh tiếng, đặc biệt trong việc phát ngôn và hành xử, nhằm bảo vệ giá trị thương hiệu ACBS.



3 Tình hình hoạt động trong năm 2024



3.1 Tình hình hoạt động kinh doanh

Trong năm 2024, ACBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và lợi nhuận vượt kế hoạch. Đồng thời chúng tôi duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao. Cụ thể như sau:

- **Tổng tài sản đạt 26.041 tỷ đồng, tăng 121% và vượt kế hoạch nội bộ đề ra**
- Cho vay khách hàng đạt xấp xỉ 8.690 tỷ, tăng 90% so với đầu năm.
- Vay vốn đạt gần 16.403 tỷ, tăng xấp xỉ 3 lần so với đầu năm.
- **Lợi nhuận trước thuế đạt 847 tỷ đồng, tăng 72% và vượt kế hoạch kinh doanh đề ra.**
- Khả năng sinh lời được cải thiện do tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 4,5% và tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 11,4%.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động so với thu nhập được cải thiện, giảm mạnh chỉ còn 16% so với mức 22% vào cuối năm 2023.
- Năm 2024 tiếp tục là năm đánh dấu sự bùng nổ hoạt động hợp tác giữa ACBS và các tổ chức tín dụng tại Việt Nam với kết quả nổi bật khi cuối năm 2024, cụ thể ACBS được cấp tổng cộng trên 30.000 tỷ hạn mức tín dụng và tiếp tục được nâng cấp cả về chiều sâu và chiều rộng, đảm bảo ACBS luôn có đầy đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và tài trợ cho khách hàng.
- ACBS sở hữu chất lượng tài sản tốt và không phát sinh nợ xấu.



3.2 Tổ chức & Nhân sự



Ông **Đỗ Minh Toàn**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Nhiệm kỳ 2023 - 2028

Ông Đỗ Minh Toàn được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028. Hiện ông còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Chủ tịch Hội đồng Công nghệ thông tin, Chủ tịch Hội đồng Quản lý rủi ro, tại ACBS. Bên cạnh đó ông còn kiêm nhiệm chức vụ khác như Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBC.

Ông Đỗ Minh Toàn gia nhập ACB từ năm 1995 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng, chủ chốt trong tập đoàn. Năm 2012, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng ACB và đảm nhiệm vị trí này trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp (9 năm). Hiện ông vẫn kiêm nhiệm các chức vụ quan trọng tại ACB.

Ông Toàn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ và là Cử nhân ngành Ngân hàng của Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ông cũng là Cử nhân Quản trị Ngoại thương của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM và Cử nhân Luật của Trường Đại học Luật TP.HCM.



Ông **Nguyễn Đức Thái Hân**

Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Nhiệm kỳ 2023 - 2028

Ông Nguyễn Đức Thái Hân được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028. Hiện ông còn giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng ALCO tại ACBS. Trước đó, ông từng giữ vai trò Chủ tịch Hội đồng Thành viên ACBS.

Ông Hân tốt nghiệp Cử nhân Khoa học, ngành Vật lý lý thuyết của Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM. Năm 1994, ông tham gia công tác tại ACB và kiêm nhiệm qua các vị trí Phó Trưởng phòng nghiên cứu và phát triển, Phó Trưởng phòng tín dụng, Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Trưởng phòng kinh doanh vốn, Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối.

Từ năm 2008, ông Hân đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc ACB và đồng thời ông được phân công chỉ đạo hoạt động của Khối Thị trường Tài chính và Phó Chủ tịch ALCO.



Ông **Trịnh Bảo Quốc**

Thành viên Hội đồng Thành viên

Nhiệm kỳ 2023 - 2028

Ông Trịnh Bảo Quốc trở thành Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị của ngân hàng ACB từ tháng 4 năm 2023 và được bổ nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên của ACBS nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Ông Quốc từng công tác tại Avenue Capital Group, Công ty cổ phần Tư vấn và Đào tạo Summa (nay là Công ty cổ phần Giáo dục Summa), Công ty cổ phần Bất động sản Sơn Kim, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Ông hiện là Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Thiên Hương và thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn KCN Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Kinh doanh Berkeley Haas tại Đại học California, Hoa Kỳ đồng thời ông cũng là Cử nhân Sinh vật học và Cử nhân Sử học của Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.



Ông **Huỳnh Duy Sang**

Thành viên Hội đồng Thành viên

Nhiệm kỳ 2023 - 2028

Ông Huỳnh Duy Sang được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Thành viên ACBS và đảm nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng ALCO nhiệm kỳ 2023 - 2028. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc Tài chính ACBS kể từ tháng 2/2020 đến tháng 12/2022.

Ông Sang hiện là Giám đốc Khối Thị trường tài chính tại ACB. Ông bắt đầu công tác tại tập đoàn từ tháng 11/2006 với vị trí Chuyên viên kinh doanh ngoại hối và vàng. Trong suốt thời gian công tác tại ACB, ông đã nắm giữ các vị trí quản lý tại tập đoàn, bao gồm Phó giám đốc Trung tâm giao dịch vàng, Giám đốc dự án quản lý kinh doanh Ngân quỹ, Phó phòng kinh doanh ngoại hối và vàng, Trưởng phòng kinh doanh ngoại hối và vàng.

Ông Sang tốt nghiệp xuất sắc chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính ngân hàng của Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe, hiện tại ông cũng đang là thành viên chính thức của Hiệp hội CFA thuộc biên chế Singapore Society trực thuộc CFA Institute US.

Hội đồng thành viên



Ông **Nguyễn Đức Hoàn**

Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn đảm nhiệm vai trò Tổng giám đốc ACBS vào năm 2022. Hiện tại, ông Hoàn đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính Việt Nam và Quốc tế. Ông ưu tiên hàng đầu là kiểm soát rủi ro, từ việc nhận diện đến xây dựng các hệ thống ngăn chặn để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được giao.

Thêm vào đó, ông từng giữ những chức vụ quan trọng như Tổng giám đốc và Thành viên Hội đồng Thành viên của các công ty như Công ty cổ phần quỹ Tín Phát, Công ty Chứng khoán KB và Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB.

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học Leicester và Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance) tại Đại học Westminster của Vương quốc Anh.

Với những chuyên môn được rèn giũa tại nước ngoài, ông Hoàn đã có những đóng góp quan trọng khi làm việc tại Ngân hàng Barclays tại Luân Đôn và Ngân hàng Định chế thuộc Ngân hàng MSB.



Ông **Lê Hoàng Tân**

Phó Tổng giám đốc

Ông Lê Hoàng Tân được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc ACBS từ tháng 12/2023. Tham gia Ban Tổng giám đốc, ông Tân trực tiếp quản lý và điều hành mảng hoạt động kinh doanh môi giới cá nhân và tổ chức.

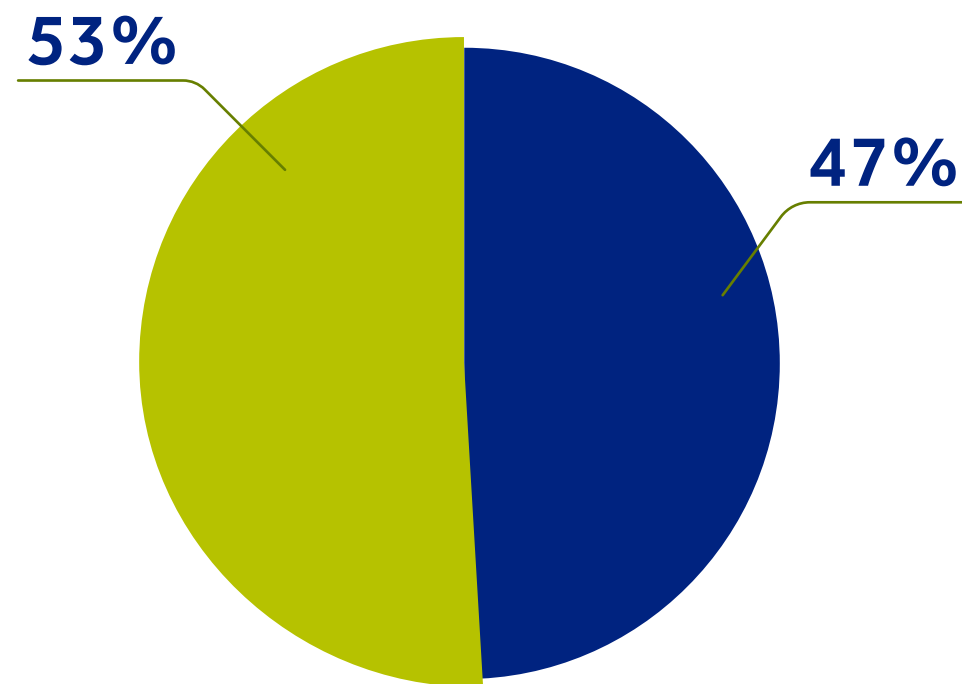
Ông Tân đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong bộ phận kinh doanh môi giới, phân tích, tư vấn đầu tư tại công ty chứng khoán MBS và Asean. Ngoài ra, ông từng đảm nhiệm song song vị trí Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát tại Công ty CP Công nghệ Tiên Phong và Tổng công ty năng lượng dầu khí Việt Nam (PV EIC).

Ông Tân tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế của Đại học Kinh Tế TP.HCM.

Ban Tổng giám đốc

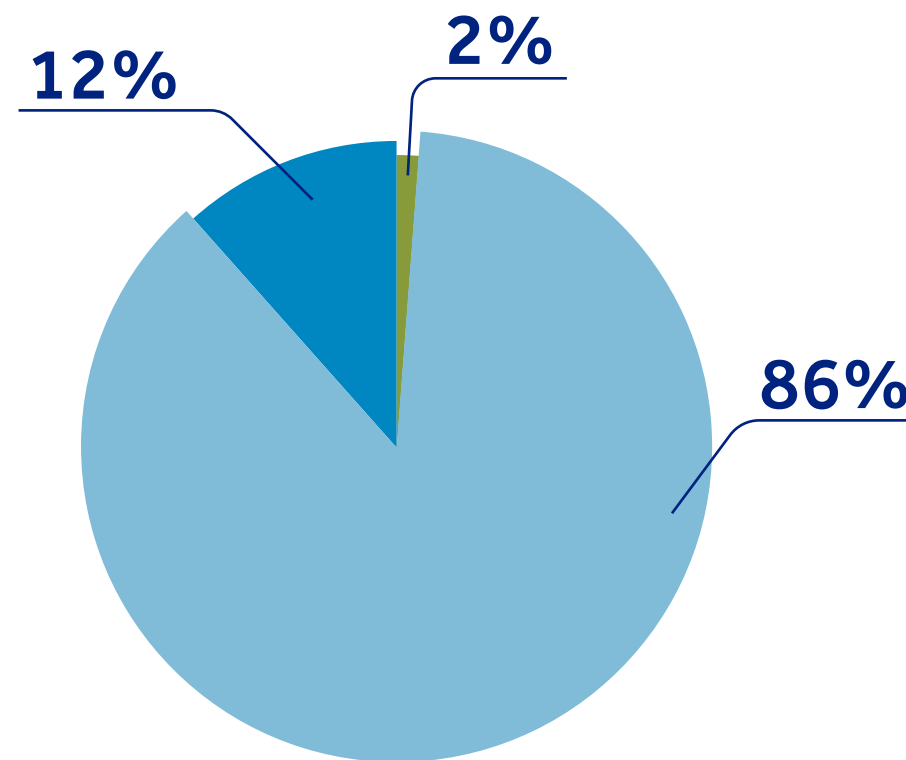
Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2024, ACBS đạt quy mô nhân sự gần **400 nhân viên**, trong đó có 376 nhân sự đạt trình độ đại học và trên đại học, chiếm 98%. Hiện tại, hơn 250 nhân sự tại công ty có Chứng chỉ hành nghề.



● Nữ | ● Nam

Theo giới tính



● Đại học | ● Thạc sĩ | ● Khác

Theo trình độ học vấn

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động



Chính sách và hoạt động đãi ngộ người lao động

Các chế độ đãi ngộ của ACBS được xây dựng thông qua các phân tích, so sánh đánh giá tham chiếu trên thị trường, thực hiện công bằng, minh bạch, và luôn được điều chỉnh cập nhật nhằm đảm bảo các nhân viên nhận được đãi ngộ tốt và cạnh tranh.

ACBS đã xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá thành tích công việc nhân viên (BSC) nhằm đảm bảo người lao động xác định được mức kỳ vọng đối với công việc được giao cũng như biết được mức khen thưởng tương xứng nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

ACBS tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của ACBS đều được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, ACBS xây dựng thêm nhiều chế độ phúc lợi cho nhân viên như: bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và người thân, bảo hiểm tai nạn con người 24/7, chương trình cho vay lãi suất ưu đãi, quà tặng tết trung thu, lì xì đầu năm, sinh nhật, hiếu hỉ v.v. Tại ACBS, chúng tôi luôn coi trọng việc phát triển và bồi dưỡng nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ quản lý. Bên cạnh các phúc lợi đãi ngộ dành cho toàn thể nhân viên, những quản lý xuất sắc còn được hưởng những ưu đãi đặc biệt như chương trình du lịch nghỉ dưỡng nước ngoài, các chính sách vay ưu đãi hấp dẫn và các khoản thưởng phong phú, nhằm ghi nhận và khích lệ những đóng góp to lớn của họ đối với sự phát triển của công ty.

Nhằm nâng cao sức khỏe tinh thần của nhân viên, ACBS luôn tạo ra nhiều hoạt động vui chơi giải trí như team building hàng năm, sinh nhật công ty, giải thi đấu bóng đá, câu lạc bộ chạy bộ, lớp yoga, ngày quốc tế phụ nữ, tiệc tất niên vinh danh nhân viên xuất sắc.



Chính sách và hoạt động phát triển người lao động

Chính sách phát triển nhân sự của ACBS chú trọng đến chất lượng, khả năng thích ứng và đổi mới của nguồn nhân lực để đảm bảo nguồn nhân lực có năng lực hoàn thành tốt công việc được giao. Tại ACBS, chúng tôi xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng vị trí chức danh đảm bảo tất cả nhân viên đều được định hướng phát triển rõ ràng.

Thúc đẩy cấp quản lý hoàn thành kế hoạch kinh doanh, cải thiện năng lực huấn luyện và phát triển đội ngũ tại đơn vị, và sẵn sàng tham gia học tập kiến thức mới..

Năm 2024, ACBS đã xây dựng định hướng phát triển mới thông qua việc xây dựng chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hệ thống chức danh theo sơ đồ tổ chức mới.

Xây dựng văn phòng làm việc mô hình mở, bố trí nhiều cây xanh với trang thiết bị hiện đại tạo không gian làm việc thuận lợi giúp mang đến sự thoải mái và tăng nguồn cảm hứng làm việc, tăng thêm niềm tự hào cho nhân viên hơn khi được làm việc trong môi trường Xanh Sạch Sang.



Chính sách và hoạt động đào tạo người lao động

Đối với ACBS, đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá vì vậy các chính sách và hoạt động đào tạo luôn được chú trọng để đảm bảo những thành viên đều được học tập, trau dồi thêm nhiều kiến thức mới để giúp nhân viên hoàn thiện năng lực cho công việc hiện tại và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Chương trình học tập được đa dạng hóa về hình thức truyền tải và nội dung được thể hiện thông qua các chương trình workshop, e-learning. ACBS khuyến khích tinh thần học tập chủ động và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cá nhân, tập thể nhằm lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng, và khách hàng của ACBS.



Chính sách và hoạt động tuyển dụng người lao động

Chính sách tuyển dụng của ACBS tập trung vào việc thu hút nhân tài, tạo điều kiện cho người tài phát triển, phát huy năng lực làm chủ sự nghiệp của từng cá nhân. Mỗi quan hệ giữa ACBS với ứng viên được xây dựng trên nguyên tắc hợp tác vì mục tiêu chung của tổ chức và sự phát triển sự nghiệp của ứng viên.

ACBS là cầu nối tích cực cho các hoạt động giáo dục của các trường Đại học, giúp các sinh viên có cơ hội học tập và trải nghiệm môi trường làm việc thực tế tại ACBS. Nhờ đó, đội ngũ nhân viên của ACBS ngày càng có nhiều các bạn trẻ đam mê tài chính, chứng khoán đến thực tập và công tác lâu dài với Công ty.

ACBS luôn tạo cơ hội tuyển dụng công bằng cho mọi đối tượng từ những sinh viên mới ra trường đến các ứng viên có nhiều năm kinh nghiệm làm việc.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động

ACBS tiếp tục duy trì hoạt động tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn thể nhân viên, lãnh đạo. Bên cạnh đó nhân viên ACBS được tham gia chế độ bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người.

3.3 Tình hình **đầu tư**, tình hình **thực hiện các dự án**



Các khoản đầu tư lớn

Năm 2024 được nhiều nhà đầu tư chứng khoán đánh giá là một năm “khó nhằn”. VN-Index kết thúc năm 2024 ở mức 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với đầu năm, đánh dấu hai năm liên tiếp tăng điểm (năm 2023 tăng 12,2%). Dù vậy, chỉ số trong phần lớn năm lại biến động giằng co trong vùng 1.200-1.300 điểm. Sự phân hóa giữa các nhóm ngành và giữa cổ phiếu trong từng ngành khiến việc lựa chọn “ba chữ cái” trở nên rất khó khăn. Không ít nhà đầu tư có hiệu suất âm trong năm 2024 dù VN-Index tăng điểm. **Dẫu vậy, ROI kết quả lợi nhuận đầu tư của Phòng Đầu tư Tự doanh vẫn đạt 12% và đem lại lợi nhuận tương đồng năm 2023. Phòng Đầu tư Tự doanh sẽ thử nghiệm và triển khai các sản phẩm liên quan đến ETF phù hợp với xu thế và dòng vốn lớn của thị trường khi được nâng hạng.**

Bên cạnh đó, nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, ACBS đã không ngừng nghiên cứu và cải tiến sản phẩm chứng quyền, qua đó mở rộng thị phần lên 20% và giữ vững vị thế trong nhóm ba Nhà tạo lập thị trường hàng đầu tại Việt Nam. Sản phẩm chứng quyền của ACBS ngày càng cạnh tranh, trở thành công cụ đầu tư phòng vệ hiệu quả và là lựa chọn thay thế hấp dẫn cho nhà đầu tư ưa chuộng cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng này được dự báo sẽ bùng nổ hơn nữa trong năm 2025.

Các Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Tại thời điểm cuối năm 2024, ACBC sở hữu



Vốn điều lệ **50 tỷ đồng**



Lợi nhuận trước thuế **3,51 tỷ đồng**



Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng **537%** cao hơn 24% so với cuối năm 2023 (513%) và cao hơn mức tối thiểu của Bộ tài chính quy định (180%)

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty quản lý quỹ chủ yếu dựa trên kết quả cung cấp dịch vụ và đầu tư vốn chủ sở hữu. Năm 2024, ACBC đạt hiệu quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận trước thuế tăng 26% so với năm 2023, trong đó, hoạt động quản lý danh mục đầu tư tăng trưởng 63%, tương ứng với doanh thu từ lĩnh vực này tăng 69% so với năm 2023. Trong năm 2024, doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư đóng góp 37% tổng doanh thu của ACBC, vì vậy hiệu quả từ hoạt động này đã góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của ACBC. Ngoài ra, việc tận dụng kịp thời tình hình biến động của thị trường chứng khoán, hoạt động tự doanh đã đem lại hiệu quả cao trong năm 2024.

Trong năm 2025, ACBC định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn với các mục tiêu cụ thể như sau:

- (1) Hoạt động của Công ty hướng tới các chuẩn mực ổn định, an toàn và hiệu quả. Công ty chú trọng xây dựng mối quan hệ chiến lược với các thành viên thị trường, các cơ quan chủ quản bằng chất lượng dịch vụ và uy tín kinh doanh
- (2) Công ty hội tụ đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và có kinh nghiệm quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng theo phương thức chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro và đáp ứng tối đa quyền lợi của khách hàng
- (3) Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ nhằm cung cấp giải pháp đầu tư chuyên nghiệp, hiệu quả nhất đến khách hàng
- (4) Thành lập và quản lý chuyên nghiệp các quỹ đầu tư
- (5) Từng bước khẳng định vị thế thương hiệu của ACBCapital trên thị trường.



3.4 Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023 (Đvt: tỷ đồng)	Năm 2024 (Đvt: tỷ đồng)	Thay đổi
Tổng giá trị tài sản	11.773	26.041	121%
Doanh thu thuần	1.675	2.534	51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	628	1.005	60%
Lợi nhuận khác	3	3	0%
Lợi nhuận trước thuế	492	847	72%
Lợi nhuận sau thuế	396	683	72%

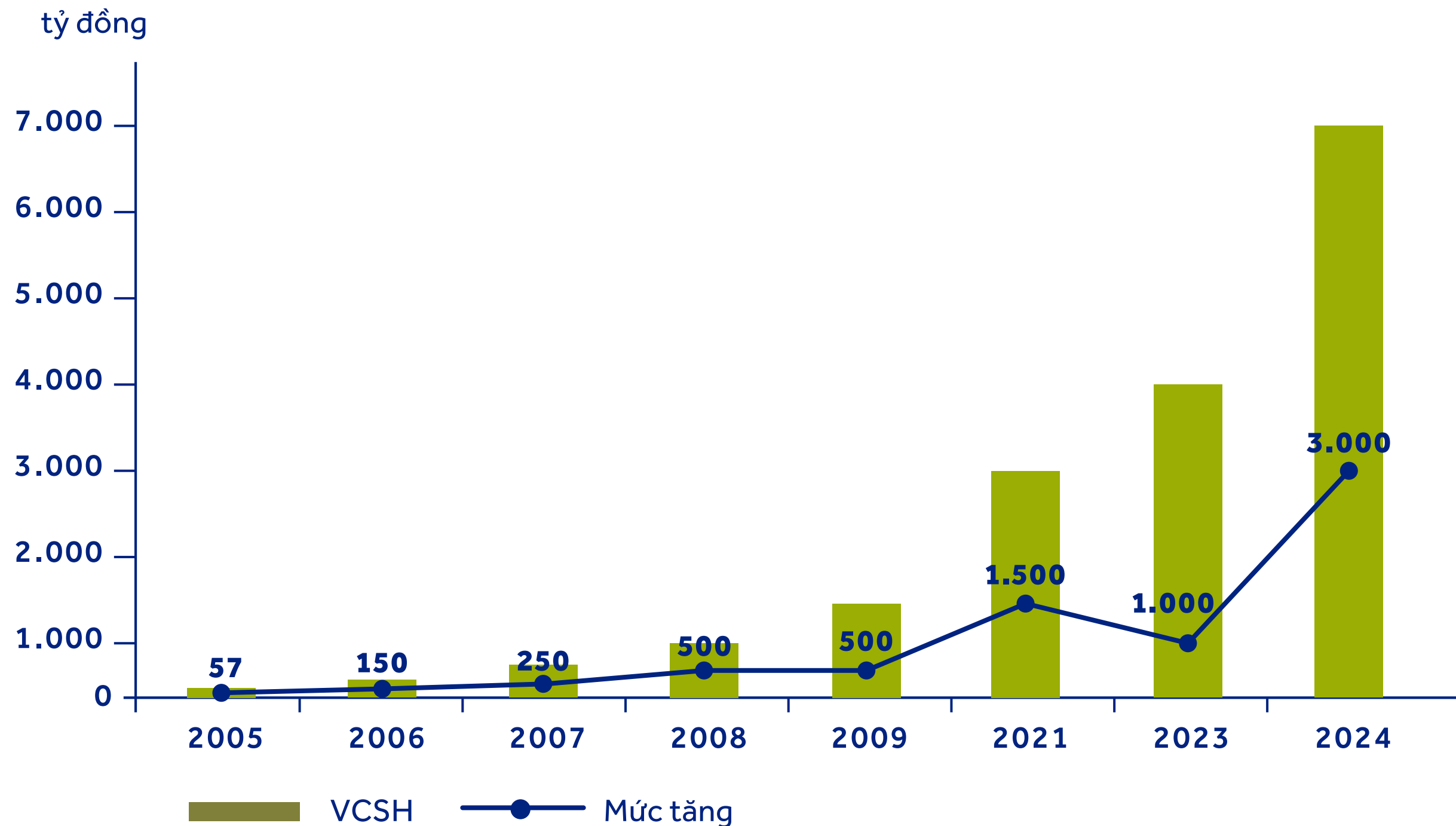
*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh = Doanh thu hoạt động (Mã số 20) - Chi phí hoạt động (Mã số 40) trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,9	1,5
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
• Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,5	0,6
• Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,1	1,8
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	0,2	0,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,2	0,3
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,07	0,07
• Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,03	0,03
• Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,4	0,4

3.5 Thay đổi **vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Thành lập từ năm 2000, ACBS đã trải qua gần 25 năm kinh doanh và phát triển. Trong 2 năm gần đây, công ty đã có 2 lần tăng vốn mạnh mẽ đến từ ngân hàng mẹ, bao gồm: tăng thêm 1.000 tỷ trong năm 2023 và tăng thêm 3.000 tỷ trong năm 2024. Tại ngày 31/12/2024, ACBS có vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 7.000 tỷ đồng.



3.6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Tác động lên môi trường và tiêu thụ năng lượng

Hàng năm, ACBS đều xây dựng kế hoạch chi tiết về việc tiêu thụ và sử dụng năng lượng nhằm giám sát chặt chẽ chi phí sử dụng năng lượng để tránh lãng phí và giảm thiểu tác động đến môi trường.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2024 đánh dấu năm đầu tiên ACBS triển khai hoạt động trồng cây xanh tại Rừng Tà Cú, Bình Thuận. Hoạt động có sự tham gia của 100 nhân viên tại ACBS, số lượng cây trồng là 100 cây. Tại buổi trồng cây, nhân viên được hướng dẫn cách gieo hạt, tưới cây và bảo quản nền đất xung quanh để cây được phát triển tốt nhất.





4 Báo cáo & Đánh giá của Ban Tổng giám đốc



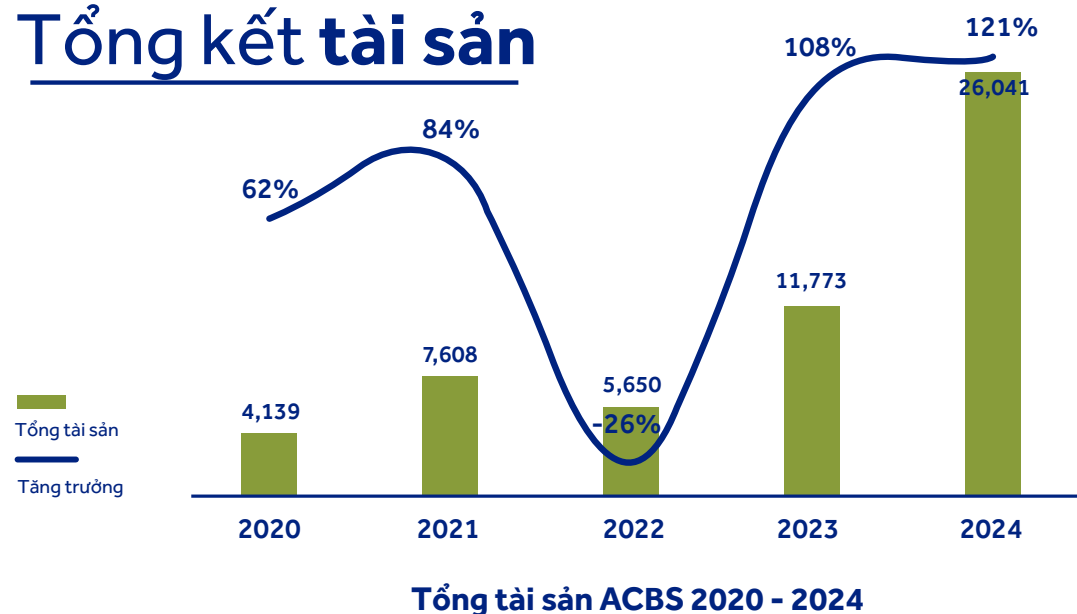
4.1 Đánh giá **kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2024 là một năm đầy thách thức với không chỉ các doanh nghiệp chứng khoán mà còn cho cả nền kinh tế Việt Nam và thế giới nói chung. Tuy nhiên chúng tôi đã biến khó khăn thành cơ hội và tự hào khi đạt được những kết quả khả quan như sau:

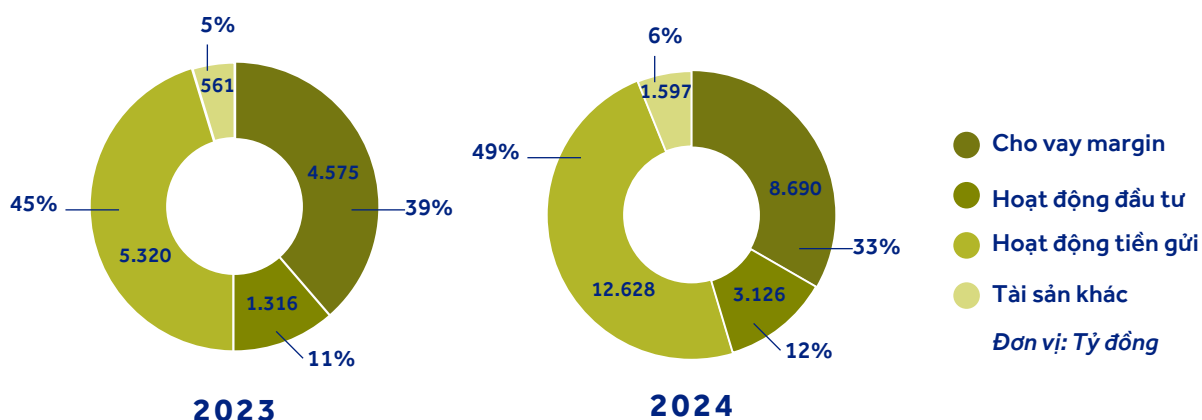
- Quy mô tổng tài sản tăng cao, gấp đôi so với cùng kỳ, đạt 26.041 tỷ, mức cao nhất kể từ khi đi vào hoạt động tới nay.
- Dư nợ cho vay tăng vượt trội, tăng 90% so cùng kỳ, đạt kỷ lục 8.690 tỷ.
- Nguồn cung vốn đa dạng dồi dào, với tổng dư nợ vay vốn đạt 16.403 tỷ. Hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên 30.000 tỷ, đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.
- Lợi nhuận trước thuế đạt gần 2 lần lợi nhuận trước thuế cùng kỳ 2023, vượt kế hoạch đề ra.
- Thị phần môi giới đạt bình quân 2,72% cả năm, tăng 0,39% so với bình quân cả năm 2023.
- Về năng lực quản lý, ACBS đã hoàn thành sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, từ đó có thể vận hành hiệu quả. Kế hoạch kinh doanh, chính sách, quy trình và thủ tục hoạt động được xây dựng phù hợp và triển khai hợp lý. Hoạt động của ACBS tuân thủ các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.
- Ngoài ra trong năm 2024, công ty đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở giúp gia tăng hiệu suất xử lý lệnh nhanh chóng và nhiều tính năng ưu việt hơn nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Cuối năm 2024, Công ty cũng đã triển khai sản phẩm Non-Prefunding dành cho khách hàng tổ chức nước ngoài.
- Khung quản trị và quản lý của Công ty từng bước được xây dựng, nâng cấp. ACBS đảm bảo các rủi ro được quản lý chặt chẽ và hài hòa để thúc đẩy kinh doanh.

4.2 Tình hình tài chính

Tổng kết tài sản



Tài sản tăng trưởng cao kỷ lục 121%, đạt xấp xỉ 26.041 tỷ đồng, vượt kế hoạch đã đề ra. Trong đó, cơ cấu tài sản tiếp tục được quản lý chặt chẽ, gia tăng tài sản sinh lời, đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Cuối năm 2024, tài sản sinh lời của Công ty đạt xấp xỉ 21.318 tỷ, tương đương 82% tổng tài sản, còn lại tài sản chủ yếu là danh mục đầu tư tự doanh và phái sinh.



Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng đạt 12.628 tỷ, chiếm 49% tổng tài sản. Tiền gửi được Hội đồng quản lý giám sát chặt chẽ, đảm bảo đủ linh hoạt, cởi mở để khuyến khích hoạt động kinh doanh vốn và đảm bảo an toàn thanh khoản.

Danh mục đầu tư đạt 3.126 tỷ, chiếm 12% tổng tài sản. Hoạt động đầu tư được Hội đồng đầu tư chỉ đạo và giám sát chặt chẽ, chỉ được đầu tư khi hội tụ đủ các tiêu chí theo khẩu vị rủi ro từng thời kỳ và đảm bảo mức lợi kỳ vọng tương ứng với rủi ro hấp thụ.

An toàn vốn

An toàn vốn (tỷ lệ vốn khả dụng) của Công ty được duy trì trên mức 500% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2024 là 565%, vượt xa mức quy định là 180%.

Công ty quản lý an toàn vốn theo Thông tư 91/2022/TT-BTC và thông tư 41/2019/TT-NHNN đảm bảo an toàn vốn của Công ty được quản lý, giám sát chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu của Bộ Tài Chính và yêu cầu của ngân hàng mẹ.

Thanh khoản

Thanh khoản của Công ty được duy trì ở mức cao xuyên suốt cả năm, đáp ứng đầy đủ, kịp thời tất cả các nhu cầu kinh doanh của khách hàng và của chính Công ty, đồng thời vẫn duy trì được khả năng sinh lời, chi phí vốn hợp lý.

Cho vay margin & nợ xấu

Danh mục cho vay margin đạt gần 8.690 tỷ, chiếm 33% tổng tài sản. Hoạt động này được Hội đồng cho vay margin giám sát chặt chẽ và được Ban điều hành quản lý, chỉ đạo sát sao, đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng cao cùng với quản lý rủi ro tín dụng chặt chẽ, đảm bảo không phát sinh nợ xấu.

Vay vốn

Số dư vay vốn của Công ty đến cuối năm 2024 đạt gần 16.403 tỷ, tăng gần 3 lần so cùng kỳ, chiếm 63% tổng nguồn vốn của Công ty, cao nhất từ trước tới nay. Hạn mức tín dụng được cấp bởi các tổ chức tín dụng đạt trên 30.000 tỷ, đáp ứng đầy đủ, linh hoạt nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

	2020	2021	2022	2023	2024
Số dư (tỷ đồng)	1.570	2.741	1.343	5.923	16.403
Vay vốn/TTS	37,9%	36%	23,8%	50,3%	63%

Quy mô vốn chủ sở hữu

Năm 2024, công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 7.000 tỷ từ nguồn vốn góp của ngân hàng mẹ, cùng kết quả kinh doanh khả quan, quy mô vốn chủ sở hữu của Công ty đạt xấp xỉ 9.300 tỷ, chiếm 36% tổng nguồn vốn của Công ty. Vốn chủ sở hữu dồi dào giúp Công ty có thể mở rộng các giới hạn về đầu tư, hạn mức cho vay margin với từng cổ phiếu, khách hàng và duy trì được tỷ lệ an toàn vốn cao.

	2020	2021	2022	2023	2024
VCSH (tỷ đồng)	2.054	4.094	4.172	5.569	9.252
Tăng trưởng	9%	99,4%	1,9%	33,5%	35,5%

Thu nhập

Thu nhập từ hoạt động cho vay margin và môi giới

Thu nhập từ hoạt động cho vay margin cả năm đạt 219 tỷ đồng, tăng 48% so với 2023, chiếm 22% tổng doanh thu. Bên cạnh đó thu nhập phí môi giới cả năm đạt 81 tỷ đồng, tăng 38% so với 2023, chiếm 8% tổng doanh thu. Hai nguồn thu này có sự cải thiện đáng kể trong năm 2024 trong bối cảnh thị trường dần hồi phục, Công ty triển khai nhiều chương trình thúc đẩy tăng trưởng và chi phí vốn được kiểm soát hiệu quả.

Bảng Thu nhập cho vay margin

	2020	2021	2022	2023	2024
CV margin (tỷ đồng)	112	150	174	148	219
Tăng trưởng	2%	35%	16%	-15%	48%

Bảng Thu nhập môi giới

	2020	2021	2022	2023	2024
Môi giới (tỷ đồng)	47	220	245	59	81
Tăng trưởng	71%	369%	11%	-76%	38%

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cả năm 2024 đạt 303 tỷ, tăng 72 tỷ so với 2023, chiếm 30% tổng doanh thu.

	2020	2021	2022	2023	2024
Đầu tư (tỷ đồng)	45	312	(290)	231	303
Tăng trưởng	-18,1%	409,7%	-39,2%	82,8%	33,9%

Thu nhập kinh doanh vốn

Thu nhập từ kinh doanh vốn là điểm sáng của Công ty trong năm 2024, với doanh thu cả năm đạt 401 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với 2023, chiếm 40% tổng doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu do năm 2024 Công ty đã tận dụng được thời cơ thị trường khi lãi suất biến động, với nền tảng vốn chủ sở hữu dồi dào và kênh sử dụng vốn đa dạng.

	2020	2021	2022	2023	2024
Kinh doanh vốn (tỷ đồng)	58	61	86	190	401
Tăng trưởng	302,6%	6,4%	40,6%	121,3%	110,9%

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động cả năm đạt 161 tỷ đồng, được kiểm soát chặt chẽ, tăng 16,2% so với 2023, chủ yếu tăng ở các khoản mục liên quan đến nhận diện thương hiệu, chi phí vận hành công nghệ thông tin.

	2020	2021	2022	2023	2024
CPHD (tỷ đồng)	(58)	(84)	(123)	(139)	(161)
Tăng trưởng	12%	44,7%	46,1%	13,4%	16,2%

4.3 Những cải tiến về **cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Trong năm 2024, ACBS thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm nhiều nhân sự nòng cốt cấp lãnh đạo, điều chuyển nhân sự nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản trị, nâng cao giá trị, đảm bảo cho sự ổn định nhằm tiếp bước cho mục tiêu tăng trưởng trong dài hạn.

Bên cạnh đó, Công ty đã ban hành mới hàng loạt các chính sách, quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp giữa các đơn vị nội bộ để tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh cho việc thay đổi hệ thống core mới.

Đồng thời, Công ty cũng đẩy mạnh thực hiện số hoá các quy trình chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng

dịch vụ khách hàng, nâng cao năng suất lao động. Công ty cam kết tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới nhằm cung cấp cho khách hàng trải nghiệm tốt nhất.

Trong năm 2024, Công ty đã phát triển ứng dụng, áp dụng các công nghệ mới, thực hiện chuyển đổi hạ tầng, tự động hóa các quy trình vận hành, giám sát hệ thống chống thất thoát dữ liệu, kiểm soát kỹ việc phân quyền người dùng. Đồng thời tăng cường đào tạo, nâng cao nhận thức về các rủi ro gây mất an toàn thông tin và duy trì tính ổn định của hệ thống, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng.

4.4 Kế hoạch **phát triển trong tương lai**

Trong năm 2025, cùng với sự thành công của việc chuyển đổi core giao dịch, ACBS đã lên kế hoạch phát triển hệ thống nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tăng tính cạnh tranh trên thị trường chứng khoán:

- Tiếp tục triển khai các dự án lớn và phát triển sản phẩm trong thời gian tới: Phân tích hành vi và phân khúc khách hàng (Loyalty), quản lý chăm sóc khách hàng (CRM), Google data, dự án eKYC, dự án KRX, xây dựng hệ thống Data Warehouse, tích hợp các tính năng bán chéo cùng ACB, cải tiến APP/Webtrade, phát triển Chatbot, triển khai các giải pháp an toàn bảo mật, Margin Plus, Copy trade, Robot trading, sản phẩm T+ online.
- Tiếp tục thực hiện các chương trình trọng tâm cho KPP: Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ. Tăng cường chất lượng tư vấn, phát triển sản phẩm đầu tư, linh hoạt trong bán hàng, tăng cường quản trị, nâng cao năng suất và hiệu quả hoạt động.
- Tiếp tục thông qua các nền tảng trực tuyến và các kênh giao tiếp để tiếp cận khách hàng.
- Tiếp tục lên kế hoạch thực hiện chuỗi seminar đào tạo khách hàng định kỳ hàng tuần, chuỗi các video hàng tháng, xây dựng website nhánh của kênh trực tuyến, xây dựng chương trình thẩm định khách hàng, xây dựng chính sách hoa hồng và lộ trình phát triển cho nhân viên.
- Chính sách thúc đẩy sự phát triển của môi giới để tăng tính cạnh tranh, đồng thời đưa ra các chính sách chăm sóc, xếp loại và ưu đãi khách hàng theo từng phân khúc.
- Cải tiến quy trình nhằm tiếp cận và hỗ trợ khách hàng tốt hơn.
- Đầu tư công nghệ hỗ trợ kinh doanh số.



4.5 **Giải trình của Ban Giám đốc** đối với ý kiến kiểm toán

Không có ý kiến.

4.6 Báo cáo đánh giá liên quan đến **trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong quá trình vận hành, ACBS xác định sử dụng nguồn năng lượng hợp lý sẽ giúp giảm thiểu tác động môi trường, đồng thời tránh lãng phí chi phí vận hành Công ty. Một số biện pháp được áp dụng tại ACBS bao gồm theo dõi và có chế độ bảo trì máy móc thiết bị và hệ thống điều hòa, có kế hoạch vệ sinh định kỳ thiết bị, giám sát chỉ số sử dụng điện nước một cách hợp lý theo nhu cầu sử dụng, triển khai lưu trữ giao dịch chứng từ điện tử thay chứng từ giấy.

Các hoạt động của ACBS phần lớn đều chú trọng cho các việc liên quan đến môi trường sống, như ấn phẩm, quà tặng của Công ty đều sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường. ACBS cũng tích cực thay đổi nhận diện thương hiệu của các văn phòng theo chủ đề "GREEN MOUNTAIN" nhằm định hướng phát triển bền vững của Công ty là ý thức và hành động bảo vệ môi trường.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

ACBS tuân thủ các quy định, luật định liên quan đến người lao động. Với mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. ACBS không ngừng xây dựng môi trường làm việc hiện đại, khuyến khích sự chia sẻ kinh nghiệm, các ý tưởng mới và tinh thần học hỏi lẫn nhau nhằm tạo động lực tốt cho người lao động nỗ lực làm việc, phát triển bản thân và gắn bó lâu dài với Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

ACBS cam kết thực thi trách nhiệm xã hội doanh nghiệp đối với môi trường và cộng đồng/địa phương cần hỗ trợ với các mục tiêu chính là giảm thiểu lượng rác thải nhựa, giấy in, v.v.

Tinh thần bảo vệ môi trường của người ACBS luôn được nuôi dưỡng để trở thành một nét văn hóa. Các ấn phẩm, quà tặng gửi đến đối tác, khách hàng đều sử dụng các nguyên vật liệu có thể tái chế được nhằm lan tỏa hành động chung tay bảo vệ màu xanh của Trái Đất.

Năm 2024 đánh dấu năm đầu tiên ACBS triển khai hoạt động trồng cây xanh tại Rừng Tà Cú, Bình Thuận. Hoạt động có sự tham gia của 100 nhân viên tại ACBS, số lượng cây trồng là 100 cây. Tại buổi trồng cây, nhân viên được hướng dẫn cách gieo hạt, tưới cây và bảo quản nền đất xung quanh để cây được phát triển tốt nhất.



5 **Đánh giá** của **Hội đồng Thành viên** về hoạt động của Công ty



5.1 **Đánh giá của Hội đồng Thành viên** về các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2024

ACBS trong năm 2024 tiếp tục tăng trưởng tốt về quy mô tài sản và lợi nhuận. Công ty đảm bảo tuân thủ các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Thứ nhất, mọi hoạt động trong năm 2024 đều tăng mạnh so với năm 2023 trong bối cảnh thị trường chứng khoán với những dấu ấn tích cực.

- Tổng tài sản đạt xấp xỉ 26.041 tỷ đồng, tăng 121% và vượt kế hoạch nội bộ đề ra.
- Cho vay khách hàng tăng vượt trội đạt gần 8.690 tỷ, tăng 90%.
- Vay vốn đạt xấp xỉ 16.403 tỷ, tăng gần 3 lần so với đầu năm.

Thứ hai, kết quả lợi nhuận cao và hoàn thành xuất sắc kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế của ACBS đạt 847 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với năm 2023, và vượt kế hoạch kinh doanh đề ra.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 4,5%, giảm nhẹ so với năm 2023.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 11,4%, cao hơn năm 2023.

Thứ ba là sự an toàn và cẩn trọng.

- Trong năm 2024 ACBS không phát sinh nợ xấu.
- Các giới hạn và tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động doanh nghiệp luôn được ACBS giám sát chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ quy định của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính.
- Tỷ lệ vốn khả dụng hợp nhất được duy trì trên mức 500% tại mọi thời điểm trong năm. Tỷ lệ này năm 2024 là 564,6%, vượt xa mức quy định là 180%.

Thứ tư là nâng cấp hệ thống và tính năng

Trong năm 2024, ACBS đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở, nâng cấp app/web với nhiều tính năng ưu việt hơn nhằm mang đến những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng.

Cuối cùng là chú trọng đến trách nhiệm xã hội đối với người lao động, môi trường và cộng đồng/ địa phương.

5.2 Đánh giá của Hội đồng Thành viên về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Hội đồng Thành viên đã tập trung chỉ đạo và kiểm soát Ban Tổng giám đốc thực hiện kế hoạch năm 2024 để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, an toàn và hiệu quả cho việc triển khai thực hiện chiến lược đến năm 2028. Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ thành công về các mặt sau:

- ✓ Đã thực thi kế hoạch kinh doanh năm 2024 thành công, đạt các chỉ tiêu tăng trưởng về quy mô tài sản, hiệu quả hoạt động, an toàn theo đúng định hướng chiến lược hoạt động 2024 – 2028.
- ✓ Cân đối được nguồn vốn và các nguồn lực khác cho các cơ hội kinh doanh và sử dụng vốn linh hoạt, có hiệu quả.
- ✓ Đảm bảo các quy định của Pháp luật và quy định nội bộ được tuân thủ chặt chẽ.
- ✓ Đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng đầy đủ và kịp thời nhu cầu kinh doanh.
- ✓ Xây dựng, củng cố văn hóa kinh doanh năng động và lành mạnh, tạo động lực cho nhân viên đồng hành và gắn kết.

Hội đồng Thành viên ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc.



5.3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Thành viên

Năm 2025, Hội đồng Thành viên ACBS triển khai các kế hoạch và định hướng như sau:

Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Ban điều hành nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được Ngân hàng mẹ thông qua

Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện các dự án chiến lược phát triển giai đoạn 2025 – 2028

Tiếp tục nâng cấp hệ thống quản trị Công ty theo hướng áp dụng thông lệ quốc tế

Tiếp tục xây dựng môi trường (hệ sinh thái) phát triển văn hóa sáng tạo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp chiến lược phát triển mới

Tiếp tục xây dựng ACBS phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững nhằm tạo ra và bảo vệ giá trị tốt nhất cho ngân hàng mẹ và các bên hữu quan



6 Quản trị Công ty

6.1 Hội đồng Thành viên

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên

Hội đồng Thành viên nhiệm kỳ 2023-2028 có 04 thành viên theo Nghị quyết số 1661/TCQĐ-HĐQT.23 vào ngày 05 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Thành viên gồm

STT	Thành viên	Chức danh
1	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
4	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

Hoạt động của Hội đồng Thành viên

Trong năm 2024, Hội đồng Thành viên đã tổ chức tổng cộng 31 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh. Hội đồng Thành viên đã ban hành tổng cộng 53 nghị quyết, 8 quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách đối với các hoạt động, tổ chức bộ máy và nhân sự.

Hội đồng Thành viên triển khai các công việc thuộc thẩm quyền thông qua các Hội đồng chuyên môn gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng, Hội đồng ALCO, Hội đồng Công nghệ thông tin. Nhân sự của mỗi Hội đồng chuyên môn đảm bảo có ít nhất 02 thành viên Hội đồng Thành viên tham gia nhằm tăng cường năng lực quản trị, kịp thời đưa ra các đề xuất, chỉ đạo theo từng lĩnh vực, tăng cường khả năng giám sát, đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động của ACBS.

Các báo cáo tình hình quản trị Công ty định kỳ sáu tháng và cả năm được thực hiện và báo cáo đầy đủ cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Danh sách các thành viên Hội đồng Thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Không áp dụng do ACBS hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn.



6.2 Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát ACBS nhiệm kỳ 2023-2028 có 01 Kiểm soát viên là ông Huỳnh Hiếu Nghĩa. Ông tham gia vai trò Kiểm soát viên tại ACBS từ năm 2012.

Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa tốt nghiệp Cử nhân Kế toán của Trường Cao cấp Ngân hàng TP.HCM và có hơn 23 năm kinh nghiệm công tác trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt ông Nghĩa hiện đang đảm trách vị trí Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Hoạt động của ban kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động Công ty theo Điều lệ của ACBS, tham dự các buổi họp định kỳ của Hội đồng Thành viên.

ACBS duy trì Bộ phận Kiểm toán nội bộ nhằm thực hiện việc kiểm tra, xem xét, đánh giá tính phù hợp, tuân thủ trong quá trình hoạt động của ACBS, kịp thời phát hiện các lỗi phát sinh (nếu có) để kịp thời ngăn chặn và nhanh chóng đưa ra giải pháp khắc phục, đảm bảo hoạt động cho ACBS an toàn, hiệu quả, đúng quy định.

6.3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích Hội đồng Thành viên, Ban Tổng giám đốc Ban Kiểm soát viên là

15,164,974,184 đồng (Mười lăm tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm tám mươi bốn đồng)

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

ACBS đã tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty chứng khoán đối với mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (tổ chức làm chủ sở hữu). Cụ thể như sau:

- ACBS đã tuân thủ cơ cấu tổ chức theo quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
- ACBS đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ACBS, Thông tư quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán và các quy định khác của Pháp luật có liên quan về quản trị Công ty.
- ACBS đã phân định rõ trách nhiệm giữa Chủ sở hữu, Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Pháp luật có liên quan.
- ACBS đã thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
- ACBS đã bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của Pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- ACBS đã công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của ACBS.

ACBS luôn đảm bảo khuôn khổ quản trị Công ty với tính minh bạch và hiệu quả, phù hợp với quy định của Pháp luật.



7 Báo cáo Tài chính





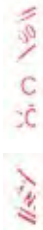
Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0302030508	ngày 29 tháng 6 năm 2000
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302030508 ngày 11 tháng 2 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	06/GPHĐKD 56/2001/UBCK-QLKD 71/UBCK-GPĐCCTCK 77/UBCK-GPĐCCTCK 105/UBCK-GPĐCCTCK 464/QĐ-UBCK 150/UBCK-GP 271/UBCK-GP 115/GPĐC-UBCK 13/GPĐC-UBCK 18/GPĐC-UBCK 26/GPĐC-UBCK 45/GPĐC-UBCK 63/GPĐC-UBCK 101/GPĐC-UBCK 91/GPĐC-UBCK 96/GPĐC-UBCK 05/GPĐC-UBCK 03/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 6 năm 2000 ngày 21 tháng 9 năm 2001 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 1 tháng 10 năm 2007 ngày 14 tháng 1 năm 2008 ngày 7 tháng 7 năm 2008 ngày 4 tháng 9 năm 2008 ngày 4 tháng 11 năm 2009 ngày 3 tháng 10 năm 2012 ngày 13 tháng 6 năm 2014 ngày 11 tháng 8 năm 2014 ngày 11 tháng 7 năm 2017 ngày 21 tháng 6 năm 2021 ngày 3 tháng 8 năm 2022 ngày 24 tháng 10 năm 2022 ngày 13 tháng 11 năm 2023 ngày 28 tháng 11 năm 2023 ngày 26 tháng 1 năm 2024 ngày 22 tháng 1 năm 2025
Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.		
Hội đồng Thành viên	Ông Đỗ Minh Toàn Ông Nguyễn Đức Thái Hân Ông Huỳnh Duy Sang Ông Trịnh Bảo Quốc	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Hoàn Ông Lê Hoàng Tân	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch Hội đồng Thành viên



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury
Số 117 Nguyễn Đình Chiểu
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Chợ lớn 321 - 323 Trần Phú
Phường 8, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Trương Định 107N Trương Định
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Phòng giao dịch
Nguyễn Thị Minh Khai 442 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Đông Sài Gòn Tầng 3, Tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cánh
Phường 22, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Cách Mạng Tháng 8 197A-197B-197C-197/1 Cách Mạng Tháng Tám
Phường 4, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi Lầu 2, Lầu 3 số 41 Mạc Đĩnh Chi
Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội 10 Phan Chu Trinh
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Hải Phòng 15 Hoàng Diệu
Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Chi nhánh Đà Nẵng 218 Bạch Đằng
Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Chi nhánh Khánh Hòa 80 Quang Trung
Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang
Tỉnh Khánh Hòa
Việt Nam

Chi nhánh Vũng Tàu 111 Hoàng Hoa Thám
Phường 2, Thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Việt Nam

Chi nhánh Cần Thơ 17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường Tân An, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của ACBS cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “ACBS”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 7 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00568-25-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		25.814.514.894.805	11.544.970.683.500
I Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		25.756.140.325.555	11.528.773.346.043
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	1.537.490.849.303	506.950.270.662
1.1 Tiền	111.1		397.476.970.785	306.450.270.662
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		1.140.013.878.518	200.500.000.000
2 Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	3.126.491.965.746	1.316.359.984.196
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	11.487.895.656.847	5.119.390.662.949
4 Các khoản cho vay	114	7(c)	8.689.759.268.887	4.574.996.218.248
5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8	(117.475.981.607)	(117.475.881.732)
6 Các khoản phải thu	117	9	1.018.439.622.409	105.436.781.187
6.1 Phải thu từ bán tài sản tài chính	117.1		842.280.911.100	20.012.410.000
6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		176.158.711.309	85.424.371.187
6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		50.000	50.000
6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		176.158.661.309	85.424.321.187
7 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118	10	4.708.334.714	18.681.697.410
8 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	11	4.955.255.753	4.743.346.122
9 Các khoản phải thu khác	122		5.174.446.483	989.359.981
10 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		(1.299.092.980)	(1.299.092.980)
II Tài sản ngắn hạn khác	130		58.374.569.250	16.197.337.457
1 Tạm ứng	131		94.115.680	1.207.382.000
2 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	25.318.265.892	7.932.807.225
3 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		44.000.000	44.000.000
4 Thuế GTGT được khấu trừ	135		610.131.150	55.097.016
6 Tài sản ngắn hạn khác	137	13	32.308.056.528	6.958.051.216



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)
Mẫu B01 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		226.169.134.505	227.606.312.139
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		51.400.000.000	61.920.280.000
1	Các khoản đầu tư	212		51.400.000.000	61.920.280.000
1.2	Đầu tư khác	212.4	14	51.400.000.000	61.920.280.000
II	Tài sản cố định	220		81.826.936.628	78.626.238.153
1	Tài sản cố định hữu hình	221	15	55.952.497.635	62.280.034.768
	Nguyên giá	222		166.748.269.362	155.516.263.736
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(110.795.771.727)	(93.236.228.968)
2	Tài sản cố định vô hình	227	16	25.874.438.993	16.346.203.385
	Nguyên giá	228		79.883.698.611	65.866.730.611
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(54.009.259.618)	(49.520.527.226)
III	Xây dựng cơ bản dở dang	240	17	1.014.000.000	6.965.640.000
IV	Tài sản dài hạn khác	250		91.928.197.877	80.094.153.986
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		7.060.962.100	6.937.962.100
2	Chi phí trả trước dài hạn	252		49.714.235.237	37.943.958.936
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		128.026.672	187.460.118
4	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	18(a)	20.000.000.000	20.000.000.000
5	Tài sản dài hạn khác	255	18(b)	15.024.973.868	15.024.772.832
5.1	Tiền nộp Quỹ Bù trừ giao dịch chứng khoán phải sinh	255.1		15.024.973.868	15.024.772.832
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		26.040.684.029.310	11.772.576.995.639

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)
Mẫu B01 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		16.788.967.900.810	6.203.877.438.180
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310		16.788.954.900.810	6.203.864.438.180
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		16.403.200.000.000	5.922.517.000.000
1.1	Vay ngắn hạn	312	19	16.403.200.000.000	5.922.517.000.000
3	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	20	171.000.071.633	145.049.343.773
4	Phải trả người bán ngắn hạn	320	21	78.256.907.275	7.909.241.469
5	Người mua trả trước ngắn hạn	321		60.000.000	132.000.000
6	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	59.821.539.744	37.539.325.566
7	Phải trả người lao động	323		35.037.937.610	48.518.957.858
8	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		174.276.489	158.580.179
9	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	23	34.167.325.968	29.944.371.705
10	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	3.575.890.410
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	329		7.236.842.091	8.519.727.220
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		13.000.000	13.000.000
1	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		13.000.000	13.000.000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.251.716.128.500	5.568.699.557.459
I	Vốn chủ sở hữu	410		9.251.716.128.500	5.568.699.557.459
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		7.000.000.000.000	4.000.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	24	7.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		147.729.332.606	147.729.332.606
3	Quỹ dự phòng tài chính	415		168.979.231.821	168.979.231.821
4	Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.935.007.564.073	1.251.990.993.032
4.1	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		1.973.624.726.238	1.313.874.386.629
4.2	Lỗ chưa thực hiện	417.2		(38.617.162.165)	(61.883.393.597)
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		26.040.684.029.310	11.772.576.995.639

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
2	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (Số lượng)	002	25(a)	4.050.094	4.050.094
8	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty	008	25(b)	2.050.773.780.000	662.546.330.000
9	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Công ty	009		4.826.920.000	882.530.000
10	TSTC chờ về của Công ty	010	25(c)	33.817.180.000	6.895.630.000
12	TSTC chưa lưu ký tại VSDC	012		1.750.000	1.750.000
14	Chứng quyền (Số lượng)	014		101.925.100	63.318.200
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1	TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021		37.597.702.210.000	33.089.022.665.600
a.	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		34.534.739.980.000	30.009.002.914.600
b.	TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		73.383.790.000	106.561.120.000
c.	TSTC giao dịch cầm cố	021.3		1.426.093.230.000	1.528.835.440.000
d.	TSTC phong tỏa	021.4		1.285.868.580.000	1.107.413.230.000
e.	TSTC chờ thanh toán	021.5		277.616.630.000	337.209.961.000
2	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		325.683.340.000	338.270.630.000
a.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		287.920.440.000	297.822.990.000
b.	TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		37.762.900.000	40.447.640.000
3	TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023		228.964.180.000	287.672.011.000
5	TSTC chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	024b		1.089.364.490.000	1.089.364.490.000
7	Tiền gửi của khách hàng	026		819.013.957.232	832.198.263.074
7.1	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027		686.147.204.998	674.635.343.481
7.1.1	Tiền gửi ký quỹ phái sinh của Nhà đầu tư được Công ty gửi tại VSDC	027.1		26.196.440.758	22.020.494.435
7.2	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		103.407.538.750	129.690.456.910
7.4	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		3.262.772.726	5.851.968.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
8	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031		712.343.645.756	696.655.837.916
8.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1		712.343.635.257	696.655.827.653
8.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2		10.499	10.263
9	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		694.769.299	3.876.019.299
12	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		2.568.003.427	1.975.948.949

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Bà Phạm Thị Sanh

Kế toán tổng hợp

Ông Võ Văn Vân

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đức Hoàn

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
I DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01		1.084.980.001.632	810.283.519.696
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.1	26(a)	473.813.091.216	230.458.744.012
b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.2	26(b)	538.069.001.254	499.412.378.950
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01.3	26(c)	110.841.928.663	16.600.862.426
d. Chênh lệch (giảm)/tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	01.4	26(b)	(37.744.019.501)	63.811.534.308
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	26(c)	401.341.325.347	190.274.472.699
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	26(c)	658.935.441.667	343.880.610.399
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	26(d)	373.059.934.256	313.091.154.245
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	26(d)	10.542.079.104	12.646.237.505
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	26(d)	1.112.727.272	1.943.181.818
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	26(d)	4.428.525.053	2.594.115.842
Cộng doanh thu hoạt động	20		2.534.400.034.331	1.674.713.292.204
II CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21		763.988.626.232	566.151.454.536
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.1	26(a)	286.341.879.411	132.638.347.848
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21.2	26(b)	471.558.356.972	438.589.083.788
c. Chi phí giao dịch mua các TSTC theo FVTPL	21.3		587.996.500	86.030.500
d. Chênh lệch giảm/(tăng) do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	21.4	26(b)	5.500.393.349	(5.162.007.600)
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	27	440.012.880.824	195.849.587.900
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		18.051.453.448	13.621.065.276
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	289.320.481.332	254.562.670.366
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		12.979.675.605	12.200.034.121
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		2.624.502.065	3.467.060.048
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		1.936.541.332	1.244.334.298
Cộng chi phí hoạt động	40		1.528.914.160.838	1.047.096.206.545

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
III DOANH THU TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		2.629.593	15.890.665
3.2 Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42		2.176.911.588	2.688.877.159
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.179.541.181	2.704.767.824
IV CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		42.326.845	44.348.453
Cộng chi phí tài chính	60		42.326.845	44.348.453
V CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		5.383.057.558	6.121.858.137
VI CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	29	156.046.365.904	132.854.209.097
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	70		846.193.664.367	491.301.437.796
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		868.272.746	1.072.494.279
8.2 Chi phí khác	72		380.136.049	409.012.695
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 – 72)	80		488.136.697	663.481.584
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (MANG SANG TRANG SAU)	90		846.681.801.064	491.964.919.380

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
IX TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN				
TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		846.681.801.064	491.964.919.380
(MANG TỪ TRANG TRƯỚC SANG)				
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		823.415.569.632	362.168.082.310
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		23.266.231.432	129.796.837.070
X CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		163.665.230.023	95.528.418.169
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	30	163.605.796.577	95.715.878.287
10.2 Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2		59.433.446	(187.460.118)
XI LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 – 100)	200		683.016.571.041	396.436.501.211
XII THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập: Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra: Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt: Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2024 VND	2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	846.681.801.064	491.964.919.380
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	(706.636.574.968)	11.598.069.589
Khấu hao và phân bổ	03	24.480.845.506	23.157.051.226
Các khoản dự phòng	04	99.875	1.274.125.039
Chi phí lãi vay	06	440.005.715.313	194.168.198.904
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	(401.345.865.332)	(190.400.443.154)
Dự thu tiền lãi	08	(769.777.370.330)	(16.600.862.426)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	477.058.750.321	433.427.076.188
Lỗ từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	477.058.750.321	433.427.076.188
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(500.324.981.753)	(563.223.913.258)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(500.324.981.753)	(563.223.913.258)
5 Tổng thay đổi vốn lưu động	30	(12.542.042.618.346)	(5.991.700.738.786)
Tăng các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(1.743.621.337.268)	(766.841.854.465)
Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	32	(6.368.504.993.898)	(2.757.997.183.497)
Tăng các khoản cho vay	33	(4.114.763.050.639)	(2.527.059.400.521)
Giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34	10.520.280.000	-
Tăng phải thu từ bán tài sản tài chính	35	(822.268.501.100)	(19.468.473.000)
Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	36	1.080.384.355.555	170.904.423.908
Tăng các khoản phải thu	37	(211.909.631)	(1.292.125.375)
Tăng các khoản phải thu khác	39	(4.185.086.502)	(317.742.468)
Tăng các tài sản khác	40	(24.914.974.162)	(49.095.078)
(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(509.743.678)	3.416.257.437
Tăng chi phí trả trước	42	(29.155.734.968)	(31.257.420.173)
Thuế TNDN đã nộp	43	(148.986.335.168)	(59.111.719.454)
Tiền lãi vay đã trả	44	(435.273.017.372)	(211.266.814.843)
Tăng phải trả người bán	45	70.347.665.806	3.847.270.040
Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	15.696.310	(6.684.000)
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	7.662.752.769	2.298.436.427
(Giảm)/tăng phải trả người lao động	48	(13.481.020.248)	19.044.588.095
(Giảm)/tăng phải trả khác	50	(5.097.664.152)	183.456.798.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(12.425.263.623.682)	(5.617.934.586.887)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2024 VND	2023 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(24.901.337.064)	(30.863.580.750)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	62	22.539.387	160.141.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(24.878.797.677)	(30.703.438.932)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	3.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	41.083.320.000.000	18.682.117.000.000
<i>Tiền vay gốc khác</i>	<i>73.2</i>	<i>41.083.320.000.000</i>	<i>18.682.117.000.000</i>
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(30.602.637.000.000)	(14.102.564.000.000)
<i>Tiền chi trả nợ gốc vay khác</i>	<i>74.3</i>	<i>(30.602.637.000.000)</i>	<i>(14.102.564.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	13.480.683.000.000	5.579.553.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	1.030.540.578.641	(69.085.025.819)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	506.950.270.662	576.035.296.481
▪ <i>Tiền gửi ngân hàng đầu năm</i>	<i>101.1</i>	<i>306.450.270.662</i>	<i>151.035.296.481</i>
▪ <i>Các khoản tương đương tiền đầu năm</i>	<i>101.2</i>	<i>200.500.000.000</i>	<i>425.000.000.000</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	1.537.490.849.303	506.950.270.662
▪ <i>Tiền gửi ngân hàng cuối năm</i>	<i>103.1</i>	<i>397.476.970.785</i>	<i>306.450.270.662</i>
▪ <i>Các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	<i>103.2</i>	<i>1.140.013.878.518</i>	<i>200.500.000.000</i>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	136.037.235.083.551	100.616.078.824.356
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(136.051.183.828.570)	(100.559.201.767.266)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	152.430.476.093.647	110.235.341.932.879
<i>Chi tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC</i>	<i>07.1</i>	<i>4.175.946.323</i>	<i>(12.325.825.645)</i>
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(152.418.964.232.130)	(110.046.919.818.140)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	2.558.778.630.295	17.282.278.609.287
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(2.573.701.998.958)	(17.279.177.512.056)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(13.184.305.842)	236.074.443.415
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	832.198.263.074	596.123.819.659
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	832.198.263.074	596.123.819.659
▪ <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	<i>32</i>	<i>696.655.837.916</i>	<i>520.559.548.822</i>
▪ <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	<i>33</i>	<i>129.690.456.910</i>	<i>72.813.399.820</i>
▪ <i>Tiền gửi của các Tổ chức phát hành</i>	<i>35</i>	<i>5.851.968.248</i>	<i>2.750.871.017</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	819.013.957.232	832.198.263.074

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2024 VND	2023 VND
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	819.013.957.232	832.198.263.074
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	712.343.645.756	696.655.837.916
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	103.407.538.750	129.690.456.910
▪ Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	3.262.772.726	5.851.968.248

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B04 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày				Số dư cuối năm tại ngày	
	1/1/2023	1/1/2024	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2023	31/12/2024
	VND	VND	Tăng VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	4.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000	7.000.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	4.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-	3.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000	7.000.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	147.729.332.606	147.729.332.606	-	-	-	-	147.729.332.606	147.729.332.606
Quỹ dự phòng tài chính	168.979.231.821	168.979.231.821	-	-	-	-	168.979.231.821	168.979.231.821
Lợi nhuận chưa phân phối	855.554.491.821	1.251.990.993.032	396.436.501.211	-	683.016.571.041	-	1.251.990.993.032	1.935.007.564.073
Lợi nhuận đã thực hiện (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	1.047.234.722.488 (191.680.230.667)	1.313.874.386.629 (61.883.393.597)	266.639.664.141 129.796.837.070	-	659.750.339.609 23.266.231.432	-	1.313.874.386.629 (61.883.393.597)	1.973.624.726.238 (38.617.162.165)
	4.172.263.056.248	5.568.699.557.459	1.396.436.501.211	-	3.683.016.571.041	-	5.568.699.557.459	9.251.716.128.500

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Phạm Thị Sanh
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Ông Võ Văn Vân
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Nguyễn Đức Hoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 6 năm 2000. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 1 năm 2025 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 7.000.000 triệu VND (1/1/2024: 4.000.000 triệu VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cho vay ký quỹ và lưu ký chứng khoán.

(d) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có một (1) công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “ACBS”).

(f) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, ACBS có 381 nhân viên (1/1/2024: 375 nhân viên).



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3(e)). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của ABCS là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được ABCS áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ ACBS và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế áp dụng tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(d) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi ACBS trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(f);
- Các khoản cho vay: xem Thuyết minh 3(h); và
- Các khoản phải thu: xem Thuyết minh 3(g).

ACBS phân loại các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ ngoại trừ khoản phải trả chứng quyền có đảm bảo được phân loại là nợ phải trả tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

ACBS chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của ABCS đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi ABCS chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao.

ACBS chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi ACBS có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và ACBS có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Các TSTC ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, ACBS xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với ACBS.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn bao gồm các công cụ phải sinh phải được thanh toán kèm theo các công cụ vốn đó được phản ánh theo giá gốc trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn của Thông tư số 23/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2018, cụ thể như sau:

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, Công ty ghi nhận khoản phải trả chứng quyền theo giá phát hành và đồng thời theo dõi ngoại bảng số lượng chứng quyền được phép phát hành.

Chứng quyền được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành sau đó cuối kỳ kế toán năm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại tài khoản “Phải trả chứng quyền”. Cuối kỳ kế toán năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm hoặc tăng, chênh lệch sẽ được ghi nhận tương ứng vào thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí phát hành chứng quyền được ghi nhận vào lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Lãi/(lỗ) tại ngày đáo hạn và mua lại chứng quyền được hạch toán vào lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(f) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà ACBS có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được ACBS xếp vào nhóm ghi nhận theo FVTPL;
- các TSTC đã được ACBS xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi ACBS thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của ACBS và sự kiện này ACBS không thể dự đoán trước được.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(g) Các khoản cho vay

Cho vay giao dịch ký quỹ là số tiền cho nhà đầu tư vay để mua chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai ngày giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản bảo đảm và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trích lập/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của ACBS khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình như sau:

▪ Nhà cửa	25 năm
▪ Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	3 - 6 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(l) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí triển khai tài sản cố định vô hình chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(m) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc thời gian hữu dụng ước tính.

(n) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, ACBS có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào thu nhập toàn diện khác, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào thu nhập toàn diện khác.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(r) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Theo Thông tư 114:

- Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ không cần trích lập thêm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.
- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên của Công ty và công ty con theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định liên quan khác.

Hội đồng Thành viên của Công ty và công ty con chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

(s) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi ACBS nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng, ACBS chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã thực hiện.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(v) **Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp.

(t) **Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay” trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

(u) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(v) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của ACBS nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi ACBS và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(w) **Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của ACBS trong năm trước.

(x) **Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

4. **Các công cụ tài chính**

(a) **Quản lý rủi ro tài chính**

(i) **Tổng quan**

Các loại rủi ro mà ACBS phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà ACBS có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình ACBS sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của ACBS như thế nào, và kiểm toán tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà ACBS gặp phải.

(ii) **Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của ACBS. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của ACBS. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của ACBS. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của ACBS nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, ACBS ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của ACBS.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của ACBS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:			
▪ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	5	397.476.970.785	306.450.270.662
▪ Các khoản tương đương tiền (i)	5	1.140.013.878.518	200.500.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	7(b)	11.487.895.656.847	5.119.390.662.949
Các khoản cho vay:			
▪ Cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	7(c)	8.556.899.945.896	4.462.103.807.065
▪ Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (iii)	7(c)	132.859.322.991	112.892.411.183
Các khoản phải thu khác:			
▪ Phải thu từ bán TSTC(iv)		842.280.911.100	20.012.410.000
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (iv)		176.158.711.309	85.424.371.187
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (iv)	11	4.955.255.753	4.743.346.122
▪ Các khoản phải thu khác (iv)		5.174.446.483	989.359.981
Tài sản ngắn hạn khác (v)	13	32.308.056.528	6.958.051.216
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	18(a)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	18(b)	15.024.973.868	15.024.772.832
		22.811.048.130.078	10.354.489.463.197

(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của ACBS chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho ACBS.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Cho vay giao dịch ký quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt bởi các cấp quản lý và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm tình hình hoạt động kinh doanh của công ty niêm yết, biến động giá và tính thanh khoản của cổ phiếu.

Bộ phận Nghiệp vụ chứng khoán có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một khách hàng là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ		
▪ Quá hạn từ 3 năm trở lên	117.476.188.907	117.476.188.572

Xem Thuyết minh 8 về dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp.

(iii) Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng được thu hồi trực tiếp từ VSDC. VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phát sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, không có số dư nào với VSDC bị quá hạn hoặc bị suy giảm giá trị.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(iv) Các khoản phải thu khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

(v) Tài sản ngắn hạn khác

Bao gồm trong tài sản ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 là các khoản tiền ký quỹ cho giao dịch chứng khoán phải sinh được gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà ACBS không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của ACBS là đảm bảo đến mức cao nhất có thể ACBS luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của ACBS.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	16.403.200.000.000	16.537.130.508.329	16.537.130.508.329
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	171.000.071.633	171.000.071.633	171.000.071.633
Phải trả người bán ngắn hạn	78.256.907.275	78.256.907.275	78.256.907.275
Chi phí phải trả ngắn hạn	34.167.325.968	34.167.325.968	34.167.325.968
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.236.842.091	7.236.842.091	7.236.842.091
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	13.000.000	13.000.000	13.000.000
	16.693.874.146.967	16.827.804.655.296	16.827.804.655.296

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	5.922.517.000.000	6.005.136.478.712	6.005.136.478.712
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	145.049.343.773	145.049.343.773	145.049.343.773
Phải trả người bán ngắn hạn	7.909.241.469	7.909.241.469	7.909.241.469
Chi phí phải trả ngắn hạn	29.944.371.705	29.944.371.705	29.944.371.705
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.519.727.220	8.519.727.220	8.519.727.220
Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	13.000.000	13.000.000	13.000.000
	6.113.952.684.167	6.196.572.162.879	6.196.572.162.879

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của ACBS hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà ACBS nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty có thể phải chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, ACBS không có các số dư từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của ACBS như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	1.537.490.849.303	506.950.270.662
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.487.895.656.847	5.119.390.662.949
Các khoản cho vay – thuần	8.572.283.287.280	4.457.520.336.516
Tài sản ngắn hạn khác	32.308.056.528	6.958.051.216
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	15.024.973.868	15.024.772.832
Vay ngắn hạn	(16.403.200.000.000)	(5.922.517.000.000)

(iii) **Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do ACBS nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu rủi ro về giá cổ phiếu của ACBS như sau:

	Giá trị hợp lý	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các công cụ tài chính có rủi ro về giá cổ phiếu		
Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	3.119.470.229.045	1.316.351.767.495
▪ <i>Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM</i>	<i>2.411.349.014.045</i>	<i>645.524.304.645</i>
▪ <i>Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành</i>	<i>708.121.215.000</i>	<i>670.827.462.850</i>
Nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL	164.257.748.000	138.985.807.000
▪ <i>Phải trả chứng quyền có bảo đảm</i>	<i>164.257.748.000</i>	<i>138.985.807.000</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 12% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, mức chênh lệch thuần đánh giá lại của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty lần lượt sẽ tăng/giảm 299.469 triệu VND và 15.769 triệu VND (1/1/2024: nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, mức chênh lệch thuần đánh giá lại của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty lần lượt sẽ tăng/giảm 52.654 triệu VND và 5.559 triệu VND).



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:	3.126.491.965.746	3.126.491.965.746	1.316.359.984.196	1.316.359.984.196
- Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.411.349.014.045	2.411.349.014.045	645.524.304.645	645.524.304.645
- Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.021.736.701	7.021.736.701	8.216.701	8.216.701
- Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền do Công ty phát hành	708.121.215.000	708.121.215.000	670.827.462.850	670.827.462.850
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	1.537.490.849.303	1.537.490.849.303	506.950.270.662	506.950.270.662
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (i)	11.487.895.656.847	11.487.895.656.847	5.119.390.662.949	5.119.390.662.949
▪ Các khoản cho vay – thuần (i)	8.572.283.287.280	8.572.283.287.280	4.457.520.336.516	4.457.520.336.516
▪ Các khoản phải thu (i)	1.017.140.529.429	1.017.140.529.429	104.137.688.207	104.137.688.207
▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn (i)	4.708.334.714	4.708.334.714	18.681.697.410	18.681.697.410
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp (i)	4.955.255.753	4.955.255.753	4.743.346.122	4.743.346.122
▪ Các khoản phải thu khác (i)	5.174.446.483	5.174.446.483	989.359.981	989.359.981
▪ Tài sản ngắn hạn khác (i)	32.308.056.528	32.308.056.528	6.958.051.216	6.958.051.216
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	7.060.962.100	(*)	6.937.962.100	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	20.000.000.000	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	15.024.973.868	(*)	15.024.772.832	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Các khoản đầu tư	51.400.000.000	(*)	61.920.280.000	(*)

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ Phải trả chứng quyền có bảo đảm	(164.257.748.000)	(164.257.748.000)	(138.985.807.000)	(138.985.807.000)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn (i)	(16.403.200.000.000)	(16.403.200.000.000)	(5.922.517.000.000)	(5.922.517.000.000)
▪ Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và VSDC (i)	(6.742.323.633)	(6.742.323.633)	(6.063.536.773)	(6.063.536.773)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn (i)	(78.256.907.275)	(78.256.907.275)	(7.909.241.469)	(7.909.241.469)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn (i)	(34.167.325.968)	(34.167.325.968)	(29.944.371.705)	(29.944.371.705)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác (i)	(7.236.842.091)	(7.236.842.091)	(8.519.727.220)	(8.519.727.220)
▪ Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	(13.000.000)	(*)	(13.000.000)	(*)

- (i) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các tài sản và nợ phải trả này có kỳ hạn ngắn.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng	376.120.795.819	255.185.625.335
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	21.356.174.966	51.264.645.327
Các khoản tương đương tiền (i)	1.140.013.878.518	200.500.000.000
	1.537.490.849.303	506.950.270.662

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng và hưởng lãi suất năm từ 4,40% đến 4,75% (1/1/2024: 3,85%).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	1.265.296.263	15.349.848.774.100	898.583.245	8.151.783.253.600
Trái phiếu	704.798.400	79.209.719.381.700	108.000.000	12.153.771.500.000
Chứng khoán khác	62.796	8.198.486.990.000	2.000	249.142.590.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	12.007.195.382	264.230.578.596.195	10.842.872.343	202.211.052.503.462
Trái phiếu	30.690	3.514.967.801	4.000.000	417.214.500.000
Chứng khoán khác	226.776	29.048.669.450.000	379.795	41.664.928.720.000
	13.977.610.307	396.040.818.159.796	11.853.837.383	264.847.893.067.062

ẤN
V T
AG
Đ C

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

7. Tài sản tài chính

(a) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

	31/12/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024		
	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.483.564.690.997	2.411.349.014.045	67.350.701.962	139.566.378.914	2.411.349.014.045
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.021.290.909	7.021.736.701	853.918	408.126	7.021.736.701
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	696.758.565.055	708.121.215.000	19.732.794.470	8.370.144.525	708.121.215.000
	3.187.344.546.961	3.126.491.965.746	87.084.350.350	147.936.931.565	3.126.491.965.746

	1/1/2024		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2024		
	Giá gốc VND (1)	Giá trị hợp lý VND (2)	Chênh lệch tăng VND (3) = (2) – (1)	Chênh lệch giảm VND (4) = (1) – (2)	Giá trị đánh giá lại VND (5) = (1) + (3) – (4)
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	758.767.622.510	645.524.304.645	7.730.018.061	120.973.335.926	645.524.304.645
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.770.909	8.216.701	853.918	408.126	8.216.701
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	684.947.816.274	670.827.462.850	11.783.190.377	25.903.543.801	670.827.462.850
	1.443.723.209.693	1.316.359.984.196	19.514.062.356	146.877.287.853	1.316.359.984.196

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	11.269.270.656.847	-	4.932.172.662.949	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – Chứng quyền (ii)	218.625.000.000	-	187.218.000.000	-
	11.487.895.656.847	-	5.119.390.662.949	-

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn đáo hạn còn lại từ 2 đến 8 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 3,30% đến 9,00% (1/1/2024: từ 2,40% đến 9,00%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm 11.268.896 triệu VND (1/1/2024: 4.359.718 triệu VND) đã được dùng để cầm cố tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư này phản ánh khoản tiền gửi ký quỹ bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng lưu ký (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam) nhằm bảo đảm thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành, có thời hạn đáo hạn còn lại từ 5 tháng đến 9 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 5,10% (1/1/2024: từ 3,70% đến 7,00%).

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ/ Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ/ Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	8.556.899.945.896	8.439.423.964.289	4.462.103.807.065	4.344.627.925.333
Tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng (ii)	132.859.322.991	132.859.322.991	112.892.411.183	112.892.411.183
	8.689.759.268.887	8.572.283.287.280	4.574.996.218.248	4.457.520.336.516

(i) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay giao dịch ký quỹ có xem xét đến giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay đã bị quá hạn trên 3 năm.

(ii) Giá trị hợp lý của các khoản tạm ứng được xem như bằng với giá trị ghi sổ của chúng vì các khoản tạm ứng này có kỳ hạn ngắn.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay	117.476.188.907	117.475.981.607	117.476.188.572	117.475.881.732
2024	Tại ngày 31/12/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND (1)	Dự phòng tại ngày 1/1/2024 VND (2)
				Dự phòng trích lập trong năm VND (3) = (1) - (2)
Các khoản cho vay	117.476.188.907	207.300	117.475.981.607	117.475.881.732
				99.875
2023	Tại ngày 1/1/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND (1)	Dự phòng tại ngày 1/1/2023 VND (2)
				Dự phòng trích lập trong năm VND (3) = (1) - (2)
Các khoản cho vay	117.476.188.572	306.840	117.475.881.732	116.201.756.693
				1.274.125.039

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải thu

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngoài Ngân hàng TMCP Á Châu (“Ngân hàng mẹ”)	111.849.691.053	76.567.343.576
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	842.275.011.100	20.012.410.000
Lãi dự thu từ Ngân hàng mẹ	7.467.989.527	7.931.297.611
Dự thu cổ tức – cổ phiếu niêm yết	2.081.500.000	925.680.000
Lãi dự thu từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	54.759.480.729	-
Khác	5.950.000	50.000
	1.018.439.622.409	105.436.781.187

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ứng trước tiền mua và sửa chữa hệ thống phần mềm	1.981.933.600	268.125.600
Sửa chữa và thiết kế văn phòng	78.086.400	3.342.989.600
Thuê văn phòng	-	11.797.419.036
Khác	2.648.314.714	3.273.163.174
	4.708.334.714	18.681.697.410

11. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.257.318.537	3.831.126.385
Phải thu từ hoạt động tư vấn	1.189.000.000	224.000.000
Khác	508.937.216	688.219.737
	4.955.255.753	4.743.346.122

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí phần mềm hệ thống	8.917.517.071	5.664.596.030
Chi phí hệ thống máy chủ	13.043.172.700	-
Chi phí khác	3.357.576.121	2.268.211.195
	25.318.265.892	7.932.807.225

13. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	32.308.056.528	6.958.051.216

Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC, Công ty phải ký quỹ bằng khoản tiền hoặc chứng khoán và phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không được thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSDC quy định.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản đầu tư

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2024			1/1/2024		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Đầu tư Việt Nam	-	-	-	-	10.520.280.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu	10,16%	51.400.000.000	(*)	-	51.400.000.000	(*)	-
		51.400.000.000			61.920.280.000		

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

12/12/2024

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

2024	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	2.403.625.802	4.589.655.636	81.724.850.130	4.352.397.773	155.516.263.736
Tăng trong năm	-	-	-	4.410.379.980	1.395.036.086	5.805.416.066
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	7.877.159.317	-	-	-	-	7.877.159.317
Thanh lý	-	(40.302.900)	-	(2.278.585.857)	(131.681.000)	(2.450.569.757)
Số dư cuối năm	70.322.893.712	2.363.322.902	4.589.655.636	83.856.644.253	5.615.752.859	166.748.269.362
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	38.743.583.099	2.403.625.802	2.407.533.745	47.089.473.857	2.592.012.465	93.236.228.968
Khấu hao trong năm	2.568.400.043	-	602.069.280	15.865.480.611	956.163.180	19.992.113.114
Thanh lý	-	(40.302.900)	-	(2.260.586.455)	(131.681.000)	(2.432.570.355)
Số dư cuối năm	41.311.983.142	2.363.322.902	3.009.603.025	60.694.368.013	3.416.494.645	110.795.771.727
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	23.702.151.296	-	2.182.121.891	34.635.376.273	1.760.385.308	62.280.034.768
Số dư cuối năm	29.010.910.570	-	1.580.052.611	23.162.276.240	2.199.258.214	55.952.497.635

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2023	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	3.233.002.203	5.081.024.436	66.179.264.496	3.751.022.523	140.690.048.053
Tăng trong năm	-	-	-	12.226.729.800	823.994.350	13.050.724.150
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	-	-	-	3.870.769.600	-	3.870.769.600
Thanh lý	-	(829.376.401)	(491.368.800)	(551.913.766)	(222.619.100)	(2.095.278.067)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	2.403.625.802	4.589.655.636	81.724.850.130	4.352.397.773	155.516.263.736
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	36.245.753.723	3.233.002.203	2.230.282.886	33.119.955.435	2.246.699.655	77.075.693.902
Khấu hao trong năm	2.497.829.376	-	668.619.659	14.487.260.825	567.931.910	18.221.641.770
Thanh lý	-	(829.376.401)	(491.368.800)	(517.742.403)	(222.619.100)	(2.061.106.704)
Số dư cuối năm	38.743.583.099	2.403.625.802	2.407.533.745	47.089.473.857	2.592.012.465	93.236.228.968
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	26.199.980.672	-	2.850.741.550	33.059.309.061	1.504.322.868	63.614.354.151
Số dư cuối năm	23.702.151.296	-	2.182.121.891	34.635.376.273	1.760.385.308	62.280.034.768



Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 29.230 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2024: 30.051 triệu VND).

16. Tài sản cố định vô hình

2024	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	65.142.730.611	724.000.000	65.866.730.611
Tăng trong năm	683.200.000	-	683.200.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	13.333.768.000	-	13.333.768.000
Số dư cuối năm	79.159.698.611	724.000.000	79.883.698.611
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	48.995.450.169	525.077.057	49.520.527.226
Khấu hao trong năm	4.313.399.060	175.333.332	4.488.732.392
Số dư cuối năm	53.308.849.229	700.410.389	54.009.259.618
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.147.280.442	198.922.943	16.346.203.385
Số dư cuối năm	25.850.849.382	23.589.611	25.874.438.993

16. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

2023	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	56.045.643.611	724.000.000	56.769.643.611
Tăng trong năm	639.717.000	-	639.717.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 17)	8.457.370.000	-	8.457.370.000
Số dư cuối năm	65.142.730.611	724.000.000	65.866.730.611
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	44.235.374.045	349.743.725	44.585.117.770
Khấu hao trong năm	4.760.076.124	175.333.332	4.935.409.456
Số dư cuối năm	48.995.450.169	525.077.057	49.520.527.226
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	11.810.269.566	374.256.275	12.184.525.841
Số dư cuối năm	16.147.280.442	198.922.943	16.346.203.385

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 45.028 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nhưng vẫn còn đang được sử dụng (1/1/2024: 44.890 triệu VND).

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	6.965.640.000	2.030.640.000
Tăng trong năm	22.268.657.344	17.263.139.600
Chuyển sang chi phí trả trước	(7.009.370.027)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 15)	(7.877.159.317)	(3.870.769.600)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 16)	(13.333.768.000)	(8.457.370.000)
Số dư cuối năm	1.014.000.000	6.965.640.000

Số dư xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 thể hiện khoản chi phí sửa chữa, lắp đặt phần mềm máy vi tính chưa được nghiệm thu.

18. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và tài sản dài hạn khác

(a) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Lãi phát sinh	989.446.523	861.974.772
Lãi nhận được	(989.446.523)	(861.974.772)
Số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

(b) Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối thiểu.



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

Chi tiết của các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Lãi suất %/năm	1/1/2024 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2024 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	2,30% - 5,50%	1.800.000.000.000	15.851.600.000.000	(12.004.400.000.000)	5.647.200.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (i)	5,00% - 6,10%	-	1.500.000.000.000	(1.000.000.000.000)	500.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển (i)	3,86% - 4,70%	600.000.000.000	1.200.000.000.000	(1.200.000.000.000)	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	5,60% - 6,80%	296.000.000.000	1.088.000.000.000	(384.000.000.000)	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (i)	3,00% - 5,80%	220.000.000.000	2.047.500.000.000	(1.138.000.000.000)	1.129.500.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	5,80% - 6,20%	-	600.000.000.000	-	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (i)	3,10% - 5,00%	-	7.041.920.000.000	(4.056.920.000.000)	2.985.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt (i)	6,00%	-	250.000.000.000	-	250.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	3,50% - 4,00%	-	996.000.000.000	-	996.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	3,30% - 5,50%	180.000.000.000	1.775.300.000.000	(1.322.800.000.000)	632.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	3,00% - 5,10%	1.000.000.000.000	4.004.000.000.000	(4.365.000.000.000)	639.000.000.000
Công ty Tài chính TNHH MB Shinse	5,80% - 6,30%	-	670.000.000.000	(430.000.000.000)	240.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (i)	3,50% - 4,03%	150.000.000.000	842.000.000.000	(500.000.000.000)	492.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	6,30%	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình (i)	4,00% - 5,50%	-	262.000.000.000	(130.000.000.000)	132.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	3,20% - 5,80%	400.000.000.000	900.000.000.000	(1.300.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	3,60% - 4,20%	450.000.000.000	400.000.000.000	(850.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	2,70% - 6,50%	-	1.295.000.000.000	(1.095.000.000.000)	200.000.000.000
Ngân hàng Cathay United Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	5,80%	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam	4,70%	-	60.000.000.000	-	60.000.000.000
Vay khác	5,00% - 8,30%	826.517.000.000	-	(826.517.000.000)	-
		5.922.517.000.000	41.083.320.000.000	(30.602.637.000.000)	16.403.200.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với tổng số tiền là 11.268.896 triệu VND (31/12/2023: 4.359.718 triệu VND) (Thuyết minh 7(b)).

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả cho các cơ sở giao dịch chứng khoán và VSDC	6.742.323.633	6.063.536.773
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (*)	164.257.748.000	138.985.807.000
	171.000.071.633	145.049.343.773

- (*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Mã chứng quyền	31/12/2024		1/1/2024	
	Được phép phát hành	Được lưu hành	Được phép phát hành	Được lưu hành
CSTB2306	-	-	19.000.000	18.026.400
CHPG2309	-	-	18.000.000	14.533.200
CMBB2306	-	-	15.000.000	13.801.000
CFPT2404	12.000.000	11.997.900	-	-
CTCB2403	12.000.000	10.300.100	-	-
CMBB2402	11.000.000	9.927.500	-	-
CMWG2401	10.000.000	9.881.500	-	-
Khác	160.000.000	71.238.300	108.800.000	52.832.000
	205.000.000	113.345.300	160.800.000	99.192.600

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải trả người bán khi mua các tài sản tài chính	74.808.027.000	5.748.518.000
Phải trả cho người bán khác	3.448.880.275	2.160.723.469
	78.256.907.275	7.909.241.469

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

2024	1/1/2024 VND		Phải nộp VND	Đã nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2024 VND	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.674.061.676	163.605.796.577	(148.986.335.168)	-	-	33.293.523.085
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.523.434.861	30.378.366.583	(30.385.553.204)	-	-	3.516.248.240
Thuế thu nhập nhà đầu tư	-	14.092.040.967	204.679.366.043	(197.085.396.052)	-	-	21.686.010.958
Thuế giá trị gia tăng	-	268.335.132	668.641.372	(345.475.884)	(243.505.590)	-	347.995.030
Các loại thuế khác	-	981.452.930	26.198.982.251	(26.202.672.750)	-	-	977.762.431
	-	37.539.325.566	425.531.152.826	(403.005.433.058)	(243.505.590)	-	59.821.539.744

2023	1/1/2023 VND		Phải nộp VND	Đã nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp				Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.108.548.213	178.451.056	95.715.878.287	(59.111.719.454)	-	-	18.674.061.676
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.625.700.604	16.846.858.435	(15.949.124.178)	-	-	3.523.434.861
Thuế thu nhập nhà đầu tư	-	10.985.833.146	150.779.076.698	(147.672.868.877)	-	-	14.092.040.967
Thuế giá trị gia tăng	-	314.858.903	661.373.743	(432.743.025)	(275.154.489)	-	268.335.132
Các loại thuế khác	-	2.640.434.810	14.014.521.644	(15.673.503.524)	-	-	981.452.930
	18.108.548.213	16.745.278.519	278.017.708.807	(238.839.959.058)	(275.154.489)	-	37.539.325.566

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	28.222.644.109	23.489.946.168
Các chi phí khác	5.944.681.859	6.454.425.537
	34.167.325.968	29.944.371.705

24. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2024 Được duyệt và đã góp		1/1/2024 Được duyệt và đã góp	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Á Châu ("Ngân hàng mẹ")	7.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	100%

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	4.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Góp vốn bằng tiền của Ngân hàng mẹ	3.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Số dư cuối năm	7.000.000.000.000	4.000.000.000.000



25. Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (số lượng)

	31/12/2024	1/1/2024
Cổ phiếu	3.850.094	3.850.094
Trái phiếu	200.000	200.000
	4.050.094	4.050.094

(b) TSTC niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSDC của Công ty

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	1.269.075.260.000	646.212.170.000
TSTC chờ thanh toán	781.698.520.000	16.334.160.000
	2.050.773.780.000	662.546.330.000

(c) TSTC chờ về của Công ty

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ phiếu	23.623.000.000	760.000.000
Chứng quyền	10.194.180.000	6.135.630.000
	33.817.180.000	6.895.630.000



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Năm 2024	Số lượng	Tổng giá trị bán VND (1)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND (2)	Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL VND (3) = (1) – (2)	Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL VND (3) = (2) – (1)
Cổ phiếu	250.749.842	7.673.914.137.250	7.454.143.809.170	344.875.310.999	125.104.982.919
Trái phiếu	352.399.200	39.601.843.355.800	39.607.876.025.900	3.557.454.663	9.590.124.763
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	300.000	-
Lãi/lỗ từ bán chứng khoán cơ sở				348.433.065.662	134.695.107.682
Lãi/lỗ thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – Hợp đồng tương lai				25.574.662.000	27.352.112.000
Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				91.454.767.454	118.705.796.029
Lãi/lỗ khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				8.350.596.100	5.588.863.700
				473.813.091.216	286.341.879.411

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Năm 2023	Số lượng	Tổng giá trị bán VND (1)	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND (2)	Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL VND (3) = (1) – (2)	Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL VND (3) = (2) – (1)
Cổ phiếu	164.797.014	3.063.438.913.600	2.954.358.774.535	170.183.083.742	61.102.944.677
Trái phiếu	55.000.000	6.181.271.000.000	6.180.660.500.000	2.380.500.000	1.770.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	5.000	113.400.000	113.750.000	180.207.978	350.000
Lãi/lỗ từ bán chứng khoán cơ sở				172.743.791.720	62.873.294.677
Lãi/lỗ thuần vị thế từ nghiệp vụ tự doanh chứng khoán phái sinh – Hợp đồng tương lai				1.188.910.000	193.780.000
Lãi/lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				44.838.466.800	68.736.766.271
Lãi/lỗ khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				11.687.575.492	834.506.900
				230.458.744.012	132.638.347.848

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC và phải trả chứng quyền đang lưu hành theo FVTPL

2024	Giá gốc tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	2.483.564.690.997	2.411.349.014.045	(72.215.676.952)	(113.243.317.865)	41.027.640.913
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.021.290.909	7.021.736.701	445.792	445.792	-
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	696.758.565.055	708.121.215.000	11.362.649.945	(14.120.353.424)	25.483.003.369
	3.187.344.546.961	3.126.491.965.746	(60.852.581.215)	(127.363.225.497)	66.510.644.282
2024	Giá gốc tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND
Chứng quyền có bảo đảm	186.493.167.050	164.257.748.000	22.235.419.050	(65.479.831.900)	(43.244.412.850)



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các TSTC và phải trả chứng quyền đang lưu hành theo FVTPL (tiếp theo)

2023	Giá gốc tại ngày 31/12/2023 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND
TSTC ghi nhận theo FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCOM	758.767.622.510	645.524.304.645	(113.243.317.865)	(167.108.876.262)	53.865.558.397
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	7.770.909	8.216.701	445.792	445.792	-
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	684.947.816.274	670.827.462.850	(14.120.353.424)	(21.078.090.189)	6.957.736.765
	1.443.723.209.693	1.316.359.984.196	(127.363.225.497)	(188.186.520.659)	60.823.295.162
2023	Giá gốc tại ngày 31/12/2023 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại tại ngày 1/1/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND
Chứng quyền có bảo đảm	204.465.638.900	138.985.807.000	65.479.831.900	(3.493.710.008)	68.973.541.908



Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	2024 VND	2023 VND
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	538.069.001.254	499.412.378.950
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL	(471.558.356.972)	(438.589.083.788)
Lợi nhuận trong năm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	66.510.644.282	60.823.295.162
Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(37.744.019.501)	63.811.534.308
Chênh lệch giảm/(tăng) do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(5.500.393.349)	5.162.007.600
(Lỗ)/lãi trong năm về đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(43.244.412.850)	68.973.541.908

26. Doanh thu hoạt động (tiếp theo)

(c) Cổ tức, thu nhập lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu

	2024 VND	2023 VND
Từ TSTC ghi nhận theo FVTPL	110.841.928.663	16.600.862.426
▪ Thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn	86.403.367.663	4.207.328.776
▪ Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	24.438.561.000	12.393.533.650
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	401.341.325.347	190.274.472.699
Từ các khoản cho vay và phải thu	658.935.441.667	343.880.610.399
▪ Thu nhập từ hoạt động giao dịch ký quỹ	644.511.301.790	336.215.104.987
▪ Thu nhập từ dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	6.152.575.066	4.752.739.310
▪ Thu nhập từ hoạt động gia hạn khoản vay ký quỹ	8.271.564.811	2.912.766.102
	1.171.118.695.677	550.755.945.524

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	373.059.934.256	313.091.154.245
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	10.542.079.104	12.646.237.505
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.112.727.272	1.943.181.818
Thu nhập hoạt động khác	4.428.525.053	2.594.115.842
	389.143.265.685	330.274.689.410

27. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	2024 VND	2023 VND
Trích lập chi phí dự phòng TSTC và tài sản thế chấp (Thuyết minh 8)	99.875	1.274.125.039
Chi phí đi vay	440.005.715.313	194.168.198.904
Chi phí khác	7.065.636	407.263.957
	440.012.880.824	195.849.587.900

28. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương cho nhân viên	112.359.650.489	118.532.260.499
Phí môi giới chứng khoán	78.406.058.551	57.160.350.360
Dịch vụ mua ngoài	41.440.911.446	37.101.244.435
Khấu hao tài sản cố định	15.703.881.411	16.400.361.715
Khác	41.409.979.435	25.368.453.357
	289.320.481.332	254.562.670.366

29. Chi phí quản lý

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương	92.935.386.996	84.722.008.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.666.813.277	29.417.992.935
Khấu hao tài sản cố định	6.748.109.490	6.156.222.495
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.019.768.044	5.169.333.494
Chi phí văn phòng phẩm	3.513.147.375	2.278.611.430
Chi phí khác	8.163.140.722	5.110.040.401
	156.046.365.904	132.854.209.097

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	163.605.796.577	95.715.878.287
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	59.433.446	(187.460.118)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	163.665.230.023	95.528.418.169

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	846.681.801.064	491.964.919.380
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	169.336.360.213	98.392.983.876
Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	(859.445.200)	(476.513.400)
Thu nhập không bị tính thuế	(4.887.712.200)	(2.478.706.730)
Chi phí không được khấu trừ thuế	76.027.210	90.654.423
	163.665.230.023	95.528.418.169

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và công ty con là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu – Ngân hàng mẹ		
Nhận vốn góp chủ sở hữu	3.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	70.750.890.390	76.284.086.305
Chi phí thuê văn phòng, điện nước phải trả	1.101.575.158	1.792.912.336
Doanh thu hoạt động cho thuê	798.000.000	840.000.000
Doanh thu hoạt động môi giới	7.069.662	-
Chi phí khác	84.188.870	70.301.107
Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty và công ty con	16.291.990.660	15.358.474.184

Công ty có các số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.039.950.138	212.720.776.675
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 12 tháng	1.549.021.797.897	897.622.662.949
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	390.013.878.518	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	7.467.989.527	7.931.297.611
Vốn góp	7.000.000.000.000	4.000.000.000.000

32. Cam kết thuế

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	15.260.393.504	12.237.960.078
Từ hai đến năm năm	30.495.254.058	44.255.647.562
	45.755.647.562	56.493.607.640

Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK/HN
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

33. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 8121/UBCK-QLKD về việc đã nhận được Hồ sơ đăng ký tăng vốn điều lệ của Công ty lên 10.000.000.000.000 VND. Ngày 2 tháng 1 năm 2025, Công ty đã nhận đủ 3.000.000.000.000 VND vốn góp từ Ngân hàng mẹ. Ngày 22 tháng 1 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép Điều chỉnh Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 03/GPĐC-UBCK với số vốn điều lệ là 10.000.000.000.000 VND.

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của ACBS tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập: Bà Phạm Thị Sanh
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra: Ông Võ Văn Vân
Kế toán trưởng

Người duyệt: Ông Nguyễn Đức Hoàn
Tổng Giám đốc



ACBS

Số: 53.H/CV-ACBS 25

TP.HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

V/v Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 so với năm 2023 trên 10%.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 so với năm 2023 trên 10% như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Báo cáo tài chính	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Báo cáo tài chính hợp nhất	Lợi nhuận sau thuế	683	397	286

Lý do ảnh hưởng chủ yếu:

- Doanh thu hoạt động tăng với số tiền 859 tỷ đồng, trong đó: lãi từ hoạt động đầu tư tăng 486 tỷ đồng; lãi từ các khoản cho vay tăng 315 tỷ đồng; doanh thu hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán tăng 58 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.
- Chi phí hoạt động kinh doanh tăng 481 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.
- Chi phí quản lý tăng 24 tỷ đồng.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 68 tỷ đồng.

Như vậy, do ảnh hưởng trọng yếu của yếu tố nêu trên, lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 so với năm 2023 đã tăng 286 tỷ đồng. ACBS giải trình để Quý Cơ quan hữu quan được rõ.

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu P.HCTH và P.KT

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Đức Hoàn

Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
T. (84-28) 7300 7000 - F. (84-28) 7300 3751, DVKH 1900 555 533
www.acbs.com.vn



8 Kế hoạch 2025



8.1 Triển vọng thị trường 2025

Dẫn dắt thị trường chứng khoán toàn cầu trong 2024 là diễn biến nền kinh tế Mỹ và các quyết sách về lãi suất của Fed. Bất chấp các mối lo về khả năng suy thoái hoặc kịch bản hạ cánh mềm, nền kinh tế Mỹ vẫn chứng tỏ sức mạnh trong năm 2024. Các số liệu về thị trường lao động đều trong vùng mục tiêu, trong khi lạm phát giảm nhưng chậm. Từ đó khiến các quyết định giảm lãi suất của Fed chậm hơn và ít hơn so với những kỳ vọng ban đầu của thị trường. Mỹ tiếp tục duy trì vị thế “miền đất hứa” đối với các quỹ đầu tư. Dòng tiền đầu tư toàn cầu rút khỏi các thị trường mới nổi, cận biên về thị trường Mỹ trở thành một làn sóng xuyên suốt năm 2024. Làn sóng này tạm thời chững lại khi FED bắt đầu hạ lãi suất. Tuy nhiên, sự kiện Donald Trump thắng cử nhiệm kỳ 2025-2029 khiến chỉ số DXY tăng mạnh, cùng với quan điểm thận trọng của Fed về lộ trình hạ lãi suất năm 2025 sẽ khiến làn sóng này tiếp tục duy trì sang năm 2025.

Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung bước vào năm 2025 với một vị thế không có nhiều thuận lợi từ môi trường vĩ mô thế giới ngày càng trở nên kém ổn định. Rủi ro lớn nhất đến từ vấn đề tỷ giá và khả năng suy giảm xuất khẩu nếu thương chiến diễn biến theo chiều hướng bất lợi. Để dự báo và đối phó với một bối cảnh kém chắc chắn là điều không dễ dàng đối với các nhà điều hành chính sách.

Phát huy nội lực trở thành bước đi chiến lược để duy trì tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong 5 năm tới. Để hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực và bất định từ ngoại cảnh, Chính phủ Việt Nam đang thể hiện quyết tâm cao độ trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế từ các động lực trong nước. Trong đó, quyết liệt đẩy mạnh đầu tư công trên nền tảng tinh giản bộ máy hành chính & kiện toàn văn bản pháp luật là những bước đi chiến lược. Chúng tôi dự báo GDP trong năm 2025 của Việt Nam có thể đạt 7,0-7,5%.

Năm 2025 cũng là năm bản lề của TTCK Việt Nam với sự kiện được nâng hạng lên thị trường mới nổi của FTSE sau 7 năm kể từ khi được vào watch-list. Sự kiện này được đánh giá sẽ mang lại cho VNINDEX dòng vốn ngoại từ các quỹ ETF, các quỹ chủ động, cũng như khả năng nâng nền định giá lên mức cao hơn, từ đó hỗ trợ đà tăng của các cổ phiếu vốn hóa lớn.

Trong kịch bản cơ sở, chúng tôi cho rằng, nền định giá hợp lý của VNINDEX sẽ tiếp tục bám sát P/E trung vị 3 năm, tương ứng với vùng giao dịch 1.240-1.420 điểm trên nền thanh khoản tăng 15% so với bình quân năm 2025. Ba chủ điểm đầu tư lớn nhất trong năm 2025 là

- (1) Ảnh hưởng của thương chiến lên nền kinh tế Việt Nam
- (2) Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam
- (3) Thúc đẩy đầu tư công. Ngoài ra, chúng tôi thấy có một số nhóm ngành vẫn duy trì được lợi nhuận tích cực trong năm 2025 trên nền định giá hợp lý là Ngân hàng & ngành điện

8.2 Kế hoạch phát triển Khối kinh doanh

Để chuẩn bị cho kế hoạch tăng trưởng trong năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2027, ngay từ đầu năm ACBS đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 10.000 tỷ đồng và **phần lớn trong 3 nghìn tỷ nguồn vốn tăng thêm sẽ được ACBS tập trung đầu tư cho các hoạt động của khối dịch vụ chứng khoán bao gồm cho vay margin, đầu tư công nghệ và sản phẩm mới**. Việc tăng vốn điều lệ cũng giúp ACBS tăng cường thêm nguồn lực tài chính và trở thành một trong năm công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất hiện nay.

Trong năm 2024, ACBS đã hoàn thành việc nâng cấp core giao dịch chứng khoán cơ sở với công suất lớn và nhiều tính năng ưu việt hơn, đây sẽ là nền tảng để **ACBS tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm nhằm mang đến những giá trị gia tăng cũng như trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng**. Song song với việc đầu tư core giao dịch mới, ACBS cũng đã đầu tư rất mạnh cho công tác bảo mật, an toàn hệ thống, giúp nhà đầu tư an tâm tuyệt đối khi giao dịch tại ACBS.

Hướng tới việc nâng hạng và thị trường chứng khoán ngày càng đa dạng các phân lớp nhà đầu tư, **ngay từ đầu năm 2025, ACBS cũng đã chính thức cho ra mắt 2 dịch vụ mới dành cho phân khúc Khách hàng ưu tiên và Khách hàng giao dịch chủ động**. Điều này sẽ giúp ACBS đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và nâng cao trải nghiệm dịch vụ trong khi vẫn đảm bảo cạnh tranh về chính sách giá và tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư. Việc cho ra mắt thêm 2 loại hình dịch vụ cũng giúp ACBS hoàn thiện mô hình hoạt động của mảng dịch vụ chứng khoán và tiến gần hơn với mô hình tổ chức Khối bán lẻ của ngân hàng mẹ ACB. Đồng thời, trong năm 2025, ACBS xác định các chương trình hợp tác cùng ngân hàng mẹ ACB là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, **bao gồm các sản phẩm dành đầu tư và quản lý tài sản cho nhóm khách hàng ưu tiên ACB**. Đây được xem là động lực tăng trưởng lớn nhất cho mảng dịch vụ chứng khoán ACBS trong năm 2025.

Về hoạt động môi giới, ACBS tiếp tục đẩy mạnh các chương trình đào tạo, xây dựng khung năng lực cho đội ngũ chuyên viên và giám đốc môi giới, phấn đấu trở thành công ty chứng khoán có hiệu quả tư vấn tốt nhất và ấn tượng nhất trên thị trường.

Về mảng khách hàng định chế, ACBS định hướng cung cấp dịch vụ chuyên biệt dành cho từng khách hàng tổ chức trong nước và ngoài nước. Cuối năm 2024, ACBS cũng đã triển khai sản phẩm NPF dành cho các khách hàng tổ chức nước ngoài. Với nguồn lực tài chính dồi dào, ACBS được đánh giá là một trong những đối tác tin cậy cung cấp dịch vụ này cho nhà đầu tư. Bên cạnh việc phát triển khách hàng, ACBS đang nỗ lực hoàn thiện và nâng cao trình độ, kỹ năng của đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng định chế với các dịch vụ của ACBS.



8.3 Kế hoạch phát triển theo xu thế Chuyển đổi số trong 2025

Trong bối cảnh cách mạng công nghệ , trí tuệ nhân tạo đang diễn ra mạnh mẽ, ACBS đã và đang có những kế hoạch cụ thể cho năm 2025 với trọng tâm là đón đầu công nghệ nền tảng, chuyển đổi toàn diện, sâu rộng, thực chất, và kiện toàn hệ thống thông tin hiện hữu.

Trí tuệ nhân tạo và mô hình ngôn ngữ lớn

- Sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn như Llama, Qwen, Phi. ACBS tập trung phát triển hệ thống Chatbot (SMARTY) chuyên sâu đa nền tảng
- Tập trung xây dựng mô hình AI Agents cho phân tích, trích xuất thông tin và cải tiến các quy trình.
- Tổng hợp, tóm tắt và trích xuất thông tin các tài liệu nội bộ.

Chuyển đổi số toàn phần, thực chất

- Tối ưu, cải tiến các dịch vụ đã số hóa trong những năm qua. Ưu tiên tinh gọn, hiệu quả về chi phí, và đảm bảo chất lượng thông qua việc chuyển đổi ngôn ngữ lập trình, tối ưu mô hình kiến trúc.
- Tiếp tục phân loại và đẩy nhanh việc chuyển đổi số bằng các tiêu chí cụ thể như:
 - Sử dụng các ngôn ngữ mới với hiệu năng cao, chi phí thấp như Rust , Go, Quarkus (Java).
 - Bám sát tiêu chuẩn OpenApi.
 - Áp dụng CI/CD vào toàn bộ các dự án chuyển đổi.

Mở rộng tích hợp an toàn, nhanh chóng với hệ thống Core và ngoài Core thông qua hệ thống API Gateway.



ANNUAL REPORT | 2024

ACB SECURITIES COMPANY LIMITED

3rd Floor Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu,
Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

 1900 5555 33

 acbs.com.vn

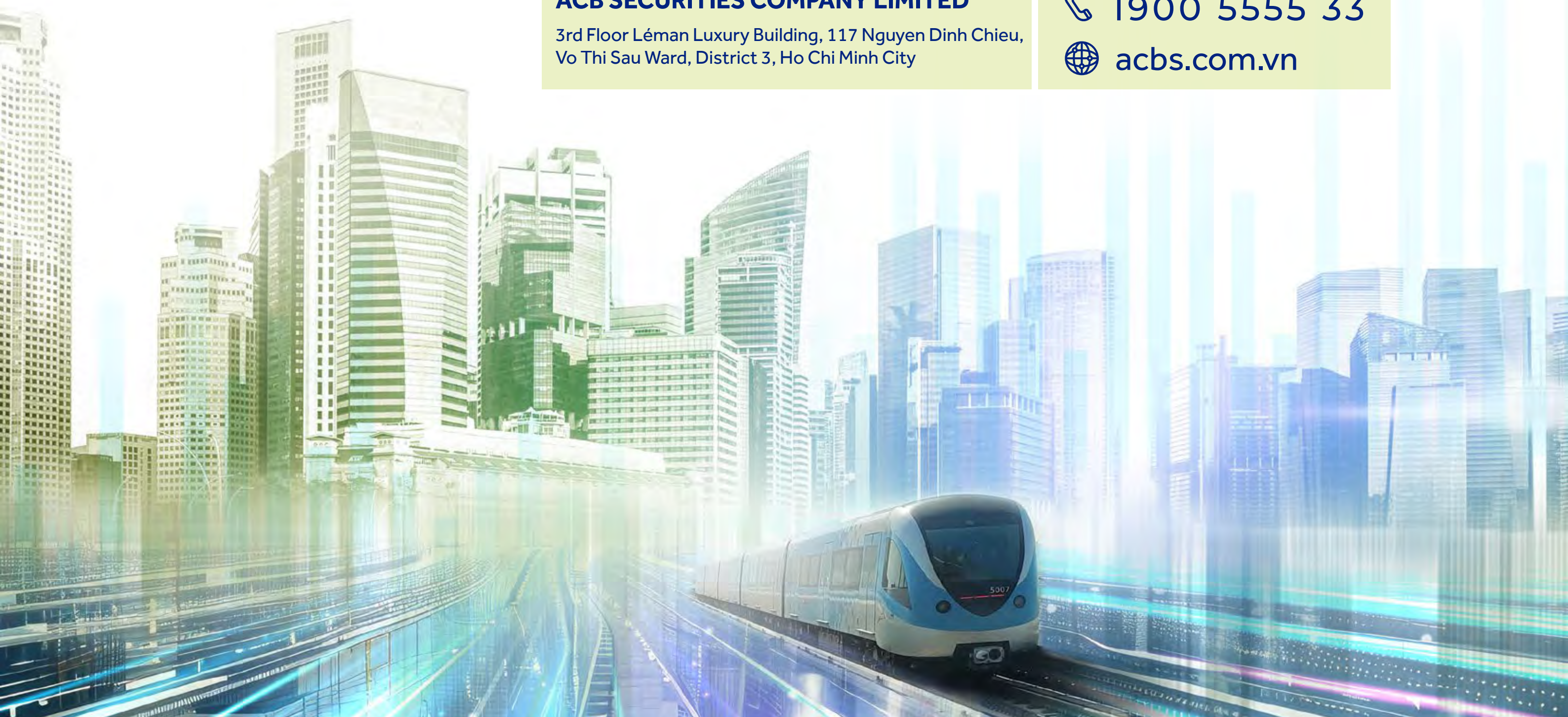


Table of contents

1. MESSAGE FROM THE CHAIRMAN	04	6. THE COMPANY GOVERNANCE	36
2. ABOUT ACBS	05	6.1 The Board of Members	
2.1 General information		6.2 The Board of Supervisor	
2.2 Business units		6.3 Transactions, remunerations, and benefits of the Board of Members, Board of Directors and Board of Supervisors	
2.3 Organizational and governance structures		7. FINANCIAL STATEMENT	39
2.4 Development strategy		7.1 Auditor's opinion	
2.5 Risk management		7.2 Audited financial statement	
3. BUSINESS PERFORMANCE IN 2024	15	8. KEY INITIATIVES FOR 2025	85
3.1 Full-year business performance		8.1 Market outlook in 2025	
3.2 The Board and Human Resource policies		8.2 Business division development plan in 2025	
3.3 Investment activities, project implementation		8.3 Digital transformation in 2025	
3.4 Financial review			
3.5 Changes in the Owner's equity			
3.6 Report on ACBS's responsibilities toward community and environment			
4. REPORTS AND ASSESSMENTS ON THE OPERATIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS	26		
4.1 Assessment of operating results			
4.2 Financial situation			
4.3 Improvements in organizational structure, policies, and management			
4.4 Development plans in future			
4.5 Explanation of the Board of Directors for Auditor's opinions			
4.6 Assessment report of environmental and social responsibilities of the Company			
5. ASSESSMENTS OF THE BOARD OF MEMBERS ON THE ACBS' OPERATION	32		
5.1 Assessments of the Board of Directors on the ACBS' operation			
5.2 Assessment of Board of Council on Board of Directors performance			
5.3 Plans and orientations of the Board of Members			



1 Message from **The Chairman**

Message from The Chairman

The year 2024 was marked by the profound and comprehensive impact of the U.S. economic health and the Federal Reserve's interest rate policies on global economic growth and investment flows. Additionally, geopolitical conflicts tend to expand and escalate in various regions worldwide, further increasing uncertainty and hindering global economic recovery.

Amidst this global landscape, as an economy with a high exposure to global trading activities, Vietnam has faced significant challenges concerning overall economic growth and the development of its stock market, particularly as foreign investors continued to record net sales. However, the achievements of the past year have demonstrated Vietnam's resilience, with the country lowering its inflation rate and maintaining the highest GDP growth rate in Southeast Asia at 7.09%, while the stock market recorded a growth of 12.11%. This growth was considered as a highlight in the world's economy throughout the year.

In 2024, ACBS also achieved remarkable milestones in its journey of Change - Improve - Develop. The company's after-tax profit reached 683 billion VND, marking a 72.5% increase compared to 2023. Furthermore, ACBS accomplished significant milestones in system and service offerings, such as launching value investing product for priority customers in collaboration with our parent bank, successfully upgrading our core system, and restructuring our branch network. The company was also honored with numerous prestigious awards, including Corporate Excellence Award by APEA, Outstanding Brokerage Service of the year by VIR and VWA, and Top 10 Most Reputable Financial Companies by Vietnam Report.

As for 2025, although we recognize the heightened uncertainties stemming from trade tensions among major economies, we remain confident that Vietnam will continue to achieve strong economic growth, driven by its flexible diplomatic policies. Additionally, 2025 will be a pivotal year for Vietnam's stock market as it approaches an upgrade from a frontier market to an emerging market, thereby attracting substantial foreign investment inflows.

To ensure sufficient capital for the country's enormous growth, ACBS will increase its charter capital to 11,000 billion VND, positioning itself among the largest securities firms in terms of capital. Furthermore, the company will continue to enhance its product portfolio, improve service quality, and pioneer innovative business strategies to meet the evolving needs of our clients and partners. This comes at a time when Vietnam's financial market is becoming increasingly professional and aligning itself with global financial standards.

On behalf of ACB Securities, I would like to extend our sincere appreciation for the trust and support of our valued investors and partners. With your collaboration, I believe that we will achieve extraordinary success in 2025.

Wishing you good health, happiness, and success!

“ACBS will increase its charter capital to 11,000 billion VND, positioning itself among the largest securities firms in terms of capital”



Chairman of the Board
DO MINH TOAN



2 About ACBS

2.1 General information

Company name

ACB Securities Company Limited

Enterprise registration certificate number

0302030508

Address

**3rd Floor Léman Luxury Building,
117 Nguyen Dinh Chieu, Vo Thi Sau Ward,
District 3, Ho Chi Minh City**

Charter capital

7,000,000,000,000 VND

Owner's equity

9,251,716,128,500 VND

Total asset

26,040,684,029,310 VND



(028) 7300 7000



(028) 7300 3751



<http://www.acbs.com.vn>



ACBS

2000 - 2005

The State Securities Commission of Vietnam (SSC) issued a license for the operation of 06.UBCK – GPHĐKD to the ACB Securities Company Limited, which was founded with 100% ownership capital from Asia Commercial Joint Stock Bank (ACB)

The initial charter capital was 43 billion VND

The company is headquartered at 442 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 5, D3, HCM City

2005 - 2009

ACBS changed its charter capital from 100 billion VND --> 250 billion VND --> 500 billion VND --> 1,000 billion VND --> 1,500 billion VND respectively

The headquarters relocated to 9 Le Ngo Cat St., Ward 7, D3, and later to 107N Truong Dinh St., Ward 6, D3, HCM City

The online trading system was officially launched, allowing transactions via the Internet with security ensured through digital certificates

2009 - 2014

Marked the 10th Anniversary of the Company's Establishment

Launched telephone transaction services and successfully upgraded the USB Token security method for Internet transactions

ACBS won many categories of the prestigious award by Asiamoney Brokers Poll

- Best overall sales services
- The most improved brokerage over the last 12 months
- The most independent research brokerage

- The best for events and conferences
- The best for roadshows and company visits
- The best salesperson

Ranked 3rd in brokerage market share on both HoSE and HNX exchanges

Implemented SWIFT connectivity solutions with foreign depository banks

On June 13, 2014, ACBS relocated its headquarters to 41 Mac Dinh Chi St., Dakao Ward, D1, HCM City

2014 - 2019

Honored in the Top 10 Outstanding Securities Companies in the Vietnamese Stock Market

Launched ACBS Trading Software

Introduced a new brand identity system based on the core values of "Reliable, Friendly, and Agile"

Organized the "TRADE PRO" competition for undergraduates

Acknowledgment and commendation by the Ho Chi Minh City People's Committee for outstanding activities over several consecutive years

Being the 11th Securities Company in the derivatives securities trading market

ACBS signed cooperation agreement with EFG Hermes Financial Group (Egypt) to support EFG Hermes clients participating in the Vietnamese stock market

2019 - 2023

Marked the 20th Anniversary of ACBS establishment

Increased the Registered Capital for the sixth time to 3,000 billion VND

Successfully launched Covered Warrants

Introduced the S-eyes (eKYC securities account opening service)

On October 24th, 2022, ACBS relocated its headquarters to Level 3 - Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu St., Ward Vo Thi Sau, D3, HCM City

2023 - 2024

Successfully launched a **new core securities trading system**

Two capital increases: from 3,000 billion VND to 4,000 billion VND, from 4,000 billion VND to 7,000 billion VND

Recognized **twice in a row as an Outstanding Member in securities depository activities** by the Vietnam Securities Depository Company (VSDC)

Ranked among the **Top 10 Most Reputable Financial Companies of 2024** by Vietnam Report and Vietnamnet

Honored for **Outstanding Financial Brokerage Services and Contributions to Financial Services Development in 2024** by Vietnam Investment Review and VWA

Awarded the **Corporate Excellence** titled by APEA

Opened its 7th branch in Ho Chi Minh City – Dong Sai Gon Branch, located on the 3rd floor of 53-55 Nguyen Huu Canh Street, Ward 22, Binh Thanh District.

Introduced the **ACBS SMART securities trading platform**

Development history

2.2 Business units

ACB Securities Company operates with full functions of a securities company including

Securities brokerage

Proprietary trading

Underwriting securities

Securities investment advisory

Trading in derivatives

Providing clearing and settlement services for derivative securities transactions

Issuing covered warrants and performing all operations related to covered warrants

Securities depository services, financial consulting, receiving entrustment management of securities trading accounts of investors and other financial services according to regulations of the Ministry of Finance

ACBS has the Head Office in HCM City and 12 branches/transaction offices including

- **HA NOI BRANCH**

10 Phan Chu Trinh St., Hoan Kiem District

- **HAI PHONG BRANCH**

15 Hoang Dieu St., Hong Bang District

- **DA NANG BRANCH**

218 Bach Dang St., Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District

- **KHANH HOA BRANCH**

80 Quang Trung St., Loc Tho Ward, Nha Trang City

- **VUNG TAU BRANCH**

111 Hoang Hoa Tham Street (2nd Floor, Block A3- A8), Ward 2

- **ACBS HAS THE HEAD OFFICE IN HCM CITY AND 12 BRANCHES/TRANSACTION OFFICES INCLUDING**

Head Office

3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu St., Vo Thi Sau Ward, D3

Truong Dinh Branch

107N Truong Dinh St., Vo Thi Sau Ward, D3

Mac Dinh Chi Branch

41 Mac Dinh Chi St., Dakao Ward, D1

Cach Mang Thang 8 Branch

197A- 197B- 197C- 197/1 Cach Mang Thang Tam St., Ward 4, D3

Cho Lon Branch

321- 323 Tran Phu Street, Ward 8, D5

Dong Sai Gon Branch

3rd Floor, 53- 55 Nguyen Huu Canh St., Ward 22, Binh Thanh District

Nguyen Thi Minh Khai transaction office

442 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 5, D3

- **CAN THO BRANCH**

17- 19, Nam Ky Khoi Nghia St., Tan An Ward





Awards in 2024

In 2024, we operated with abundant and high-quality capital from our parent bank, ACB. Leveraging this strong financial foundation, we enhanced our services by upgrading our securities trading system to meet evolving market standards and expanding our margin lending, securities brokerage, and capital trading operations.

As a result, we were honored by several prestigious organizations, including VSDC, Vietnam Investment Review, APEA, and Vietnam Report.



VIETNAM SECURITIES DEPOSITORY AND CLEARING CORPORATION (VSDC) awarded

Outstanding Member in Securities Depository activities in 2024



VIETNAM INVESTMENT REVIEW AND VWA awarded

Outstanding Brokerage Service of the year and For Financial Services Development



VIETNAM REPORT AND VIETNAMNET awarded

Top 10 Reputable Companies in the Financial Sector in 2024



ASIA PACIFIC ENTERPRISE AWARDS (APEA) awarded

Corporate Excellence Award

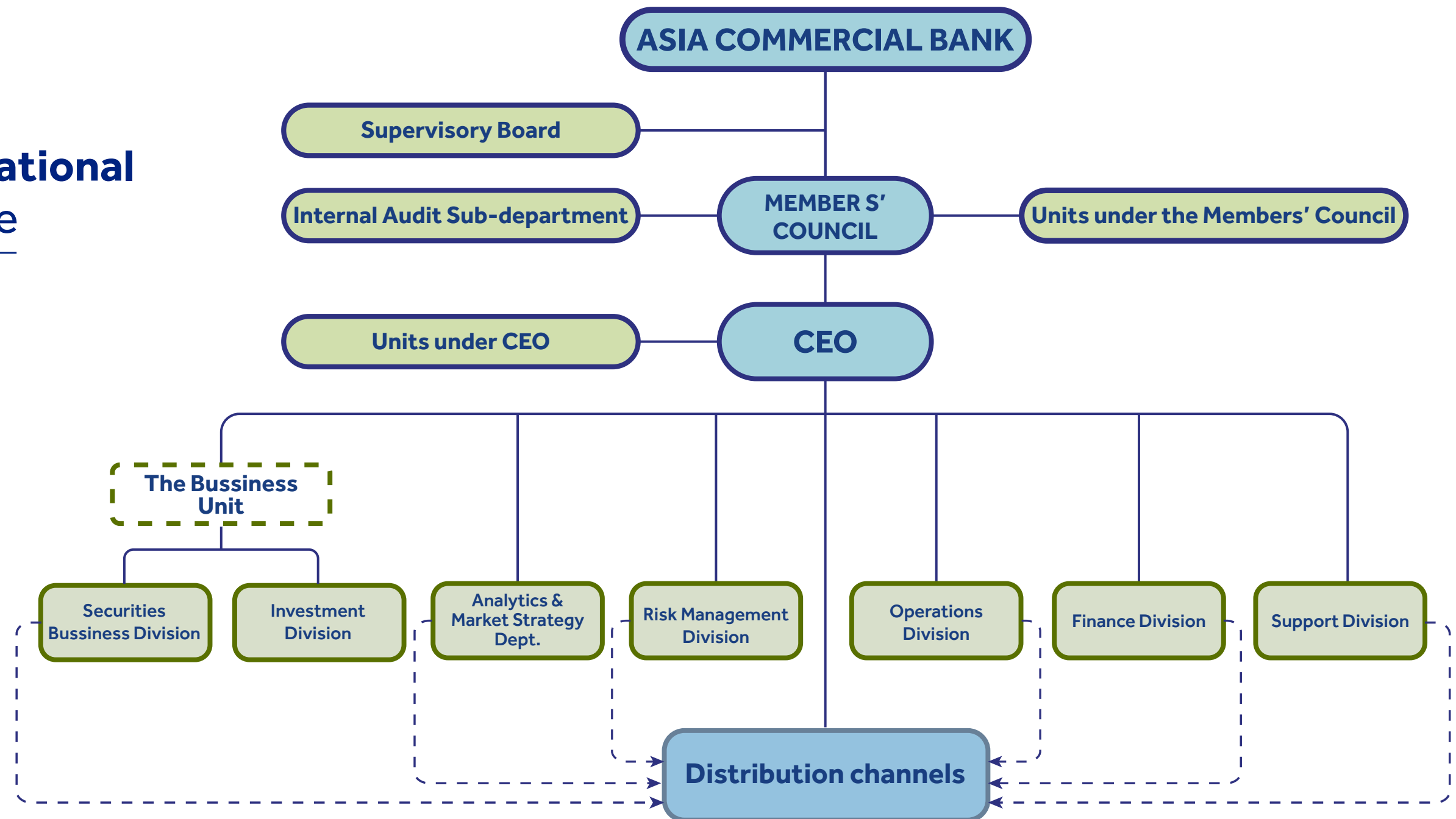


UK'S INTERNATIONAL FINANCE PUBLICATIONS awarded

The Most Customer-Centric Securities Company in Vietnam

2.3 Organizational and governance structures

Organizational structure

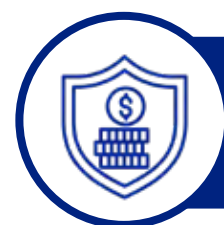


Business ownership structure

ACBS functions as a limited liability company, with 100% ownership by Asia Commercial Joint Stock Bank. The legal representative is Mr. Do Minh Toan, who serves as the Chairman of the Members' Council

About subsidiaries

ACB Fund Management Company Limited (ACBC), which is a subsidiary with 100% capital from ACBS. ACBC was established under the operating license No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28th, 2008 with the following functions and duties



**SECURITIES INVESTMENT FUND ESTABLISHMENT
AND MANAGEMENT**



**INVESTMENT PORTFOLIO MANAGEMENT FOR
ORGANIZATIONS AND INDIVIDUALS**



**FOREIGN INVESTMENT FUNDS RAISE AND MANAGEMENT
IN VIETNAM**



SECURITIES INVESTMENT ADVISORY



2.4 Development strategy

To prepare for the growth plan in 2025 and the vision for 2027, ACBS successfully increased its charter capital to 10 trillion VND at the beginning of the year. **A substantial portion of the additional 3 trillion VND in capital will be strategically allocated to the securities services segment including margin lending, technology investments, and new product development.** This capital enhancement further strengthens ACBS's financial resources and simultaneously solidify its standing among the top five securities firms with the largest charter capital in the market.

In 2024, ACBS successfully upgraded its core trading system, significantly enhancing processing capacity and implementing advanced functionalities. This infrastructure enhancement lays the groundwork for **ACBS to further develop a comprehensive product ecosystem in order to optimize value creation and deliver superior customer experiences.** Alongside new core system investment, ACBS has made substantial investments in cybersecurity and system safety, ensuring robust risk management and seamless transaction security that investors can trade with absolute confidence.

Aiming for market reclassification and the increasing sophistication of investor segments, **ACBS officially introduced two new services in early 2025, specifically designed for Priority Clients and Active Clients.** These tailored services enable ACBS to better meet client needs and enhance service experiences while maintaining competitive pricing policies and cost savings

for investors. The launch of these new services represents a key milestone for ACBS to refine its securities services business model and closely approach the retail banking model of its parent bank, ACB. Additionally, in 2025, **ACBS has identified strategic collaboration programs with ACB as a top priority, focusing on investment and wealth management solutions for ACB's Priority Clients.** This initiative is expected to be a key driver of growth for ACBS's securities services segment in 2025

For brokerage business, ACBS continues to accelerate the development of human capital by implementing structured competency frameworks and enhancing training programs for the financial advisors including specialists and directors. The firm is committed to strengthening its advisory capabilities to position itself as the most effective and distinguished advisory securities firm in the market.

For institutional clients, ACBS provided specialized services tailored to both domestic and international clients. At the end of 2024, ACBS successfully launched NPF product for foreign clients. With strong financial resources, ACBS is recognized as a reliable partner in providing these services to investors. In parallel with customer expansion efforts, ACBS is unstoppably improving the expertise and capabilities of its personnel to enhance institutional client satisfaction with ACBS's services.



2.5 Risk management

Risk Management context in 2024

In 2024, the global macroeconomic environment remained heavily influenced by the monetary policies of the U.S. Federal Reserve (Fed). Interest rates were maintained at a high level, ranging from 5.25% to 5.5%, following a series of rate hikes from 2022 to 2023 to control inflation. This marked the highest interest rate since 2001. The Fed's tightening monetary policy exerted pressure on emerging markets, including Vietnam, as international capital flows shifted back to the U.S. in pursuit of higher returns.

The DXY Index remained high, significantly impacting exchange rates in many countries. In Vietnam, the USD/VND exchange rate increased by 4.31% in 2024 compared to the end of 2023, posing challenges for importing enterprises and entities with foreign currency loans. The Vietnamese stock market in 2024 faced numerous external challenges, such as Fed policies and exchange rate fluctuations. However, the market still held growth potential due to positive internal drivers such as public investment, FDI inflows, and market reforms.

Regarding ACBS's development strategy, the company continued to prioritize comprehensive risk management in parallel with business operations. The company focused on fostering a risk management culture, ensuring strict compliance with legal regulations, and instilling this mindset in every employee to achieve sustainable and efficient growth while safeguarding client interests.

In 2024, ACBS successfully upgraded its stock trading system to meet the increasing demands of its clients and expand its range of products and services. The company also faced challenges related to technology risks and ensuring operational continuity. ACBS proactively updated and improved its risk management processes to align with current conditions and enhance the effectiveness of management and operations.



Potential risks impacting ACBS's business operations

Credit Risk

Credit risk has arisen from the process of assessing customers in margin lending activities. This risk has required special attention, particularly as ACBS has been in a growth phase while ensuring operational efficiency and appropriate safety measures. The appraisal and evaluation of customers have been critical tasks that have played a significant role in keeping credit risk under control and within acceptable safety limits.

Market Risk

Lending and investment portfolios have been key assets on the balance sheet. Therefore, any negative fluctuations related to exchange rates, interest rates, stock prices, or macroeconomic and microeconomic changes have significantly impacted ACBS's business performance. As such, managing risks arising from market factors has been crucial. ACBS has implemented stress testing scenarios to forecast potential losses in adverse market conditions.

Interest Rate Risk

Interest rate risk has had a substantial impact on ACBS's business operations, acting as an intermediary risk that has led to significant losses. This risk has directly affected liquidity and has had the potential to disrupt the company's business activities.

Liquidity Risk

To meet the demands of its business units, ACBS has maintained strong relationships with reputable financial institutions both domestically and internationally. Concurrently, the company has continuously developed early warning models to measure indicators affecting liquidity, monitor cash flows, and proactively formulate response plans to ensure effective liquidity management.

Business Continuity and IT Risk

At ACBS, information technology risk has been tightly managed and integrated throughout the company's operations. Any IT system-related incident has carried the potential to disrupt customer transactions. Additionally, the increasing sophistication and complexity of cybercrime activities have resulted in severe losses. Therefore, ACBS has prioritized activities to prevent and protect its trading systems and customer data.

Reputation Risk

As one of the earliest-established securities companies in the market, ACBS has recognized that reputation is a valuable asset that must be preserved and protected. Throughout its development and customer service processes, ACBS has strived for transparency in information, fair competition, and proactive measures to mitigate the effects of negative information. Furthermore, the company has continuously raised employee awareness of reputation risk management, particularly in communication and behavior, to safeguard the ACBS brand value.



3 **Business performance in 2024**



3.1 Full-year business performance

In 2024, ACBS achieved significant success, marked by strong balance sheet growth and profit before tax exceeding the budget. Additionally, we maintained a solid financial structure, abundant liquidity, and high capital adequacy.

- **Total assets reached nearly 26,041 billion VND, marking a 121% increase and exceeding the budget.**
- Margin lending stood at 8,690 billion VND, up 90% compared to 2023.
- Total borrowings amounted to 16,403 billion VND, tripling from the beginning of the year.
- **Profit before tax reached 847 billion VND, rising 72% and surpassing the budget.**
- Profitability improved, with return on average assets (ROA) at 4.5% and return on average equity (ROE) at 11.4%.
- The operating expense-to-income ratio improved, decreasing to 16% from 22% at the end of 2023.
- 2024 was a year of strong collaboration between ACBS and various banks in Vietnam, delivering outstanding results. By year-end, ACBS was granted a total credit limit of over 30,000 billion VND by various partners. This ensured ACBS maintained ample capital for business operations and customer financing at competitive rates while ensuring a fair profit-sharing structure with partner banks.
- ACBS maintained exceptional asset quality, with nonperforming loans incurred.



3.2 The Board & Human Resource policies



Mr **Do Minh Toan**
Chairman

Term 2023 - 2028

Mr. Do Minh Toan has been appointed as the Chairman of the Members' Council of ACBS for the 2023–2028 term. He also holds key leadership roles at ACBS, including Chairman of the Investment Council, Chairman of the Human Resources and Compensation Council, Chairman of the Information Technology Council, and Chairman of the Risk Management Council. Additionally, he concurrently serves as the Chairman of the Members' Council at ACBC.

Mr. Toan joined ACB in 1995 and has held several key leadership positions within the group. In 2012, he was appointed as the CEO of the bank, a role he successfully fulfilled for three consecutive terms (9 years). He keeps holding many important leadership positions at ACB.

Mr. Toan holds a Master's degree in Business Administration from Columbia Southern University, USA. He also earned a Bachelor's degree in Banking from the Banking University of Ho Chi Minh City, a Bachelor's degree in International Business Administration from the University of Economics HCM City, and a Bachelor's degree in Law from the University of Law Ho Chi Minh City.



Mr **Nguyen Duc Thai Han**
Vice Chairman

Term 2023 - 2028

Mr. Nguyen Duc Thai Han has been appointed as the Vice Chairman of the Members' Council of ACBS for the 2023–2028 term. He currently also serves as the Chairman of the ALCO Council at ACBS. Previously, he held the position of Chairman of the Members' Council of ACBS.

Mr. Han holds a Bachelor of Science degree in Theoretical Physics from HCM City University. He joined ACB in 1994 and has held various key positions, including Deputy Head of Research & Development, Deputy Head of Credit, Head of Money Market Trading, Head of Capital Trading, and Head of Foreign Exchange Trading.

Since 2008, Mr. Han has served as Deputy CEO of ACB, overseeing the Financial Markets Division while also holding the position of Vice Chairman of ALCO.



Mr **Trinh Bao Quoc**
Member

Term 2023 - 2028

Mr. Trinh Bao Quoc has served as an Independent Board Member of ACB Bank since April 2023 and has been named a Member of the Members' Council of ACBS for the 2023–2028 term.

Mr. Quoc has held key roles at Avenue Capital Group, Summa Consulting & Training JSC (now Summa Education JSC), Sơn Kim Real Estate JSC, and Vietnam Export-Import Commercial Joint Stock Bank (Eximbank). He is currently the CEO and Investment Director of Thiên Hương Co., Ltd. and a Board Member of Vietnam Industrial Park Group JSC.

Mr. Quoc holds the MBA from the Berkeley Haas School of Business at the University of California, USA. He also earned Bachelor's degrees in Biology and History from the University of Kansas, USA.



Mr **Huynh Duy Sang**
Member

Term 2023 - 2028

Mr. Huynh Duy Sang has been appointed as a Member of the Members' Council of ACBS and a Member of the ALCO Council for the 2023–2028 term. He previously served as Chief Financial Officer of ACBS from February 2020 to December 2022.

Mr. Sang is currently the Head of the Financial Markets Division at ACB. He joined the group in November 2006 as a Foreign Exchange and Gold Trading Specialist. Throughout his tenure at ACB, he has held various management positions, including Deputy Director of the Gold Trading Center, Project Director for Treasury Business Management, Deputy Head of Foreign Exchange and Gold Trading, and Head of Foreign Exchange and Gold Trading.

Mr. Sang graduated with distinction from the Master's program in Banking and Finance at Paris Dauphine University & ESCP Europe. He is also a Chartered Financial Analyst (CFA) charterholder and an official member of the CFA Singapore Society, under the CFA Institute US.

The Board of Members



Mr **Nguyen Duc Hoan**

CEO

Mr. Nguyen Duc Hoan has served as the CEO of ACBS since 2022. With over 20 years of experience in both the Vietnamese and international financial markets, he prioritizes risk management, ranging from risk identification to the development of preventive systems, to ensure the achievement of business objectives.

In the past, Mr. Hoan held key leadership positions, including CEO and Member of the Members' Council at various companies such as Tín Phát Fund Management JSC, KB Securities, and HDB Securities JSC.

He holds a Master of Business Administration (MBA) from the University of Leicester and a Master of Science in International Finance from the University of Westminster, UK.

With extensive expertise gained from international experience, Mr. Hoan has made significant contributions during his tenure at Barclays Bank in London and the Institutional Banking Division of MSB Bank.



Mr **Le Hoang Tan**

Deputy CEO

Mr. Le Hoang Tan was appointed as Deputy CEO of ACBS in December 2023. As a member of the Executive Board, he is directly responsible for managing and overseeing both retail and institutional brokerage operations.

With over 17 years of experience in the financial sector, Mr. Tan held key positions in brokerage, research, and investment advisory at MB Securities and Asean Securities. He also served as a Board Member and a Supervisory Board Member at Tien Phong Technology JSC and PetroVietnam Energy and Industry Corporation (PV EIC).

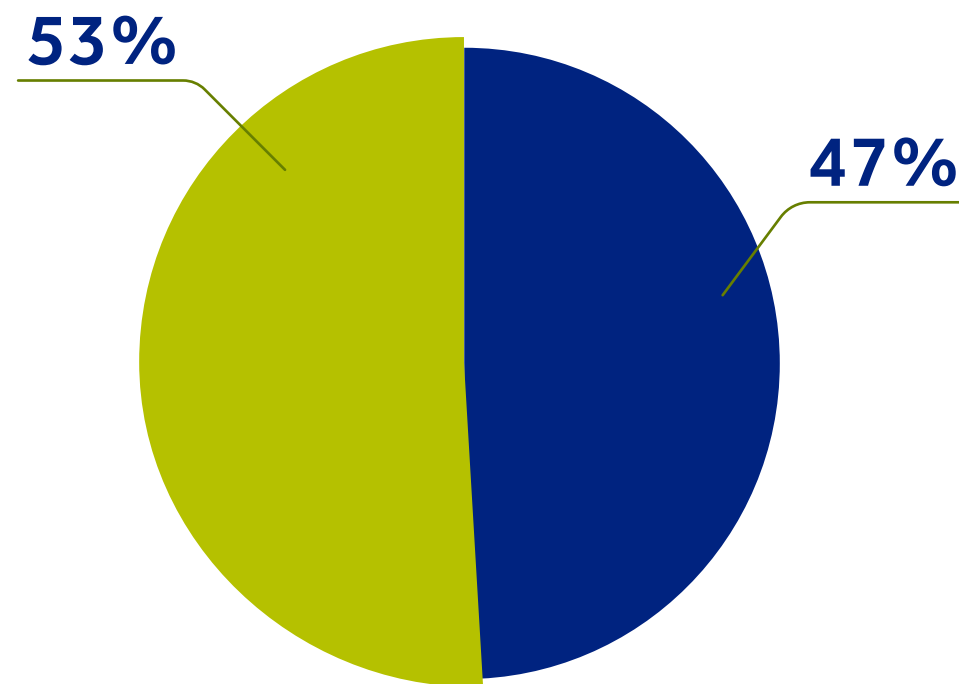
Mr. Tan holds a Bachelor's degree in Economics from the University of Economics Ho Chi Minh City.

The Board of Directors

Number of employees

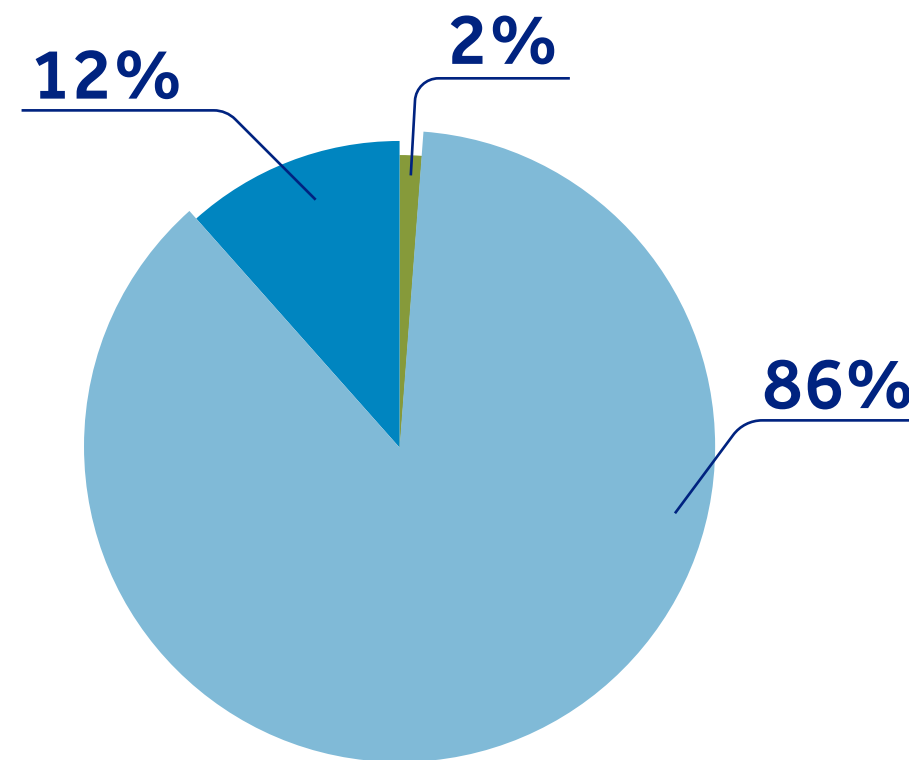
As of December 31, 2024, ACBS has a workforce of nearly 400 employees, with 376 holding undergraduate or postgraduate degrees, accounting for 98% of the total staff. Additionally, more than 250 employees at the company hold professional certifications.

Human resources structure 2024 is as follows:



● Male | ● Female

By Gender



● BA | ● MBA | ● Other

By Education levels

Summary of policies and changes in policies for employees



Employee benefit and compensation policy

ACBS's compensation and benefits policies are designed based on market analysis, benchmarking, and evaluations to ensure fairness, transparency, and competitiveness. These policies are continuously reviewed and updated to provide employees with attractive and competitive benefits.

To support employee performance, ACBS has implemented a performance management and evaluation system (BSC). This system helps employees understand job expectations and recognize corresponding rewards, fostering motivation and individual engagement.

ACBS strictly complies with legal regulations regarding employee insurance. All official employees are entitled to social insurance, health insurance, and unemployment insurance.

Beyond statutory benefits, ACBS offers additional welfare programs such as health insurance for employees and their families, 24/7 personal accident insurance, preferential loan programs, Mid-Autumn Festival gifts, New Year lucky money, birthday and condolence gifts, and more. At ACBS, we highly value talent development, especially for our management team. In addition to company-wide benefits, outstanding managers receive exclusive incentives such as international retreats, attractive loan policies, and generous bonuses to acknowledge their significant contributions to the company's growth.

To promote employees' well-being, ACBS organizes various recreational and team-building activities, including annual outings, company anniversaries, football tournaments, running clubs, yoga classes, International Women's Day celebrations, and year-end parties honoring top performers.



Employees development policies

ACBS's human resource development policy focuses on quality, adaptability, and innovation to ensure a highly capable workforce that excels in their assigned roles. At ACBS, we have established clear career development paths for each position, ensuring that all employees have well-defined growth opportunities.

We encourage our management team to achieve business goals, enhance their coaching and team development skills, and stay open to continuous learning.

In 2024, ACBS introduced a new development strategy by redefining functions, responsibilities, organizational structure, and job classifications based on an updated organizational chart.

To create an inspiring and comfortable work environment, ACBS has adopted an open office model with modern equipment and abundant greenery. This eco-friendly, clean, and sophisticated workspace enhances productivity, fosters creativity, and instills a sense of pride among employees.



Employee training policies and activities

For ACBS, the workforce is a valuable asset. Therefore, training policies and activities are prioritized to ensure that all members continuously learn and acquire new knowledge. This helps employees enhance their current capabilities and develop their careers in the future.

We offer diverse training programs delivered through various methods, including workshops and e-learning. The organization encourages proactive learning and knowledge sharing among individuals and teams, fostering progress within the organization, the community, and ACBS's customers.



Employee recruitment policies and activities

Our recruitment policy focuses on attracting talents and creating opportunities for individuals to develop and leverage their career capabilities. The relationship between ACBS and candidates is built on the principle of cooperation for the organization's common goals and the candidate's career development.

We actively bridge educational activities with universities, providing students with opportunities to learn and experience the practical work environment at ACBS. As a result, the ACBS team increasingly includes passionate young individuals interested in finance and securities, both for internships and long-term employment with the company.

We ensure fair recruitment opportunities for all individuals, from recent graduates to experienced candidates.



Labor policy to ensure the health and safety of employees

ACBS continues to maintain annual regular health check-ups for all employees and leaders. In addition, ACBS employees participate in health insurance and personal accident insurance programs.

3.3 Investment activities, project implementation



Major investments

The year 2024 is defined by many Vietnam stock investors as a "tough" and volatile year. The VN-Index ended 2024 at 1,266.78 points, up 12.1% compared to the beginning of the year, marking two consecutive years of increase (in 2023, it increased by 12.2%). However, the index only fluctuated in the 1,200-1,300 point range for most of the year. The differentiation between industry groups and stocks within each industry made choosing the "three letters" harder and harder over time. Many investors had negative performance in 2024 even though the VN-Index increased two digits. **However, the ROI of the investment profit of the Proprietary Investment Department still reached 12% and brought similar profits as that of 2023. The Proprietary Investment Department will test and deploy products related to ETFs that are suitable for the market's trends and large capital flows when upgraded.**

Besides, to enhance customer engagement in the covered warrant market, ACBS has continuously refined and upgraded its products, successfully expanding its market share to 20% and maintaining a stable position among the top three market makers in Vietnam. Over time, ACBS's covered warrants have become increasingly competitive, emerging as a strategic hedging tool and a viable alternative for investors favoring large-cap stocks. This trend is expected to gain further momentum in 2025.

Subsidiary

ACB Capital Management Company Limited (ACBC), a subsidiary of ACBS, was established under Operating License No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission on October 28, 2008. The company operates in the field of fund management.

As of the end of 2024, ACBC reported



Charter capital **50 billion VND**



Pre-tax profit **3.51 billion VND**



Financial safety ratio **537%** 24% higher than the end of 2023 (513%) and significantly above the MOF's minimum requirement of 180%

ACBC's business performance primarily hinges on delivering services and investing its own capital. In 2024, the company achieved impressive business results, with pre-tax profit increasing by 26% from a year earlier. Notably, portfolio management activities grew by 63%, driving a 69% increase in revenue from this segment compared to the previous year. Revenue from portfolio management accounted for 37% of ACBC's total revenue in 2024, making a crucial contribution to the company's overall performance. Additionally, ACBC effectively capitalized on stock market fluctuations, leading to strong results from proprietary trading activities in 2024.

In 2025, ACBC has set out a medium- and long-term strategic vision with the following specific objectives:

- (1) Focus on stability, safety, and efficiency: The company aims to operate in accordance with stable, safe, and effective standards, prioritizing strategic relationships with market members and regulatory authorities through high-quality services and a strong business reputation.
- (2) Experienced and professional team: ACBC brings together a team of experts with extensive experience in finance, banking, and securities. The company is committed to providing professional, efficient investment management, portfolio management, and securities investment advisory services to clients, optimizing returns, minimizing risks, and maximizing client benefits.
- (3) Product and service diversification: The company will diversify its products and services to offer clients the most professional and effective investment solutions.
- (4) Establish and professionally manage investment funds: ACBC aims to establish and professionally manage a range of investment funds.
- (5) Strengthen brand positioning: The company will gradually strengthen the ACBCapital brand's presence in the market.



3.4 Financial review

Balance sheet and income statement highlights

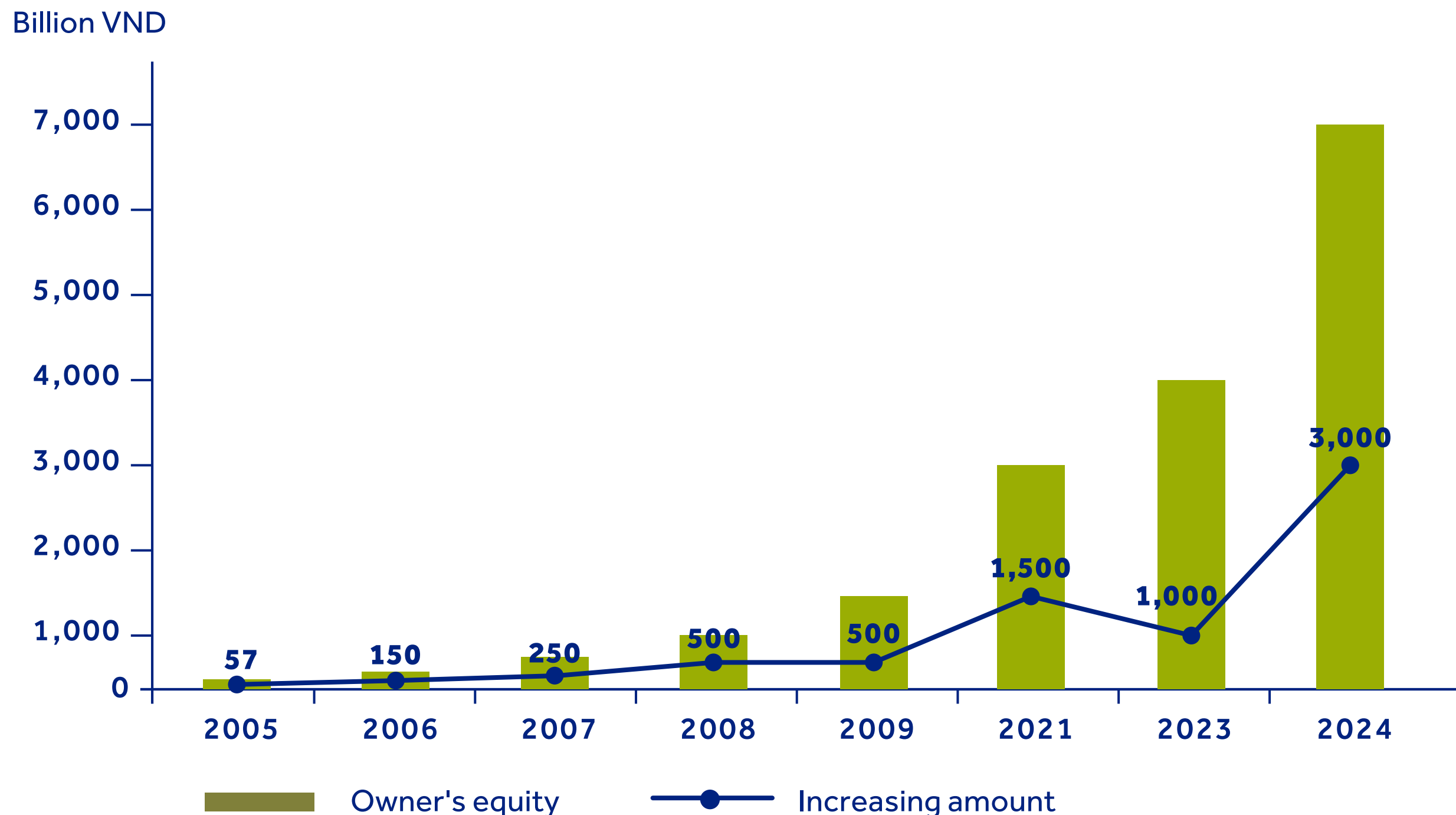
Items	2023 (Billion VND)	2024 (Billion VND)	YoY
Total assets	11,773	26,041	121%
Net revenue	1,675	2,534	51%
Operating profit	628	1,005	60%
Other operating income	3	3	0%
Profit before tax	492	847	72%
Profit after tax	396	683	72%

Key financial indicators

Items	2023	2024
1. Liquidity measures		
Current Assets/ Current Liabilities	1.9	1.5
2. Capital structure ratio		
• Debt / Total Assets Ratio	0.5	0.6
• Debt/ Owner's Equity Ratio	1.1	1.8
3. Operation Capability Ratio		
Net revenue/Average total assets	0.2	0.2
4. Profitability ratio		
• Profit after tax/ Net revenue ratio	0.2	0.3
• Profit after tax/ Total capital ratio	0.07	0.07
• Profit after tax/ Total assets ratio	0.03	0.03
• Profit from business activities/ Net revenue ratio	0.4	0.4

3.5 Changes in the Owner's equity

Founded in 2000, ACBS has achieved nearly 25 years of consistent business growth and development. In the past two years, the company has received two substantial capital injections from its parent bank: VND 1,000 billion in 2023 and an additional VND 3,000 billion in 2024. As of December 31, 2024, ACBS's owner equity stood at VND 7,000 billion.



3.6 Report on ACBS's responsibilities toward community and environment

Environment and energy consumption

Each year, ACBS develops a detailed energy consumption and usage plan to closely monitor costs, prevent waste, and minimize environmental impact.

Corporate social responsibility (CSR)

The year 2024 marked the first time ACBS carried out a tree-planting activity at Ta Cu Forest in Binh Thuan province. This initiative brought together 100 employees who collectively sowed 100 seeds. In the contribution of planet protection learning, our employees learned how to sow seeds, water them, and maintain the surrounding area to ensure optimal growth and development.





4 Reports and assessments on the operations of the Board of Directors

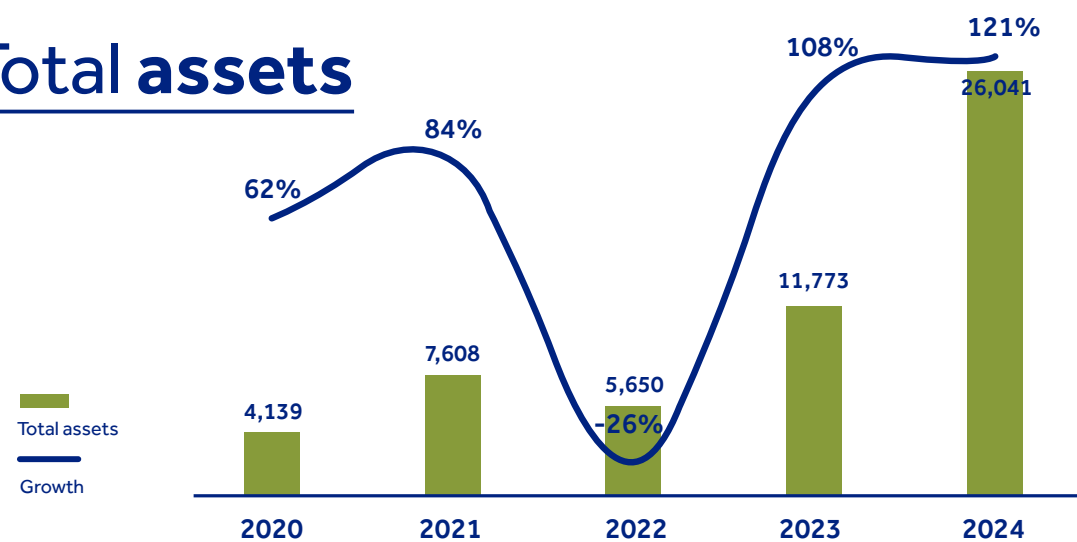
4.1 Assessment of operating results

The year 2024 was a challenging one, not only for the securities industry but also for the Vietnamese and global economies as a whole. However, we have transformed difficulties into opportunities and are proud to have achieved the following positive results:

- **Significant asset growth:** Total assets doubled compared to the same period last year, reaching VND 26,041 billion, the highest level since the company's inception.
- **Record-breaking margin lending:** Margin lending grew 90% year-over-year, hitting an all-time high of VND 8,690 billion.
- **Robust and diversified capital supply:** Total outstanding borrowings reached VND 16,403 billion, while credit limits from financial institutions exceeded VND 30,000 billion, ensuring a flexible and sufficient capital supply.
- **Strong profit performance:** Pre-tax profit nearly doubled compared to 2023, surpassing the company's projected targets.
- **Rising brokerage market share:** The company's average brokerage market share for the year stood at 2.89%, an increase of 0.45% from the 2023 average.
- **Enhanced management efficiency:** ACBS successfully restructured its organizational framework, improving operations. Business plans, policies, procedures, and workflows were strategically developed and effectively implemented, ensuring full compliance with legal and internal regulations.
- **Technology & product advancements:** In 2024, ACBS upgraded its core securities trading system, significantly improving order processing speed and introducing advanced features for a better customer experience. By the end of the year, the company also launched the Non-Prefunding product for foreign institutional clients.
- **Strengthened governance & risk management:** ACBS continued to refine and upgrade its corporate governance and risk management framework, ensuring a well-balanced and stringent approach to risk control while supporting business growth.

4.2 Financial situation

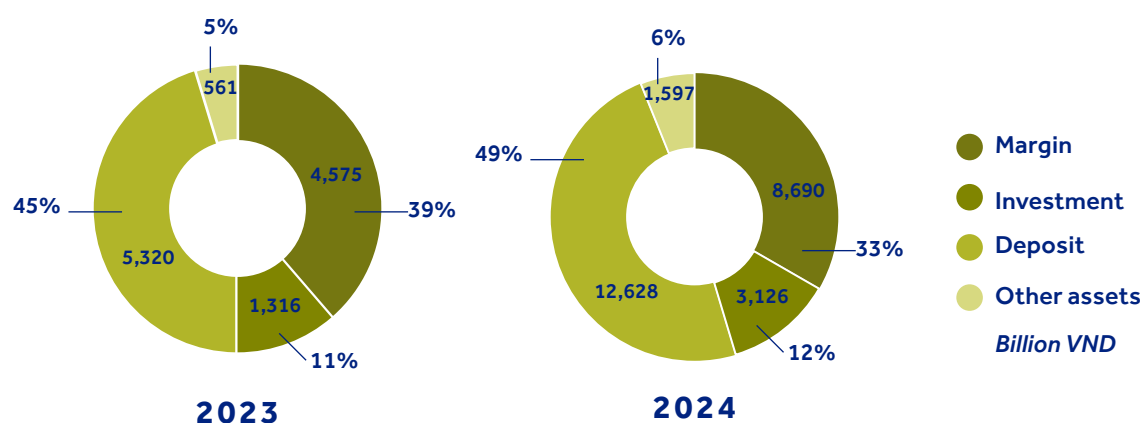
Total assets



Total assets from 2020 to 2024

Total assets surged by 121%, reaching approximately 26,041 billion VND, surpassing the company's targets. Asset structure remained tightly managed, with a focus on increasing income-generating assets to maximize capital efficiency.

By the end of 2024, the company's interest-bearing assets reached approximately 21,318 billion VND, accounting for 82% of total assets, while the other primarily consisted of proprietary and derivatives investments.



Short-term deposits at financial institutions reached 12,628 billion VND, accounting for 49% of total assets. These deposits are closely monitored by the Management Board to ensure flexibility in capital business activities while maintaining liquidity safety.

The investment portfolio stood at 3,126 billion VND, representing 12% of total assets. Investment activities are directed and closely supervised by the Investment Board, with capital allocated only when investments meet predefined risk appetite criteria and offer returns that align with the associated risk exposure.

Capital adequacy

Capital adequacy (eligible capital) of the Company was maintained above 500% at all times of the year. This ratio at the end of 2024 was 565%, far exceeding the regulatory level of 180%.

The Company managed capital adequacy according to circular no.91/2022/TT-BTC and circular no.41/2019/TT-NHNN to ensure that the capital adequacy of the Company was strictly managed and supervised, meeting the requirements of the Ministry of Finance and the requirements of the parent bank.

Liquidity

The Company's liquidity was maintained at a high level throughout the year, fully and promptly provided to customers's needs and the Company itself, while maintaining profitability and reasonable capital costs.

Margin lending & nonperforming loans

The margin lending portfolio reached nearly 8,690 billion VND, accounting for 33% of total assets. This activity was closely supervised by the Board of Margin Lending and closely managed and directed by the Board of Directors, ensuring both high growth and conservative credit risk management, ensuring that would not incur any nonperforming loans.

Borrowing

By the end of 2024, the company's borrowing is expected to reach nearly 16,403 billion VND, nearly tripling compared to the same period last year and accounting for 63% of the company's total capital, the highest level ever recorded. The credit limit granted by financial institutions exceeds 30,000 billion VND, fully and flexibly meeting the company's capital needs.

	2020	2021	2022	2023	2024
Outstanding borrowing (Billion VND)	1,570	2,741	1,343	5,923	16,403
Outstanding borrowing /total assets	37.9%	36%	23.8%	50.3%	63%

Equity

In 2024, the Company increased chartered capital to VND 7.000 billion from the parent bank's capital injection, along with positive business results, the Company's equity reached approximately VND 9.300 billion, accounting for 36% of the total assets of the Company. Abundant equity helped the Company expand investment limits, line of margin lending for each stock and customer and maintained a high capital adequacy ratio.

	2020	2021	2022	2023	2024
Equity (Billion VND)	2,054	4,094	4,172	5,569	9,252
Growth	9%	99.4%	1.9%	33.5%	66.1%

Income

Income from margin lending and brokerage activities

Full-year income from margin lending activities reached 219 billion VND, up 48% compared to 2023, accounting for 22% of total revenue. Meanwhile, brokerage fee income for the year totaled 81 billion VND, an increase of 38% from 2023, representing 8% of total revenue. These two revenue streams saw significant improvements in 2024 as the market gradually recovered, the company implemented various growth initiatives, and capital costs were effectively managed.

Table of Margin trading revenue

	2020	2021	2022	2023	2024
Margin lending (Billion VND)	112	150	174	148	219
Growth	2%	35%	16%	(15%)	48%

Table of Brokerage fee revenue

	2020	2021	2022	2023	2024
Brokerage (Billion VND)	47	220	245	59	81
Growth	71%	369%	11%	(76%)	38%

Income from investments

Income from investments in 2024 reached 303 billion VND, an increase of 72 billion VND compared to 2023, accounting for 30% of total revenue.

	2020	2021	2022	2023	2024
Investment (Billion VND)	45	312	(290)	231	303
Growth	(18.1%)	599.7%	(192.7%)	179.6%	31.4%

Income from Cash management

Cash management income was a key highlight for the Company in 2024, with full-year revenue reaching 401 billion VND—more than double that of 2023, accounting for 40% of total revenue. This growth was driven by the Company's ability to capitalize on market opportunities amid declining interest rates, which strengthened our equity base and diversified borrowing sources.

	2020	2021	2022	2023	2024
Cash management (Billion VND)	58	61	86	190	401
Growth	302.6%	6.4%	40.6%	121.3%	110.9%

Operating expenses

Full-year operating expenses reached 161 billion VND, tightly controlled, and increased by 16.2% compared to 2023. The rise was primarily driven by higher spending on branding activities and IT operational costs.

	2020	2021	2022	2023	2024
Operating expenses	(58)	(84)	(123)	(139)	(161)
Growth	12%	44.7%	4.1%	13.4%	16.2%

4.3 Improvements in organizational structure, policies, and management

In 2024, ACBS actively recruited, appointed, and reappointed key leadership personnel while also restructuring its workforce to optimize resources, enhance governance efficiency, and increase overall value. These efforts were aimed at ensuring stability and laying a strong foundation for long-term growth.

Additionally, the company introduced new policies, regulations, and operational procedures, as well as streamlined internal collaboration processes to maximize business efficiency in alignment with the transition to a new core system. At the same time, ACBS accelerated the digitalization of specialized processes to improve customer service quality and

boost productivity. The company remains committed to investing in technology and developing new products to provide customers with the best possible experience.

Throughout 2024, ACBS focused on developing applications, integrating new technologies, upgrading infrastructure, and automating operational processes. It also strengthened data loss prevention measures, reinforced user access controls, and enhanced system monitoring. Furthermore, the company prioritized employee training to raise awareness of cybersecurity risks and maintain system stability, all with the goal of delivering superior service to its customers.

4.4 Development plans in future

Building on the successful transition to the new core trading system, ACBS has outlined a comprehensive plan to enhance service quality and strengthen its competitive edge in the stock market:

- **Expansion of major projects and product development:** ACBS will continue to roll out key projects and innovative products, including customer behavior analysis and segmentation (Loyalty), customer relationship management (CRM), Google Data integration, eKYC, KRX project, Data Warehouse development, cross-selling features with ACB, APP/Webtrade improvements, Chatbot enhancements, cybersecurity solutions, Margin Plus, Copy Trade, Robot Trading, and T+ online products.
- **Key initiatives for business division:** ACBS remains committed to workforce training and capacity building, improving advisory quality, diversifying investment products, adopting flexible sales strategies, strengthening governance, and optimizing operational efficiency.
- **Enhancing customer engagement:** The company will continue leveraging online platforms and various communication channels to expand its reach. Planned initiatives include a weekly customer education seminar series, monthly video content, the launch of a dedicated online channel website, a customer assessment program, and the development of commission policies and career growth pathways for employees.
- **Brokerage development & customer segmentation:** ACBS aims to enhance brokerage competitiveness by implementing tailored support policies, customer classification systems, and exclusive benefits for different customer segments.
- **Process optimization & technological investments:** Efforts will focus on refining processes to improve customer accessibility and support, alongside continued investments in digital technologies to drive business growth.



4.5 Explanation of the Board of Directors for Auditor's opinions

We have no comments on Auditor's opinions

4.6 Assessment report of **environmental and social responsibilities of the Company**

Assessment of environmental criteria

During its operations, ACBS recognizes that using energy resources reasonably can reduce environmental impact and prevent operational cost wastage. Some measures implemented include monitoring and maintaining machinery, equipment, and air conditioning systems, regular cleaning schedules for equipment, and sensible monitoring of electricity and water usage. Additionally, we have transitioned to electronic transaction records instead of paper documents.

The majority of ACBS activities prioritize environmental considerations. For instance, the company's publications and gifts are made from environmentally friendly materials. ACBS actively changes its office branding to align with the theme of GREEN MOUNTAIN, emphasizing the company's commitment to sustainable development and environmental protection.

Assessments of employee issues

ACBS adheres to labor-related regulations and laws, aiming to enhance both the physical and mental well-being of its employees. The company actively fosters a contemporary work environment, promotes the exchange of experiences and innovative ideas, and cultivates a strong work ethic, personal growth, and lasting loyalty among its workforce

Assessment of corporate social responsibility

ACBS is committed to corporate social responsibility concerning the environment and local communities. Our primary objectives include reducing plastic and paper waste. The environmental consciousness within company is cultivated as part of their organizational culture. All publications and gifts sent to partners and clients utilize recyclable materials, contributing to the collective effort to protect our planet's greenery.

The year 2024 marked the first time ACBS carried out a tree-planting activity at Ta Cu Forest in Binh Thuan province. This initiative brought together 100 employees who collectively sowed 100 seeds. In the contribution of planet protection learning, our employees learned how to sow seeds, water them, and maintain the surrounding area to ensure optimal growth and development.



5 Assessments of The Board of Members on the ACBS' operation

5.1 Assessments of the Board of Directors on the ACBS's operation

In 2024, ACBS continued to achieve solid growth in both asset scale and profitability while ensuring compliance with all safety limits and regulatory ratios in its business operations.

Point 1. Significant growth across all key metrics

All business activities in 2024 experienced substantial growth compared to 2023, driven by a positive stock market environment:

- Total assets reached approximately 26,041 billion VND, up 121%, exceeding internal targets.
- Margin lending surged to nearly 8,690 billion VND, an increase of 90%.
- Borrowings reached approximately 16,403 billion VND, nearly tripling from the beginning of the year.

Point 2. Strong profitability, surpassing business targets

- Pre-tax profit reached 847 billion VND, nearly double that of 2023, exceeding the company's business plan.
- Return on Assets (ROA) stood at 4.5%, slightly lower than in 2023.
- Return on Equity (ROE) reached 11.4%, higher than in 2023.

Point 3. Prudence and risk Management

- ACBS maintained a zero non-performing loan (NPL) ratio throughout 2024.
- The company strictly monitored and complied with all safety and risk management regulations, in line with Circular No. 121/2020/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on December 31, 2020.
- The consolidated capital adequacy ratio remained above 500% during the year, reaching 564.6% in 2024, well above the regulatory requirement of 180%.

Point 4. System and technology upgrades

In 2024, ACBS upgraded the core securities trading system and enhanced its app with new features to provide an excellent user experience.

Point 5. Commitment to Corporate Social Responsibility (CSR)

ACBS remained dedicated to its CSR initiatives, focusing on employee welfare, environmental sustainability, and local community development (see sections 3.6 & 4.6 for details).

5.2 Assessment of Board of Council on Board of Directors performance

The Board of Members has focused on directing and overseeing the BOD's implementation of the 2024 plan to ensure growth, safety, and efficiency for the strategic deployment until 2028. The BOD has successfully accomplished the following tasks:

- ✔ Successfully executed the 2024 business plan, achieving growth targets in terms of asset scale, operational efficiency, and safety, aligned with the strategic direction for the period 2024–2028.
- ✔ Balanced capital and other resources for business opportunities and utilized flexible and effective funding.
- ✔ Ensured compliance with legal regulations and internal provisions.
- ✔ Secured appropriate human resources, meeting business needs promptly.
- ✔ Fostered a dynamic and healthy business culture, motivating staff and promoting cohesion.

The Board of Council acknowledged and highly appreciated the efforts of BOD



5.3 Plans and orientations of the Board of Members

In 2025, the Board of Members is implementing the following plans and directions:

Directing and controlling the execution of the 2025 business plan by the Board of Directors to successfully achieve the primary financial targets approved by the parent bank.

Guiding and overseeing the implementation of strategic development projects during the 2025–2028 phase.

Continuing to enhance the company's management system by applying international best practices.

Sustaining the development of a creative and innovative cultural environment, fostering training, and nurturing high-quality human resources aligned with the new strategic development.

Continuing to build a secure, efficient, and sustainable ACBS to create and safeguard the best value for the parent bank and relevant stakeholders



6 **The Company governance**

6.1 The Board of Members

Members and structure of the Board of Members

The 2023-2028 Board of Members comprises 4 individuals as per Resolution 1661/TCQĐ-HĐQT.23, issued by the Board of Directors of ACB on June 5, 2023.

STT	Member	Title
1	Do Minh Toan	Chairman
2	Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman
3	Trinh Bao Quoc	Member
4	Huynh Duy Sang	Member

Activities of the Board of Members

In 2024, the Board of Members held a total of 31 meetings and collected written opinions on the arising issues. The Board of Members has issued a total of 53 resolutions and 8 decisions related to guidelines and policies for activities, organizational structure, and human resources.

The Board of Members implements work within their authority through the Professional Councils including the Investment Council, Risk Management Council, Human Resources and Remuneration Council, and ALCO Council, IT Council. The member of each Professional Council ensures that there are at least 02 members of the Board of Members participating to strengthen management capacity, promptly provide proposals and direction in each sector; and strengthen the ability to monitor, ensure safety, and improve efficiency during ACBS's operation process.

Semi-annual and annual reports on corporate governance are made and fully reported to State management agencies.

The list of the Board of Members possessing certificates on corporate governance

Not applicable.



6.2 The Board of Supervisor

Members and structure of the Board of Supervisor

The ACBS Board of Supervisors for 2023 - 2028 has 01 supervisor, Mr. Huynh Hieu Nghia. He has joined the role of supervisor at ACBS since 2012.

He graduated with a Bachelor of Accounting from Ho Chi Minh City Banking College and has more than 23 years of working experience in the Finance - Banking industry, especially he is currently holding the position of Head of the Internal Audit Department of ACB.

Activities of the Board of Supervisor

The Board supervises the Company's operations according to ACBS's Charter and attends regular meetings of the Board of Members.

ACBS maintained the Internal Audit Department to inspect, review, and evaluate the appropriateness, and compliance during ACBS's operation process, promptly detect the arising errors to promptly prevent and quickly provide solutions, and ensure ACBS's operations are safe and effective with its regulations.

6.3 Transactions, remunerations, and benefits of the Board of Members, Board of Directors and Board of Supervisors

Salary, rewards, remuneration and benefits

Salary, bonus, remuneration and benefits of the Board of Members, the Board of Directors and Supervisory Board are 16,050,990,660 VND

Assessment of implementation of regulations on corporate governance

ACBS has fully complied with the principles of governance and administration of securities companies for the model of Single Member Limited Liability Compan. As follows:

- ACBS has complied with the organizational structure stipulated by the Securities and Enterprise Law.
- ACBS has complied with corporate governance regulations as stipulated by the Securities Law, Enterprise Law, ACBS Charter, and relevant legal provisions related to company management.
- ACBS has distinctly defined roles for the Owner, Board of Members, and General Director, aligning with securities and business laws and other relevant legal regulations.
- ACBS has established mechanisms for internal control, risk management, and supervision to mitigate conflicts of interest within the company and in dealings with relevant individuals.
- ACBS has ensured that employees working in business units possess appropriate Securities Practicing Certificates, as required by securities laws and market regulations.
- ACBS consistently ensures that its operational information is transparent, accurate, and promptly communicated.

ACBS maintains a transparent and efficient corporate governance structure in accordance with legal requirements.



7 Financial statement



ACB Securities Company Limited

Consolidated financial statements
for the year ended 31 December 2024

ACB Securities Company Limited Corporate Information

Enterprise Registration Certificate No.

0302030508

29 June 2000

The Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which is the Enterprise Registration Certificate No. 0302030508 dated 11 February 2025. The Enterprise Registration Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Establishment and Operation Licence No.

06/GPHDKD	29 June 2000
56/2001/UBCK-QLKD	21 September 2001
71/UBCK-GPDCCTCK	6 September 2007
77/UBCK-GPDCCTCK	1 October 2007
105/UBCK-GPDCCTCK	14 January 2008
464/QD-UBCK	7 July 2008
150/UBCK-GP	4 September 2008
271/UBCK-GP	4 November 2009
115/GPDC-UBCK	3 October 2012
13/GPDC-UBCK	13 June 2014
18/GPDC-UBCK	11 August 2014
26/GPDC-UBCK	11 July 2017
45/GPDC-UBCK	21 June 2021
63/GPDC-UBCK	3 August 2022
101/GPDC-UBCK	24 October 2022
91/GPDC-UBCK	13 November 2023
96/GPDC-UBCK	28 November 2023
05/GPDC-UBCK	26 January 2024
03/GPDC-UBCK	22 January 2025

The Establishment and Operation Licence and its amendments were issued by the State Securities Commission of Vietnam.

Members' Council

Mr. Do Minh Toan	Chairman
Mr. Nguyen Duc Thai Han	Vice Chairman
Mr. Huynh Duy Sang	Member
Mr. Trinh Bao Quoc	Member

Board of Directors

Mr. Nguyen Duc Hoan	General Director
Mr. Le Hoang Tan	Deputy General Director

Legal Representative

Mr. Do Minh Toan	Chairman
------------------	----------

ACB Securities Company Limited
Corporate Information (continued)

Registered office

Head Office 3rd Floor, Léman Luxury Building
117 Nguyen Dinh Chieu Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Cho Lon Branch 321 - 323 Tran Phu Street
Ward 8, District 5
Ho Chi Minh City
Vietnam

Truong Dinh Branch 107N Truong Dinh Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Nguyen Thi Minh Khai Transaction Office 442 Nguyen Thi Minh Khai Street
Ward 5, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Dong Sai Gon Branch 3rd Floor, Building No. 53-55 Nguyen Huu Canh
Ward 22, Binh Thanh District
Ho Chi Minh City
Vietnam

Cach Mang Thang Tam Branch 197A-197B-197C-197/1 Cach Mang Thang Tam Street
Ward 4, District 3
Ho Chi Minh City
Vietnam

Mac Dinh Chi Branch 2nd Floor, 3rd Floor, 41 Mac Dinh Chi Street
Da Kao Ward, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam

Hanoi Branch 10 Phan Chu Trinh Street
Phan Chu Trinh Ward, Hoan Kiem District
Hanoi City
Vietnam

ACB Securities Company Limited
Corporate Information (continued)

Hai Phong Branch 15 Hoang Dieu Street
Minh Khai Ward, Hong Bang District
Hai Phong City
Vietnam

Da Nang Branch 218 Bach Dang Street
Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District
Da Nang City
Vietnam

Khanh Hoa Branch 80 Quang Trung Street
Loc Tho Ward, Nha Trang City
Khanh Hoa Province
Vietnam

Vung Tau Branch 111 Hoang Hoa Tham Street
Ward 2, Vung Tau City
Ba Ria - Vung Tau Province
Vietnam

Can Tho Branch 17 - 19 Nam Ky Khoi Nghia Street
Tan An Ward, Ninh Kieu District
Can Tho City
Vietnam

Auditor KPMG Limited
Vietnam

ACB Securities Company Limited
Statement of the Board of Directors

The Board of Directors of ACB Securities Company Limited ("the Company") presents this statement and the accompanying consolidated financial statements of the Company and its subsidiary (collectively referred to as "ACBS") for the year ended 31 December 2024.

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and true and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 ("Circular 334") issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting. In the opinion of the Board of Directors:

(a) the consolidated financial statements set out on pages 7 to 67 give a true and fair view of the consolidated financial position of ACBS as at 31 December 2024, and their consolidated results of operations, consolidated cash flows and consolidated changes in equity for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance on amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting; and

(h) at the date of this statement, there is no reasons to believe that ACBS will not be able to pay its debts as and when they fall due.

The Board of Directors has, on the date of this statement, authorised the accompanying consolidated financial statements for issue.

On behalf of the Board of Directors,



Mr. Nguyễn Đức Hoàn
General Director

Ho Chi Minh City, 24 March 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

To the Investor

ACB Securities Company Limited

We have audited the accompanying consolidated financial statements of ACB Securities Company Limited ("the Company") and its subsidiary (collectively referred to as "ACBS"), which comprise the consolidated statement of financial position as at 31 December 2024, the consolidated statements of income, cash flows and changes in equity for the year then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company's Board of Directors on 24 March 2025, as set out on pages 7 to 67.

Board of Directors' Responsibility

The Company's Board of Directors is responsible for the preparation and true and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies, Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free of material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgement, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and true and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Company's Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

KPMG Limited Branch, a branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company, and a member firm of the KPMG global organization of independent member firms affiliated with KPMG International Limited, a private English company limited by guarantee. All rights reserved.



Auditor's Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of ACB Securities Company Limited and its subsidiary as at 31 December 2024 and of their consolidated results of operations and their consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and superseding Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210 and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

KPMG Limited's Branch in Ho Chi Minh City
Vietnam
Audit Report No.: 24-01-00568-25-2



Nelson Rodriguez Casihan
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2225-2023-007-1
Deputy General Director

Ho Chi Minh City, 24 March 2025

Pham Huy Cuong
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 2675-2024-007-1

ACB Securities Company Limited Consolidated statement of financial position as at 31 December 2024

Form B01 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
ASSETS				
A CURRENT ASSETS (100 = 110 + 130)	100		25,814,514,894,805	11,544,970,683,500
I Financial assets ("FA")	110		25,756,140,325,555	11,528,773,346,043
1 Cash and cash equivalents	111	5	1,537,490,849,303	506,950,270,662
1.1 Cash	111.1		397,476,970,785	306,450,270,662
1.2 Cash equivalents	111.2		1,140,013,878,518	200,500,000,000
2 Financial assets at fair value through profit or loss ("FVTPL")	112	7(a)	3,126,491,965,746	1,316,359,984,196
3 Held-to-maturity investments	113	7(b)	11,487,895,656,847	5,119,390,662,949
4 Loans receivables	114	7(c)	8,689,759,268,887	4,574,996,218,248
5 Allowance for diminution in value of financial assets and pledge assets	116	8	(117,475,981,607)	(117,475,881,732)
6 Receivables	117	9	1,018,439,622,409	105,436,781,187
6.1 Receivables from sales of financial assets	117.1		842,280,911,100	20,012,410,000
6.2 Dividend and interest receivables from financial assets	117.2		176,158,711,309	85,424,371,187
6.2.1 Dividend and interest receivables from financial assets	117.3		50,000	50,000
6.2.2 Accrued dividend and interest receivables from financial assets	117.4		176,158,661,309	85,424,321,187
7 Short-term prepayment to suppliers	118	10	4,708,334,714	18,681,697,410
8 Receivables from services rendered	119	11	4,955,255,753	4,743,346,122
9 Other receivables	122		5,174,446,483	989,359,981
10 Allowance for diminution in value of account receivables	129		(1,299,092,980)	(1,299,092,980)
II Other current assets	130		58,374,569,250	16,197,337,457
1 Advances	131		94,115,680	1,207,382,000
2 Short-term prepaid expenses	133	12	25,318,265,892	7,932,807,225
3 Short-term deposits, collaterals and pledges	134		44,000,000	44,000,000
4 Deductible value added tax	135		610,131,150	55,097,016
6 Other current assets	137	13	32,308,056,528	6,958,051,216

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of financial position as at 31 December 2024 (continued)

Form B01 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
B LONG-TERM ASSETS (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		226,169,134,505	227,606,312,139
I Long-term financial assets	210		51,400,000,000	61,920,280,000
2 Investments	212		51,400,000,000	61,920,280,000
2.2 Other Investments	212.4	14	51,400,000,000	61,920,280,000
II Fixed assets	220		81,826,936,628	78,626,238,153
1 Tangible fixed assets	221	15	55,952,497,635	62,280,034,768
Cost	222		166,748,269,362	155,516,263,736
Accumulated depreciation	223a		(110,795,771,727)	(93,236,228,968)
2 Intangible fixed assets	227	16	25,874,438,993	16,346,203,385
Cost	228		79,883,698,611	65,866,730,611
Accumulated amortisation	229a		(54,009,259,618)	(49,520,527,226)
III Construction in progress	240	17	1,014,000,000	6,965,640,000
IV Other long-term assets	250		91,928,197,877	80,094,153,986
1 Long-term deposits, collaterals and pledges	251		7,060,962,100	6,937,962,100
2 Long-term prepaid expenses	252		49,714,235,237	37,943,958,936
3 Deferred tax assets	253		128,026,672	187,460,118
4 Deposits at Settlement Funds	254	18(a)	20,000,000,000	20,000,000,000
5 Other long-term assets	255	18(b)	15,024,973,868	15,024,772,832
5.1 Deposits at the Derivatives Clearing Fund	255.1		15,024,973,868	15,024,772,832
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		26,040,684,029,310	11,772,576,995,639

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of financial position as at 31 December 2024 (continued)

Form B01 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
C LIABILITIES (300 = 310 + 340)	300		16,788,967,900,810	6,203,877,438,180
I Current liabilities	310		16,788,954,900,810	6,203,864,438,180
1 Short-term borrowings and finance lease liabilities	311		16,403,200,000,000	5,922,517,000,000
1.1 Short-term borrowings	312	19	16,403,200,000,000	5,922,517,000,000
3 Payables for securities trading activities	318	20	171,000,071,633	145,049,343,773
4 Account payables to suppliers	320	21	78,256,907,275	7,909,241,469
5 Short-term advances from customers	321		60,000,000	132,000,000
6 Taxes and other payables to State Treasury	322	22	59,821,539,744	37,539,325,566
7 Payables to employees	323		35,037,937,610	48,518,957,858
8 Employees' benefits payable	324		174,276,489	158,580,179
9 Accrued expenses – short-term	325	23	34,167,325,968	29,944,371,705
10 Unearned revenue – short-term	327		-	3,575,890,410
11 Other payables	329		7,236,842,091	8,519,727,220
II Long-term liabilities	340		13,000,000	13,000,000
1 Other long-term payables	353		13,000,000	13,000,000
D EQUITY (400 = 410)	400		9,251,716,128,500	5,568,699,557,459
I Owner's equity	410		9,251,716,128,500	5,568,699,557,459
1 Owner's equity	411		7,000,000,000,000	4,000,000,000,000
1.1 Contributed capital	411.1	24	7,000,000,000,000	4,000,000,000,000
2 Reserve to supplement charter capital	414		147,729,332,606	147,729,332,606
3 Financial reserve	415		168,979,231,821	168,979,231,821
4 Retained profits	417		1,935,007,564,073	1,251,990,993,032
4.1 Realised profits	417.1		1,973,624,726,238	1,313,874,386,629
4.2 Unrealised losses	417.2		(38,617,162,165)	(61,883,393,597)
TOTAL LIABILITIES AND EQUITY (440 = 300 + 400)	440		26,040,684,029,310	11,772,576,995,639

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of financial position as at 31 December 2024 (continued)

Form B01 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

OFF-BALANCE SHEET ITEMS

Items	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
A. THE COMPANY'S ASSETS AND ASSETS MANAGED UNDER COMMITMENT				
2 Valuable papers custodied (Quantity)	002	25(a)	4,050,094	4,050,094
8 Listed/registered financial assets at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation ("VSDC") of the Company	008	25(b)	2,050,773,780,000	662,546,330,000
9 Custodied financial assets at VSDC not available for trading	009		4,826,920,000	882,530,000
10 The Company's financial assets in transit	010	25(c)	33,817,180,000	6,895,630,000
12 Financial assets not custodied at VSDC	012		1,750,000	1,750,000
14 Covered warrants (Quantity)	014		101,925,100	63,318,200
B. ASSETS AND PAYABLES RELATING TO ASSETS MANAGED WITH THE CUSTOMER				
1 Listed/registered financial assets at VSDC of investors/customers	021		37,597,702,210,000	33,089,022,665,600
a. Freely traded financial assets	021.1		34,534,739,980,000	30,009,002,914,600
b. Financial assets restricted on transfer	021.2		73,383,790,000	106,561,120,000
c. Pledged financial assets	021.3		1,426,093,230,000	1,528,835,440,000
d. Blocked financial assets	021.4		1,285,868,580,000	1,107,413,230,000
e. Financial assets awaiting settlement	021.5		277,616,630,000	337,209,961,000
2 Investors'/customers' financial assets custodied at VSDC but not yet traded	022		325,683,340,000	338,270,630,000
a. Financial assets custodied at VSDC but not yet traded and freely on transfer	022.1		287,920,440,000	297,822,990,000
b. Financial assets custodied at VSDC but not yet traded and limited on transfer	022.2		37,762,900,000	40,447,640,000
3 Investors' financial assets in transit	023		228,964,180,000	287,672,011,000
5 Investors' financial assets have not been custodied at VSDC	024b		1,089,364,490,000	1,089,364,490,000
7 Customers' deposits	026		819,013,957,232	832,198,263,074
7.1 Investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	027		686,147,204,998	674,635,343,481
7.1.1 Investors' marginal deposits at VSDC for derivative trading activities	027.1		26,196,440,758	22,020,494,435
7.2 Customers' synthesising deposits for securities trading activities	028		103,407,538,750	129,690,456,910
7.4 Deposits of securities issuers	030		3,262,772,726	5,851,968,248

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of financial position as at 31 December 2024 (continued)

Form B01 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

OFF-BALANCE SHEET ITEMS (CONTINUED)

Items	Code	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
8 Payables to investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031		712,343,645,756	696,655,837,916
8.1 Payables to domestic investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.1		712,343,635,257	696,655,827,653
8.2 Payables to foreign investors for cash deposits managed by the Company for securities transactions	031.2		10,499	10,263
9 Payables to securities issuers	032		694,769,299	3,876,019,299
12 Dividend payables, bond principals and interest payables	035		2,568,003,427	1,975,948,949

24 March 2025

Prepared by:

Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

Reviewed by:

Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:

Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2024

Form B02 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	2024 VND	2023 VND
I OPERATING INCOME				
1.1 Gains from financial assets at FVTPL	01		1,084,980,001,632	810,283,519,696
a. Gains from sales of financial assets at FVTPL	01.1	26(a)	473,813,091,216	230,458,744,012
b. Gains from revaluation of financial assets at FVTPL	01.2	26(b)	538,069,001,254	499,412,378,950
c. Dividends and interest income from financial assets at FVTPL	01.3	26(c)	110,841,928,663	16,600,862,426
d. (Losses)/gains from revaluation outstanding covered warrants payables	01.4	26(b)	(37,744,019,501)	63,811,534,308
1.2 Interest income from HTM investments	02	26(c)	401,341,325,347	190,274,472,699
1.3 Interest income from loans and receivables	03	26(c)	658,935,441,667	343,880,610,399
1.6 Revenue from securities brokerage	06	26(d)	373,059,934,256	313,091,154,245
1.9 Revenue from securities custody	09	26(d)	10,542,079,104	12,646,237,505
1.10 Revenue from financial advisory services	10	26(d)	1,112,727,272	1,943,181,818
1.11 Other operating income	11	26(d)	4,428,525,053	2,594,115,842
Total operating income	20		2,534,400,034,331	1,674,713,292,204
II OPERATING EXPENSES				
2.1 Losses from financial assets at FVTPL	21		763,988,626,232	566,151,454,536
a. Losses from sales of financial assets at FVTPL	21.1	26(a)	286,341,879,411	132,638,347,848
b. Unrealised losses from revaluation of financial assets at FVTPL	21.2	26(b)	471,558,356,972	438,589,083,788
c. Transaction costs of acquisition of financial assets at FVTPL	21.3		587,996,500	86,030,500
d. Losses/(gains) from revaluation outstanding covered warrants payables	21.4	26(b)	5,500,393,349	(5,162,007,600)
2.4 Allowance expenses for loans receivables and borrowings costs of loans	24	27	440,012,880,824	195,849,587,900
2.6 Expenses for self-trading	26		18,051,453,448	13,621,065,276
2.7 Expenses for securities brokerage	27	28	289,320,481,332	254,562,670,366
2.10 Expenses for securities custody	30		12,979,675,605	12,200,034,121
2.11 Expenses for financial advisory services	31		2,624,502,065	3,467,060,048
2.12 Expense for other services	32		1,936,541,332	1,244,334,298
Total operating expenses	40		1,528,914,160,838	1,047,096,206,545

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B02 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	2024 VND	2023 VND
III FINANCIAL INCOME				
3.1 Realised and unrealised foreign exchange gains	41		2,629,593	15,890,665
3.2 Interest income from demand deposits	42		2,176,911,588	2,688,877,159
Total financial income	50		2,179,541,181	2,704,767,824
IV FINANCIAL EXPENSES				
4.1 Realised and unrealised foreign exchange losses	51		42,326,845	44,348,453
Total financial expenses	60		42,326,845	44,348,453
V SELLING EXPENSES	61		5,383,057,558	6,121,858,137
VI GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES	62	29	156,046,365,904	132,854,209,097
VII RESULTS FROM OPERATING ACTIVITIES (70 = 20 – 40 + 50 – 60 – 61 – 62)	70		846,193,664,367	491,301,437,796
VIII OTHER INCOME AND OTHER EXPENSES				
8.1 Other income	71		868,272,746	1,072,494,279
8.2 Other expenses	72		380,136,049	409,012,695
Results from other activities (80 = 71 – 72)	80		488,136,697	663,481,584
IX ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80) (CARRIED FORWARD TO THE NEXT PAGE)	90		846,681,801,064	491,964,919,380

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of income for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B02 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	Note	2024 VND	2023 VND
IX ACCOUNTING PROFIT BEFORE TAX (90 = 70 + 80) (BROUGHT FORWARD FROM THE PREVIOUS PAGE)	90		846,681,801,064	491,964,919,380
9.1 Realised profit before tax	91		823,415,569,632	362,168,082,310
9.2 Unrealised profit before tax	92		23,266,231,432	129,796,837,070
X INCOME TAX EXPENSE	100		163,665,230,023	95,528,418,169
10.1 Income tax expense – current	100.1	30	163,605,796,577	95,715,878,287
10.2 Income tax expense/(benefit) – deferred	100.2		59,433,446	(187,460,118)
XI NET PROFIT AFTER TAX (200 = 90 – 100)	200		683,016,571,041	396,436,501,211
XII OTHER COMPREHENSIVE INCOME AFTER TAX	300		-	-

Prepared by:

Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

24 March 2025

Reviewed by:

Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:

Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited

Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method)

Form B03 – CTCK/HN

(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	2024 VND	2023 VND
1 CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1 Profit before tax	01	846,681,801,064	491,964,919,380
2 Adjustments for	02	(706,636,574,968)	11,598,069,589
Depreciation and amortisation	03	24,480,845,506	23,157,051,226
Allowance	04	99,875	1,274,125,039
Interest expenses	06	440,005,715,313	194,168,198,904
Profit from investment activities	07	(401,345,865,332)	(190,400,443,154)
Accrued interest income	08	(769,777,370,330)	(16,600,862,426)
3 Increase in non-monetary expenses	10	477,058,750,321	433,427,076,188
Losses from revaluation of financial assets at FVTPL	11	477,058,750,321	433,427,076,188
4 Decrease in non-monetary income	18	(500,324,981,753)	(563,223,913,258)
Gains from revaluation of financial assets at FVTPL	19	(500,324,981,753)	(563,223,913,258)
5. Operating profit before changes in operating assets and liabilities	30	(12,542,042,618,346)	(5,991,700,738,786)
Increase in financial assets at FVTPL	31	(1,743,621,337,268)	(766,841,854,465)
Increase in held to maturity investments	32	(6,368,504,993,898)	(2,757,997,183,497)
Increase in loans receivables	33	(4,114,763,050,639)	(2,527,059,400,521)
Decrease available for sells financial assets	34	10,520,280,000	-
Increase in receivables from selling financial assets	35	(822,268,501,100)	(19,468,473,000)
Decrease in receivables and dividend and interest receivables of financial assets	36	1,080,384,355,555	170,904,423,908
Increase in receivables	37	(211,909,631)	(1,292,125,375)
Increase in other receivables	39	(4,185,086,502)	(317,742,468)
Increase in other assets	40	(24,914,974,162)	(49,095,078)
(Decrease)/increase in accrued expenses (excluding interest expense)	41	(509,743,678)	3,416,257,437
Increase in prepaid expenses	42	(29,155,734,968)	(31,257,420,173)
Corporate income tax paid	43	(148,986,335,168)	(59,111,719,454)
Interest paid	44	(435,273,017,372)	(211,266,814,843)
Increase in payable to suppliers	45	70,347,665,806	3,847,270,040
Increase/(decrease) in employee benefits payable	46	15,696,310	(6,684,000)
Increase in taxes payable to the State Treasury	47	7,662,752,769	2,298,436,427
(Decrease)/increase in payable to employees	48	(13,481,020,248)	19,044,588,095
(Decrease)/increase in other payables	50	(5,097,664,152)	183,456,798,181
Net cash flows from operating activities	60	(12,425,263,623,682)	(5,617,934,586,887)

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method – continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	2024 VND	2023 VND
II CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets	61	(24,901,337,064)	(30,863,580,750)
Proceeds from disposals and sales of fixed assets	62	22,539,387	160,141,818
Net cash flows from investing activities	70	(24,878,797,677)	(30,703,438,932)
III CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from receiving capital contributions from the owner	71	3,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Proceeds from short-term borrowings	73	41,083,320,000,000	18,682,117,000,000
Other borrowings	73.2	41,083,320,000,000	18,682,117,000,000
Payments to settle borrowing principals	74	(30,602,637,000,000)	(14,102,564,000,000)
Other borrowings	74.3	(30,602,637,000,000)	(14,102,564,000,000)
Net cash flows from financing activities	80	13,480,683,000,000	5,579,553,000,000
Net cash flows during the year (90 = 60 + 70 + 80)	90	1,030,540,578,641	(69,085,025,819)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	101	506,950,270,662	576,035,296,481
▪ Cash in banks at the beginning of the year	101.1	306,450,270,662	151,035,296,481
▪ Cash equivalents at the beginning of the year	101.2	200,500,000,000	425,000,000,000
Cash and cash equivalents at the end of the year (103 = 90 + 101) (Note 5)	103	1,537,490,849,303	506,950,270,662
▪ Cash in banks at the end of the year	103.1	397,476,970,785	306,450,270,662
▪ Cash equivalents at the end of the year	103.2	1,140,013,878,518	200,500,000,000

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method – continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

CASH FLOWS OF CUSTOMERS FOR BROKERAGE AND ENTRUSTMENT ACTIVITIES

Items	Code	2024 VND	2023 VND
Cash flows of customers for brokerage and entrustment activities			
Proceeds from sales of securities brokered by the Company	01	136,037,235,083,551	100,616,078,824,356
Payments for purchases of securities brokered by the Company	02	(136,051,183,828,570)	(100,559,201,767,266)
Receipts of deposits to pay customers' securities transactions	07	152,430,476,093,647	110,235,341,932,879
Deposits payments of investors at VSDC	07.1	4,175,946,323	(12,325,825,645)
Payment for securities transactions of customers	08	(152,418,964,232,130)	(110,046,919,818,140)
Proceeds from securities issuers	14	2,558,778,630,295	17,282,278,609,287
Payments for securities issuers	15	(2,573,701,998,958)	(17,279,177,512,056)
Net cash flows during the year	20	(13,184,305,842)	236,074,443,415
Cash and cash equivalents of customers at the beginning of the year	30	832,198,263,074	596,123,819,659
Cash in banks at the beginning of the year	31	832,198,263,074	596,123,819,659
▪ Investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	32	696,655,837,916	520,559,548,822
▪ Customers' synthesising deposits for securities trading activities	33	129,690,456,910	72,813,399,820
▪ Deposits from securities issuers	35	5,851,968,248	2,750,871,017
Cash and cash equivalents of customers at the end of the year (40 = 20 + 30)	40	819,013,957,232	832,198,263,074

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of cash flows for the year ended 31 December 2024
(Indirect method - continued)

Form B03 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

Items	Code	2024 VND	2023 VND
Cash in banks at the end of the year	41	819,013,957,232	832,198,263,074
▪ Investors' cash deposits managed by the Company for securities transactions	42	712,343,645,756	696,655,837,916
▪ Customers' synthesising deposits for securities trading activities	43	103,407,538,750	129,690,456,910
▪ Deposits from securities issuers	45	3,262,772,726	5,851,968,248

Prepared by:



Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

24 March 2025

Reviewed by:



Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Consolidated statement of changes in equity for the year ended 31 December 2024
Form B04 – CTCK/HN
*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	Opening balance as at		Movements during the year ended				Closing balance as at	
	1/1/2023	1/1/2024	31/12/2023		31/12/2024		31/12/2023	31/12/2024
	VND	VND	Increase VND	(Decrease) VND	Increase VND	(Decrease) VND	VND	VND
Owner's capital	3,000,000,000,000	4,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	3,000,000,000,000	-	4,000,000,000,000	7,000,000,000,000
Contributed capital	3,000,000,000,000	4,000,000,000,000	1,000,000,000,000	-	3,000,000,000,000	-	4,000,000,000,000	7,000,000,000,000
Reserve to supplement charter capital	147,729,332,606	147,729,332,606	-	-	-	-	147,729,332,606	147,729,332,606
Financial reserve	168,979,231,821	168,979,231,821	-	-	-	-	168,979,231,821	168,979,231,821
Retained profits	855,554,491,821	1,251,990,993,032	396,436,501,211	-	683,016,571,041	-	1,251,990,993,032	1,935,007,564,073
Realised profits	1,047,234,722,488	1,313,874,386,629	266,639,664,141	-	659,750,339,609	-	1,313,874,386,629	1,973,624,726,238
Unrealised (losses)/profits	(191,680,230,667)	(61,883,393,597)	129,796,837,070	-	23,266,231,432	-	(61,883,393,597)	(38,617,162,165)
Total	4,172,263,056,248	5,568,699,557,459	1,396,436,501,211	-	3,683,016,571,041	-	5,568,699,557,459	9,251,716,128,500

Prepared by:



 Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

24 March 2025

Reviewed by:



 Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:



 Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements.

1. Reporting entity

(a) Establishment

ACB Securities Company Limited ("the Company") is a limited liability company established in Vietnam under Establishment and Operation Licence No. 06/GPHDKD dated 29 June 2000 issued by the State Securities Commission of Vietnam. The Company's Establishment and Operation Licence has been amended several times, the most recent of which is the Amended Establishment and Operation Licence No. 101/GPDC-UBCK dated 22 January 2025 issued by the State Securities Commission of Vietnam.

(b) ACBS's charter capital

As at 31 December 2024, ACBS's charter capital was VND7,000,000 million (1/1/2024: VND4,000,000 million).

(c) Principal activities

The principal activities of the Company are to carry out securities brokerage, securities trading, securities investment consulting, corporate financial consulting, securities underwriting, margin loans and securities depository activities.

(d) Normal operating cycle

The normal operating cycle of the Company is generally within 12 months.

(e) Subsidiary

As at 31 December 2024 and 1 January 2024, the Company has one (1) subsidiary 100% owned which is ACB Capital Management Company Limited ("ACBC"), established under the operation licence No. 41/UBCK-GP issued by the State Securities Commission of Vietnam on 28 October 2008, operating in fund management industry.

Consolidated financial statements comprising the Company and its subsidiary (collectively referred to as "ACBS").

(f) Number of employees

As at 31 December 2024, ACBS had 381 employees (1/1/2024: 375 employees).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The consolidated financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises, Circular No. 210/2014/TT-BTC dated 30 December 2014 ("Circular 210") issued by the Ministry of Finance on the promulgation of accounting guidance for securities companies and Circular No. 334/2016/TT-BTC dated 27 December 2016 ("Circular 334") issued by the Ministry of Finance amending, supplementing and replacing Appendix 02 and Appendix 04 of Circular 210, and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

(b) Basis of measurement

The consolidated financial statements, except for the consolidated statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept, except for financial instruments classified as financial assets at FVTPL which are measured at fair value. The methods used to measure fair values are described in Note 3(e). The consolidated statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of ACBS is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

The Company's accounting currency is Vietnam Dong ("VND"), which is also the currency used for consolidated financial statements presentation purpose.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been consistently adopted in the preparation of these consolidated financial statements.

(a) Basic of consolidation

Subsidiary

Subsidiary is entity controlled by the Company. The financial statements of the subsidiary are included in the consolidated financial statements from the date that control commences until the date that control ceases.

Loss of control

When it loses control over a subsidiary, the Company derecognises the assets and liabilities of the subsidiary, and any related non-controlling interest ("NCI") and other equity components. Any gain or loss arising from this event is recognised in the consolidated statement of income. After divestment, the remaining interest in the previous subsidiary (if any) is recognised at the carrying amount of the investment in the separate financial statements of the parent company, after adjusting for proportionality for the changes in equity since the date of acquisition if the Company still retains significant influence in the investee, or at cost of the remaining investment if significant influence is no longer present.

Transactions eliminated on consolidation

Intra-group transactions, balances, and any unrealised income of ACBS and expenses arising from intra-group transactions, are eliminated in preparing the consolidated financial statements.

(b) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate and account transfer selling rate, respectively, at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company and its subsidiary most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the consolidated statement of income.

(c) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, cash in banks for operation and cash deposits for securities transactions clearing and settlement of the Company. Cash deposits for securities transactions, securities transactions clearing and settlement of the customers are separated from Company's accounts.

Cash equivalents are short-term investments with term to maturity of not more than 3 months, which are readily convertible to known amount of cash and are subject to an insignificant risk of changes in value from the acquisition date at the end of the annual accounting period.

(d) Financial assets and financial liabilities

(i) Recognition

Financial assets and financial liabilities are recognised in statement of financial position when the ACBS becomes a party to the contractual provisions of the financial assets and financial liabilities.

(ii) Classification and measurement

- Financial assets at fair value through profit or loss ("FVTPL"): see Note 3(e);
- Held-to-maturity investments: see Note 3(f);
- Loans: see Note 3(h); and
- Receivables: see Note 3(g).

ACBS classifies financial liabilities as financial liabilities measured at amortisation, except for covered warrants payables which are classified as financial liabilities recognised at fair value through profit or loss.

(iii) Derecognition

ACBS derecognises a financial asset when the contractual rights to the cash flows of ACBS from the financial asset expire, or when ACBS transfers the rights to receive the contractual cash flows in a transaction in which substantially all of the risks and rewards of ownership of the financial asset are transferred.

ACBS derecognises a financial liability when its contractual obligations are discharged, cancelled or expired.

(iv) Offsetting

Financial assets and liabilities are offset and the net amount presented in the consolidated statement of financial position when and only when ACBS has a legal right to set off the amounts and ACBS intends either to settle them on a net basis or to realise the asset and settle the liability simultaneously.

(e) Financial assets at FVTPL

A financial asset at FVTPL is a financial asset that meets either of the following conditions:

- It is considered by the Board of Directors as held for trading. A financial asset is considered as held for trading if:
 - it is acquired principally for the purpose of selling it in the near term;
 - there is evidence of a recent pattern of short-term profit-taking; or
 - a derivative (except for a derivative that is financial guarantee contract or a designated and effective hedging instrument).
- Upon initial recognition, it is designated by ACBS financial asset at FVTPL.

Financial assets at FVTPL are initially recognised at purchase price excluding transaction costs. Subsequent to initial recognition, these financial assets are measured at market value or fair value (when market value is not available) with changes in market price or fair value being recognised as profit/loss in the consolidated statement of income.

For listed securities, the market price is the closing price at the Ho Chi Minh City Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange on the latest transaction date prior to the end of the annual accounting period.

For securities registered for trading on the Unlisted Public Company Market ("UPCOM"), the market price is the closing price at UPCOM on the latest trading day prior to the end of the annual accounting period.

For unlisted securities and not yet registered for trading, the market price is the average price of the transaction prices at the latest trading date prior to the end of the annual accounting period not more than one month from the end of the annual accounting period provided by three securities companies which are not related to ACBS.

For delisted securities and securities for which trading has been suspended or cancelled from the sixth day onward, the fair value is the book value at the latest financial position date.

Investments in equity instruments including derivative instruments to be settled by equity instruments are stated at cost if there are no market prices and their fair values cannot be determined reliably.

(i) Covered warrants

Covered warrants are secured securities issued by the securities companies which gives its holder the right to buy (call warrant) or sell (put warrant) underlying securities to issuing organisations at a predetermined price, at or sooner a predetermined time, or receive the difference between the exercise price and the underlying securities price at the time of execution. The securities companies issuing covered warrants are required to deposit cash and financial assets, or obtain bank guarantees to secure their obligations to warrant holders.

The Company records transactions related to covered warrants under the guidance of Circular No. 23/2018/TT-BTC issued by the Ministry of Finance dated 12 March 2018, details as follows:

When distributing covered warrants to investors, the Company recognised an increase in covered warrants payables at issued price and also monitored number of authorised covered warrants in off-balance sheet.

Covered warrants are initially recognised at issued price and subsequently remeasured at fair value at the "Covered warrants payables" account. At the end of the annual accounting period, the Company revalued its outstanding covered warrants at fair value. In case the price of covered warrant is decreased or increased, the difference will be recognised as income or expense in the consolidated statement of income.

Expenses of issuance of covered warrants are recognised in losses from sales of financial assets at FVTPL in the consolidated statement of income.

Gains/(losses) at maturity date and buyback covered warrant issued are recognised in gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL in the consolidated statement of income.

(f) Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with fixed or determinable payments and a fixed maturity that ACBS has the positive intention and ability to hold to maturity, other than:

- those that ACBS on initial recognition classified as at FVTPL;
- those that ACBS classified as available-for-sale; and
- those that meet the definition of loans and receivables.

Held-to-maturity investments include term deposits at banks and these investments are stated at costs less allowance for doubtful debts.

Financial assets will not be further classified as held-to-maturity investments if during the current financial year or during the two most recent financial years they were sold or reclassified a significant amount of held-to-maturity financial assets prior to maturity, unless the sale or reclassification meets either of the following conditions:

- it is very close to maturity that changes in market interest rates do not significantly affect the value of financial assets;
- it is made after ACBS has received the majority of the principal of these financial assets under payment progress or advance payments; or
- it is in connection with a special event beyond the control of ACBS and this event cannot be predicted by ACBS.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(g) Loans

Loans are stated at cost. Subsequently, loans are recorded at amortised cost using the effective interest rate method. Following initial recognition, loans are recorded at amortized cost using the effective interest rate method. Advances to customers for the proceeds from selling securities are advances to customers who have transactions to sell securities at the transaction date. These advances are due within two trading days.

At the end of the annual accounting period, allowance is made for loans when there is evidence of impairment. Allowance is determined by the difference between the market value of the collateral assets and the carrying amount of the respective loan and advances at the end of the annual accounting period. Allowance made/reversed for impairment of loans and advances is recognised as an increase/(decrease) in expenses in the consolidated statement of income.

(h) Account receivables

Receivables from the sale of financial assets and from the rendering of services and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts. Allowance for doubtful debts is made based on the overdue status of the debts or expected losses on undue debts which may occur when an economic organisation is bankrupted or liquidated; or the debtor is missing, having escaped, being prosecuted, in prison, under a trial or pending executive of sentences or deceased.

Allowance for bad debts is determined by reference to past due status as follows:

Overdue status	Allowance rate
From six (06) months to less than one (01) year	30%
From one (01) year to less than two (02) years	50%
From two (02) years to less than three (03) years	70%
From three (03) years and over	100%

For overdue debts, the Company's Board of Directors also assesses the expected recovery of the debts in determining the allowance.

Allowance for doubtful debts based on the expected losses of undue debts is determined by the Company's Board of Directors by considering the recovery of these debts.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(i) Other long-term investments

Other long-term investments are initially recognised at cost, including the purchase price and directly attributable acquisition costs. After initial recognition, these investments are measured at cost less any provision for impairment. A provision for impairment is recognised when the investee incurs a loss, except when the loss was anticipated by ACBS at the time of investment. The impairment provision is reversed when the investee subsequently generates profits to offset the previously recognised losses. The provision can only be reversed to the extent that the carrying amount of the investment does not exceed the carrying amount that would have been determined if no provision for impairment had been recognised.

(j) Tangible fixed assets

(i) Cost

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The initial cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price, import duties, non-refundable purchase taxes and any directly attributable costs of bringing the asset to its working condition for its intended use. Expenditure incurred after tangible fixed assets have been put into operation, such as repairs and maintenance and overhaul cost, is charged to the consolidated statement of income in the year in which the cost is incurred. In situations where it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in an increase in the future economic benefits expected to be obtained from the use of tangible fixed assets beyond their originally assessed standard of performance, the expenditure is capitalised as an additional cost of tangible fixed assets.

(ii) Depreciation

Depreciation is computed on a straight-line basis over the estimated useful lives of tangible fixed assets.

▪ Buildings	25 years
▪ Machinery and equipment	3 - 7 years
▪ Motor vehicles	6 years
▪ Management equipment	3 - 5 years
▪ Other tangible fixed assets	3 - 6 years

(k) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquiring new software, which is not an integral part of the related hardware, is capitalised and treated as an intangible asset. Software cost is amortised in the consolidated statement of income on a straight-line basis over year ranging from 3 to 5 years.

(l) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of installation.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(m) Prepaid expenses

Prepaid expenses include prepayments for goods, services, tools and equipment do not qualify to be accounted as fixed assets according to the prevailing regulations. Prepaid expenses are initial stated at cost and allocated to operating expenses on a straight-line basis over their estimated useful life.

(n) Trade and other payables

Trade and other payables are stated at their cost.

(o) Provisions

A provision is recognised if, as a result of a past event, ACBS has a present legal or constructive obligation that can be estimated reliably, and it is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation. Provisions are determined by discounting the expected future cash flows at a pre-tax rate that reflects current market assessments of the time value of money and the risks specific to the liability.

(p) Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the consolidated statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to other comprehensive income, in which case it is recognised in other comprehensive income.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amount of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at the end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences asset can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(q) Contributed capital

Contributed capital is recognised on the contribution date at the actual amount contributed less any directly attributable costs.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(r) Statutory reserves

On 17 December 2021, the Ministry of Finance issued Circular No. 114/2021/TT-BTC ("Circular 114") superseding Circular No. 146/2014/TT-BTC dated 6 October 2014 ("Circular 146") issued by the Ministry of Finance to guidance on the financial regime applicable to securities companies and fund management companies. Circular 114 is effective from 1 February 2022.

In accordance with Circular 114:

- Securities companies and fund management companies are not required to set aside additional funds for the reserve fund for charter capital and financial provision fund.
- The reserve to supplement charter capital that was already made under Circular 146 will be used to supplement charter capital as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 and other legal regulations.
- The financial reserve can be used to supplement to charter capital or distributed in accordance with the decision of Members' Council of the Company as promulgated under Securities Law No. 54/2019/QH14 and other legal regulations.

The Company's Members' Council has not yet made any decision regarding the existing balances of reserve to supplement charter capital and financial reserve in the year ended 31 December 2024.

(s) Revenue

(i) Gains from sales of financial assets

Gains from sales of financial assets is recognised in the consolidated statement of income when ACBS received the order matching reports of securities trading transactions from VSDC (for listed securities) or completion of the agreement on transfer of assets (for unlisted securities).

(ii) Dividend and interest income from financial assets

Dividend income is recognised in the consolidated statement of income when ACBS's right to receive dividends is established. For stock bonuses, ACBS only records the increase in the number of shares received, without recording any dividend income.

Interest income is recognised in the consolidated statement of income on accrual basis (taking into account the effective yield of the asset), unless collectibility is doubtful.

(iii) Revenue from securities brokerage

Revenue from securities brokerage activities is recognised in the consolidated statement of income when the service is rendered.

(iv) Revenue from financial advisory services

Revenue from financial advisory services is recognised in the consolidated statement of income in proportion to the stage of completion of the transaction at the end of the annual accounting period. The stage of completion is assessed by reference to work performed.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(v) **Revenue from securities custodial services**

Revenue from securities custody activities is recognised in the consolidated statement of income when the service is rendered.

(t) **Interest expense**

Interest expense is recognised as an expense in the consolidated statement of income when it is incurred. Interest expenses related to loans receivables are recognised at "Allowance expenses for financial assets, handling of bad debt losses, impairment of financial assets, and borrowings costs of loans" in the consolidated statement of income.

(u) **Operating lease payments**

Payments made under operating leases are recognised in the consolidated statement of income on a straight-line basis over the term of the lease.

(v) **Related parties**

Parties are considered to be related to ACBS if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or where ACBS and the other party are subject to common control or significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party.

Related companies include the parent company, the ultimate parent company and their subsidiaries and associates.

(w) **Comparative information**

Comparative information in these consolidated financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior year are included as an integral part of the current year consolidated financial statements and are intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current year. Accordingly, the comparative information included in these consolidated financial statements is not intended to present ACBS's financial position, results of operations or cash flows for the prior year.

(x) **Nil balances**

Items or balances required by Circular 334 issued by the Ministry of Finance that are not shown in these consolidated financial statements indicate nil balances.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

4. Financial instruments

(a) **Financial risk management**

(i) **Overview**

ACBS has exposure to the following risks from its use of financial instruments:

- credit risk;
- liquidity risk; and
- market risk.

This note presents information about ACBS's exposure to each of the above risks, ACBS's objectives, policies and processes for measuring and managing risk.

The Members' of Council oversees how the Board of Directors monitors compliance with ACBS's risk management policies and procedures and reviews the adequacy of the risk management framework in relation to the risks faced by ACBS.

(ii) **Risk management framework**

The Board of Directors has overall responsibility for the establishment and oversight of ACBS's risk management framework. The Board of Directors has established the Risk Management Committee, which is responsible for developing and monitoring ACBS's risk management policies. The Committee reports regularly to the Board of Directors on its activities.

The Company's risk management policies are established to identify and analyse the risks faced by the Company, to set appropriate risk limits and controls, and to monitor risks and adherence to limits. Risk management policies and systems are reviewed regularly to reflect changes in market conditions and ACBS's activities. The Company, through its training and management standards and procedures, aims to develop a disciplined and constructive control environment in which all employees understand their roles and obligations.

(b) **Credit risk**

Credit risk is the risk of financial loss to ACBS if a customer or counterparty to a financial instrument fails to meet its contractual obligations.

To manage the level of credit risk, ACBS attempts to deal with counterparties of good credit standing, and when appropriate, obtains collaterals. The Board of Directors has established a credit policy under which each new customer is analysed individually for creditworthiness before the standard terms and conditions are offered.

Concentration level of credit risk that arises from groups of counterparties when they have similar economic characteristics that would cause their ability to meet contractual obligations to be similarly affected by changes in economic or other conditions. The major concentration level of credit risk arises from type of customer in relation to the ACBS's advances to customers for the proceeds from selling securities and margin loans.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Collaterals

The amount and type of collateral required depends on an assessment of the credit risk of the counterparty. Guidelines are implemented regarding the acceptability of types of collateral and valuation parameters. The main types of collateral obtained are listed securities and cash deposited at the Company. The Board of Directors monitors the market value of collateral, requests additional collateral in accordance with the underlying agreement, and monitors the market value of collateral obtained during its review of the adequacy of the allowance for doubtful debts.

Exposure to credit risk

Not considering collaterals, ACBS's maximum exposure to credit risk at the end of the annual accounting period was as follows:

	Note	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cash in banks and cash equivalents:			
▪ Cash in banks (i)	5	397,476,970,785	306,450,270,662
▪ Cash equivalents (i)	5	1,140,013,878,518	200,500,000,000
Held-to-maturity investments	7(b)	11,487,895,656,847	5,119,390,662,949
Loans:			
▪ Margin loans (ii)	7(c)	8,556,899,945,896	4,462,103,807,065
▪ Advance to customers for the proceeds from selling securities (iii)	7(c)	132,859,322,991	112,892,411,183
Other receivables:			
▪ Receivables from selling financial assets (iv)		842,280,911,100	20,012,410,000
▪ Receivables and dividend and interest receivables of financial assets (iv)		176,158,711,309	85,424,371,187
▪ Receivables for services rendered (iv)	11	4,955,255,753	4,743,346,122
▪ Other receivables (iv)		5,174,446,483	989,359,981
Other current assets (v)	13	32,308,056,528	6,958,051,216
Deposits at Settlement Funds	18(a)	20,000,000,000	20,000,000,000
Other non-current assets	18(b)	15,024,973,868	15,024,772,832
		22,811,048,130,078	10,354,489,463,197

(i) Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments

Cash in banks, cash equivalents and held-to-maturity investments of ACBS are mainly held with well-known financial institutions. The Board of Directors does not foresee any significant credit risk from these deposits and does not expect that these financial institutions may default and cause losses to ACBS.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(ii) Margin loans contract

Margin loans are secured by eligible securities listed on the stock exchanges. Under the prevailing regulations on margin loans, the initial margin rate is not lower than 50% of the eligible securities' value. Ineligible securities are defined by the stock exchanges on regularly. Eligible securities are approved by authorised management and frequently updated by margin loans risk management function based on several criteria including, the listed company's performance, volatility and liquidity.

Customer Securities Department has continuously reviewed the margin loan report which includes outstanding balances, collateral and maintenance margin ratio. When the margin ratio falls below the maintenance ratio (regulated level: 30%), the system will alert and the Company makes margin calls. When the customers do not add or insufficiently add the collaterals within the duration of margin calls, the Company force sells out collaterals to collect the debts.

According to the prevailing securities regulations, the margin loan limit applicable to one customer is 3% of the securities company's equity. As at 31 December 2024 and as at 1 January 2024, there were no margin loan balance that exceeds 3% of the Company's equity.

Analysis of credit quality of margin loans as at the end of the annual accounting period was as follows:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Margin loans		
▪ Overdue from 3 years and above	117,476,188,907	117,476,188,572

Refer to Note 8 for the allowance for impairment of financial assets and collateral assets.

(iii) Advances to customers for the proceeds from selling securities

Advances to customers for the proceeds from selling securities are collected from VSDC. VSDC is a state-owned entity and has no history of payment defaults.

VSDC requires its members to deposit into the Settlement Fund and the Clearing Fund for derivatives securities to secure their trading obligations.

The Company may fulfil customers' securities trading orders only when the customers' balances maintain enough (100%) cash and securities and must carry out further steps to ensure payments prior to execution of the trades.

Credit risk from advances to customers for the proceeds from selling securities is assessed as low.

As at 31 December 2024 and 1 January 2024, there are no past due or uncollectible balances with VSDC that are impaired.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(iv) **Other receivables**

Credit exposure is restricted by doing business with counterparties with high credit ratings and obtaining security where necessary.

(v) **Other current assets**

Included in current assets as at 31 December 2024 and 1 January 2024, are margin deposits for derivative securities transactions placed on demand with the Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade.

(c) **Liquidity risk**

Liquidity risk is the risk that ACBS will not be able to meet its financial obligations as they fall due. ACBS's approach to managing liquidity is to ensure, as far as possible, that ACBS will always have sufficient liquidity to meet its liabilities when due, under both normal and stressed conditions, without incurring unacceptable losses or risking damage to ACBS's reputation.

Financial liabilities with fixed or determinable payments and estimated interest payments as of the end of the annual accounting period were as follows:

As at 31 December 2024	Carrying amount VND	Contractual cash flow VND	Within 1 year VND
Short-term borrowings	16,403,200,000,000	16,537,130,508,329	16,537,130,508,329
Payable for securities trading activities	171,000,071,633	171,000,071,633	171,000,071,633
Payable to suppliers	78,256,907,275	78,256,907,275	78,256,907,275
Accrued expenses	34,167,325,968	34,167,325,968	34,167,325,968
Other payables – short-term	7,236,842,091	7,236,842,091	7,236,842,091
Other payables – long-term	13,000,000	13,000,000	13,000,000
	16,693,874,146,967	16,827,804,655,296	16,827,804,655,296

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

As at 1 January 2024	Carrying amount VND	Contractual cash flows VND	Within 1 year VND
Short-term borrowings	5,922,517,000,000	6,005,136,478,712	6,005,136,478,712
Payable for securities trading activities	145,049,343,773	145,049,343,773	145,049,343,773
Payable to suppliers	7,909,241,469	7,909,241,469	7,909,241,469
Accrued expenses	29,944,371,705	29,944,371,705	29,944,371,705
Other payables – short-term	8,519,727,220	8,519,727,220	8,519,727,220
Other payables – long-term	13,000,000	13,000,000	13,000,000
	6,113,952,684,167	6,196,572,162,879	6,196,572,162,879

The Company manages its ability to meet the expected operational expenses and servicing its debts by investing its cash surpluses in cash equivalents and short-term deposits at banks.

The Company considers that the risk related to debt obligations is rather low. It is able to mobilise funds and loans with term of less than 12 months can be renewed with current lenders.

(d) **Market risk**

Market risk is the risk that changes in market prices, such as foreign exchange rates, interest rates and equity prices will affect ACBS's results of operations or the value of ACBS's holding financial instruments. The objective of market risk management is to manage and control market risk exposures within acceptable parameters, while optimising the return.

(i) **Currency risk**

Currency risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in foreign exchange rates.

The Company is exposed to currency risk on borrowings that are denominated in a currency other than the accounting currency of the Company, which is VND. At the end of the annual accounting period, the Company does not have any balance from these transactions.

(ii) **Interest rate risk**

Interest rate risk is the risk that the fair value or future cash flows of a financial instrument will fluctuate because of changes in market interest rates.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

At the end of the annual accounting period, the interest rate profile of ACBS's interest-bearing financial instruments was as follows:

	Carrying amount	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Fixed rate instruments		
Cash in banks and cash equivalents	1,537,490,849,303	506,950,270,662
Held-to-maturity investments	11,487,895,656,847	5,119,390,662,949
Loans receivable – net	8,572,283,287,280	4,457,520,336,516
Other current assets	32,308,056,528	6,958,051,216
Deposits at Settlement Funds	20,000,000,000	20,000,000,000
Other non-current assets	15,024,973,868	15,024,772,832
Short-term borrowings	(16,403,200,000,000)	(5,922,517,000,000)

(iii) Share price risk

Shares held by ACBS are affected by market risks arising from uncertainty about the future value of these shares. The Company manages its share price risk by setting investment limits when necessary. The Investment Committee of the Company also reviews and approves investment decisions in shares.

At the end of the annual accounting period, the financial instruments exposed to the share price risk of the Company were as follows:

	Fair value	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Financial instruments with share price risk		
Financial assets at FVTPL	3,119,470,229,045	1,316,351,767,495
▪ Listed shares and traded shares on UPCOM	2,411,349,014,045	645,524,304,645
▪ Underlying assets hedge for warrants issued by the Company	708,121,215,000	670,827,462,850
Financial liabilities at FVTPL	164,257,748,000	138,985,807,000
▪ Covered warrants payables	164,257,748,000	138,985,807,000

As at 31 December 2024, if share prices increase/decrease by 12% with all other variables being held constant, the net revaluation net differences of the financial assets and financial liabilities of the Company would have increased/decreased by VND299,469 million and VND15,769 million respectively (1/1/2024: if share prices increase/decrease by 5% with all other variables being held constant, the net revaluation net differences of the financial assets and financial liabilities of the Company would have increased/decreased by VND52,654 million and VND5,559 million respectively).

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(e) Fair value

Fair value is the amount for which an asset could be exchanged, or a liability settled, between knowledgeable, willing parties in an arm's length transaction on the measurement date.

The fair values of financial assets and liabilities, together with the carrying amounts shown in the consolidated statement of financial position were as follows:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
▪ Categorised as financial assets at FVTPL:	3,126,491,965,746	3,126,491,965,746	1,316,359,984,196	1,316,359,984,196
- Listed shares and traded shares on UPCOM	2,411,349,014,045	2,411,349,014,045	645,524,304,645	645,524,304,645
- Unlisted shares and not yet registered for trading	7,021,736,701	7,021,736,701	8,216,701	8,216,701
- Underlying assets hedge for warrants issued by the Company	708,121,215,000	708,121,215,000	670,827,462,850	670,827,462,850
<i>Categorised as loans and receivables:</i>				
▪ Cash and cash equivalents (i)	1,537,490,849,303	1,537,490,849,303	506,950,270,662	506,950,270,662
▪ Held-to-maturity investments – short-term (i)	11,487,895,656,847	11,487,895,656,847	5,119,390,662,949	5,119,390,662,949
▪ Loans receivable – net (i)	8,572,283,287,280	8,572,283,287,280	4,457,520,336,516	4,457,520,336,516
▪ Receivables (i)	1,017,140,529,429	1,017,140,529,429	104,137,688,207	104,137,688,207
▪ Prepayments to suppliers – short-term (i)	4,708,334,714	4,708,334,714	18,681,697,410	18,681,697,410
▪ Receivables from services rendered (i)	4,955,255,753	4,955,255,753	4,743,346,122	4,743,346,122
▪ Other receivables (i)	5,174,446,483	5,174,446,483	989,359,981	989,359,981
▪ Other current assets (i)	32,308,056,528	32,308,056,528	6,958,051,216	6,958,051,216
▪ Long-term deposits, collaterals and pledges	7,060,962,100	(*)	6,937,962,100	(*)
▪ Deposits at Settlement Funds	20,000,000,000	(*)	20,000,000,000	(*)
▪ Other non-current assets	15,024,973,868	(*)	15,024,772,832	(*)
<i>Classified as available-for-sale financial asset:</i>				
▪ Investments	51,400,000,000	(*)	61,920,280,000	(*)

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	31/12/2024		1/1/2024	
	Carrying amount VND	Fair value VND	Carrying amount VND	Fair value VND
<i>Classified as financial liabilities recognised at FVTPL:</i>				
▪ Covered warrants payables	(164,257,748,000)	(164,257,748,000)	(138,985,807,000)	(138,985,807,000)
<i>Categorised as liabilities at amortised cost:</i>				
▪ Short-term borrowings (i)	(16,403,200,000,000)	(16,403,200,000,000)	(5,922,517,000,000)	(5,922,517,000,000)
▪ Accounts payable for securities trading activities (i)	(6,742,323,633)	(6,742,323,633)	(6,063,536,773)	(6,063,536,773)
▪ Accounts payable to suppliers (i)	(78,256,907,275)	(78,256,907,275)	(7,909,241,469)	(7,909,241,469)
▪ Accrued expenses (i)	(34,167,325,968)	(34,167,325,968)	(29,944,371,705)	(29,944,371,705)
▪ Other payables – short-term (i)	(7,236,842,091)	(7,236,842,091)	(8,519,727,220)	(8,519,727,220)
▪ Other payables – long-term	(13,000,000)	(*)	(13,000,000)	(*)

(i) The fair value of these financial assets and financial liabilities are assumed to be equal to their carrying amount because these financial assets and financial liabilities are short-term.

(*) The Company has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the consolidated financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

5. Cash and cash equivalents

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cash in banks	376,120,795,819	255,185,625,335
Cash for clearing and settlement	21,356,174,966	51,264,645,327
Cash equivalents (i)	1,140,013,878,518	200,500,000,000
	1,537,490,849,303	506,950,270,662

- (i) As at 31 December 2024, with original term to maturity of not exceeding 3 months earned annual interest rates ranging from 4.40% to 4.75% (1/1/2024: 3.85%).

6. Volume and value of transactions during the year

	2024		2023	
	Volume of transactions	Value of transactions VND	Volume of transactions	Value of transactions VND
a) The Company				
Shares	1,265,296,263	15,349,848,774,100	898,583,245	8,151,783,253,600
Covered warrants	704,798,400	79,209,719,381,700	108,000,000	12,153,771,500,000
Other securities	62,796	8,198,486,990,000	2,000	249,142,590,000
b) Investors/customers				
Shares	12,007,195,382	264,230,578,596,195	10,842,872,343	202,211,052,503,462
Covered warrants	30,690	3,514,967,801	4,000,000	417,214,500,000
Other securities	226,776	29,048,669,450,000	379,795	41,664,928,720,000
	13,977,610,307	396,040,818,159,796	11,853,837,383	264,847,893,067,062

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

7. Financial assets

(a) Financial assets at fair value through profit or loss (“FVTPL”)

	31/12/2024		Revaluation difference as at 31 December 2024		
	Cost VND (1)	Fair value VND (2)	Gains VND (3) = (2) – (1)	Loss VND (4) = (1) – (2)	Revalued amount VND (5) = (1) + (3) – (4)
Listed shares and shares trading on the UPCOM	2,483,564,690,997	2,411,349,014,045	67,350,701,962	139,566,378,914	2,411,349,014,045
Unlisted and unregistered shares	7,021,290,909	7,021,736,701	853,918	408,126	7,021,736,701
Underlying assets hedge for covered warrants issued	696,758,565,055	708,121,215,000	19,732,794,470	8,370,144,525	708,121,215,000
	3,187,344,546,961	3,126,491,965,746	87,084,350,350	147,936,931,565	3,126,491,965,746

	1/1/2024		Revaluation difference as at 1 January 2024		
	Cost VND (1)	Fair value VND (2)	Gains VND (3) = (2) – (1)	Loss VND (4) = (1) – (2)	Revalued amount VND (5) = (1) + (3) – (4)
Listed shares and shares trading on the UPCOM	758,767,622,510	645,524,304,645	7,730,018,061	120,973,335,926	645,524,304,645
Unlisted and unregistered shares	7,770,909	8,216,701	853,918	408,126	8,216,701
Underlying assets hedge for covered warrants issued	684,947,816,274	670,827,462,850	11,783,190,377	25,903,543,801	670,827,462,850
	1,443,723,209,693	1,316,359,984,196	19,514,062,356	146,877,287,853	1,316,359,984,196

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(b) Held-to-maturity investments

	31/12/2024		1/1/2024	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Term deposits at banks (i)	11,269,270,656,847	-	4,932,172,662,949	-
Term deposits at banks – Warrants (ii)	218,625,000,000	-	187,218,000,000	-
	11,487,895,656,847	-	5,119,390,662,949	-

- (i) As at 31 December 2024, term deposits at banks represent term deposits in Vietnam Dong with remaining terms to maturity from 3 months to 8 months from the end of the accounting period and earn annual interest rates ranging from 3.30% to 9.00% (1/1/2024: from 2.40% to 9.00%).

Included in term deposits at banks as at 31 December 2024 was VND11,268.896 million (1/1/2024: VND4,359.718 million), which were pledged at banks to secure short-term loans of the Company (Note 19).

- (ii) As at 31 December 2024, the balance reflects the Vietnam Dong deposit placed at the custodian bank (Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam) to secure payments for the Company's issued covered warrants, with remaining terms to maturity from 5 months to 9 months at the end of the accounting period and earning annual interest rates ranging from 4.20% to 5.10% (1/1/2024: from 3.70% to 7.00%).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

(c) Loans receivables

	31/12/2024		1/1/2024	
	Cost VND	Carrying amount/ Fair value VND	Cost VND	Carrying amount/ Fair value VND
Margin loans (i)	8,556,899,945,896	8,439,423,964,289	4,462,103,807,065	4,344,627,925,333
Advances to customers for the proceeds from selling securities (ii)	132,859,322,991	132,859,322,991	112,892,411,183	112,892,411,183
	8,689,759,268,887	8,572,283,287,280	4,574,996,218,248	4,457,520,336,516

- (i) The fair value of these loans is considered approximately the carrying value and the allowance for impairment of loans overdue for more than 3 years.

- (ii) The fair value of these advances is considered approximately their carrying amount because these advances are short-term.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

8. Allowance for diminution in value of financial assets and pledge assets

	31/12/2024		1/1/2024	
	Cost VND	Allowance VND	Cost VND	Allowance VND
Allowance for impairment of margin loans	117,476,188,907	117,475,981,607	117,476,188,572	117,475,881,732
2024	As at 31/12/2024		Allowance	Allowance
	Cost	Recoverable	as at	made during
	VND	amount	1/1/2024	the year
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Loans	117,476,188,907	207,300	117,475,981,607	99,875
2023	As at 1/1/2024		Allowance	Allowance
	Cost	Recoverable	as at	made during
	VND	amount	1/1/2023	the year
		VND	VND	VND
		(1)	(2)	(3) = (1) - (2)
Loans	117,476,188,572	306,840	116,201,756,693	1,274,125,039



ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

9. Receivables

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Interest receivables on bank deposits other than Asia Commercial Joint Stock Bank ("the Parent Bank")	111,849,691,053	76,567,343,576
Receivables from selling listed securities	842,275,011,100	20,012,410,000
Interest receivables from the Parent Bank	7,467,989,527	7,931,297,611
Dividend receivables - listed shares	2,081,500,000	925,680,000
Accrued interest from margin loan transactions	54,759,480,729	-
Others	5,950,000	50,000
	<u>1,018,439,622,409</u>	<u>105,436,781,187</u>

10. Short-term prepayment to suppliers

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Advance payments for the purchase and upgrading of software renovation	1,981,933,600	268,125,600
Office repair and design	78,086,400	3,342,989,600
Office rental expenses	-	11,797,419,036
Others	2,648,314,714	3,273,163,174
	<u>4,708,334,714</u>	<u>18,681,697,410</u>

11. Receivables from services rendered

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Receivables from brokered services	3,257,318,537	3,831,126,385
Receivables from consulting activities	1,189,000,000	224,000,000
Others	508,937,216	688,219,737
	<u>4,955,255,753</u>	<u>4,743,346,122</u>

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

12. Short-term prepaid expenses

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Software expenses	8,917,517,071	5,664,596,030
Server system expenses	13,043,172,700	-
Others	3,357,576,121	2,268,211,195
	<u>25,318,265,892</u>	<u>7,932,807,225</u>

13. Other current assets

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Deposit for trading derivatives	32,308,056,528	6,958,051,216

According to Decision No. 96/QĐ-VSD dated 23 March 2017 issued by the VSDC, the Company must deposit cash or securities and ensure that the cash deposit ratio at all times is not lower than the minimum ratio prescribed by VSDC.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

14. Investments

	Ownership rate	31/12/2024			1/1/2024		
		Cost VND	Fair value VND	Allowance VND	Cost VND	Fair value VND	Allowance VND
Investment in other entities							
Vietnam Investment Credit Rating Joint Stock Company	-	-	-	-	10,520,280,000	(*)	-
Hoa Phat - A. Chau Real Estate Joint Stock Company	10.16%	51,400,000,000	(*)	-	51,400,000,000	(*)	-
		51,400,000,000			61,920,280,000		

(*) As at 31 December 2024 and 1 January 2024, the Company has not determined fair values of these financial instruments for disclosure in the consolidated financial statements because information about their market prices is not available. The fair values of these financial instruments may differ from their carrying amounts.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

15. Tangible fixed assets

2024

	Building VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicle VND	Management equipment VND	Other tangible fixed assets VND	Total VND
Cost						
Opening balance	62,445,734,395	2,403,625,802	4,589,655,636	81,724,850,130	4,352,397,773	155,516,263,736
Additions	-	-	-	4,410,379,980	1,395,036,086	5,805,416,066
Transfer from construction in progress (Note 17)	7,877,159,317	-	-	-	-	7,877,159,317
Disposals	-	(40,302,900)	-	(2,278,585,857)	(131,681,000)	(2,450,569,757)
Closing balance	70,322,893,712	2,363,322,902	4,589,655,636	83,856,644,253	5,615,752,859	166,748,269,362
Accumulated depreciation						
Opening balance	38,743,583,099	2,403,625,802	2,407,533,745	47,089,473,857	2,592,012,465	93,236,228,968
Charge for the year	2,568,400,043	-	602,069,280	15,865,480,611	956,163,180	19,992,113,114
Disposals	-	(40,302,900)	-	(2,260,586,455)	(131,681,000)	(2,432,570,355)
Closing balance	41,311,983,142	2,363,322,902	3,009,603,025	60,694,368,013	3,416,494,645	110,795,771,727
Net book value						
Opening balance	23,702,151,296	-	2,182,121,891	34,635,376,273	1,760,385,308	62,280,034,768
Closing balance	29,010,910,570	-	1,580,052,611	23,162,276,240	2,199,258,214	55,952,497,635

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

15. Tangible fixed assets (continued)

2023	Building VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicle VND	Management equipment VND	Other tangible fixed assets VND	Total VND
Cost						
Opening balance	62,445,734,395	3,233,002,203	5,081,024,436	66,179,264,496	3,751,022,523	140,690,048,053
Additions	-	-	-	12,226,729,800	823,994,350	13,050,724,150
Transfer from construction in progress (Note 17)	-	-	-	3,870,769,600	-	3,870,769,600
Disposals	-	(829,376,401)	(491,368,800)	(551,913,766)	(222,619,100)	(2,095,278,067)
Closing balance	62,445,734,395	2,403,625,802	4,589,655,636	81,724,850,130	4,352,397,773	155,516,263,736
Accumulated depreciation						
Opening balance	36,245,753,723	3,233,002,203	2,230,282,886	33,119,955,435	2,246,699,655	77,075,693,902
Charge for the year	2,497,829,376	-	668,619,659	14,487,260,825	567,931,910	18,221,641,770
Disposals	-	(829,376,401)	(491,368,800)	(517,742,403)	(222,619,100)	(2,061,106,704)
Closing balance	38,743,583,099	2,403,625,802	2,407,533,745	47,089,473,857	2,592,012,465	93,236,228,968
Net book value						
Opening balance	26,199,980,672	-	2,850,741,550	33,059,309,061	1,504,322,868	63,614,354,151
Closing balance	23,702,151,296	-	2,182,121,891	34,635,376,273	1,760,385,308	62,280,034,768



ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

Included in tangible fixed assets were assets costing VND29,230 million which were fully depreciated as at 31 December 2024 but which are still in use (1/1/2024: VND30,051 million).

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

16. Intangible fixed assets

2024	Software VND	Others VND	Total VND
Cost			
Opening balance	65,142,730,611	724,000,000	65,866,730,611
Additions	683,200,000	-	683,200,000
Transfer from construction in progress (Note 17)	13,333,768,000	-	13,333,768,000
Closing balance	79,159,698,611	724,000,000	79,883,698,611
Accumulated depreciation			
Opening balance	48,995,450,169	525,077,057	49,520,527,226
Charge for the year	4,313,399,060	175,333,332	4,488,732,392
Closing balance	53,308,849,229	700,410,389	54,009,259,618
Net book value			
Opening balance	16,147,280,442	198,922,943	16,346,203,385
Closing balance	25,850,849,382	23,589,611	25,874,438,993

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

16. Intangible fixed assets (continued)

2023	Software VND	Others VND	Total VND
Cost			
Opening balance	56,045,643,611	724,000,000	56,769,643,611
Additions	639,717,000	-	639,717,000
Transfer from construction in progress (Note 17)	8,457,370,000	-	8,457,370,000
Closing balance	65,142,730,611	724,000,000	65,866,730,611
Accumulated depreciation			
Opening balance	44,235,374,045	349,743,725	44,585,117,770
Charge for the year	4,760,076,124	175,333,332	4,935,409,456
Closing balance	48,995,450,169	525,077,057	49,520,527,226
Net book value			
Opening balance	11,810,269,566	374,256,275	12,184,525,841
Closing balance	16,147,280,442	198,922,943	16,346,203,385

Included in intangible fixed assets were assets costing VND45,028 million which were fully amortised as at 31 December 2024 but which are still in use (1/1/2024: VND44,890 million).

17. Construction in progress

	2024 VND	2023 VND
Opening balance	6,965,640,000	2,030,640,000
Additions during the year	22,268,657,344	17,263,139,600
Transfer to prepaid expenses	(7,009,370,027)	-
Transfer to tangible fixed assets (Note 15)	(7,877,159,317)	(3,870,769,600)
Transfer to intangible fixed assets (Note 16)	(13,333,768,000)	(8,457,370,000)
Closing balance	1,014,000,000	6,965,640,000

Construction in progress as at 31 December 2024 represents the cost of computer software that has not been completed.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/IIN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

18. Deposits at Settlement Funds and derivatives other non-current assets

(a) Deposit at Settlement Funds

According to Decision No. 45/QĐ-VSD dated 22 May 2014 issued by the VSDC, the Company is required to deposit an initial amount of VND120 million at the VSDC and an annual contribution of 0.01% of the total value of brokered securities, which are listed and registered for transactions in the Stock Exchanges, in the previous year with the maximum of annual contribution of VND2,500 million to Settlement Funds.

Movements of deposits at Settlement Funds during the year were as follows:

	2024 VND	2023 VND
Opening balance	20,000,000,000	20,000,000,000
Interest incurred	989,446,523	861,974,772
Received interest	(989,446,523)	(861,974,772)
Closing balance	20,000,000,000	20,000,000,000

(b) Other non-current assets

According to Decision No. 97/QĐ-VSD dated 23 March 2017 issued by the VSDC on regulations on management and use of clearing fund for derivative securities activities, the Company is responsible for contributing to Clearing Fund in cash or securities. The minimum contribution rate in cash is 80% of the total value of assets contributed to Clearing Fund. The initial minimum contribution is VND10 billion for direct clearing members, VND15 billion for general clearing members. As at 31 December 2024 and 1 January 2024, the Company has fully paid the minimum contribution.

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

19. Short-term borrowings

The borrowings are made for the purpose of supplementing working capital for the Company's business activities. Movements of short-term borrowings during the year were as follows:

	Interest rate %/year	1/1/2024 VND	Receipts VND	Payments VND	31/12/2024 VND
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (i)	2.30% - 5.50%	1,800,000,000,000	15,851,600,000,000	(12,004,400,000,000)	5,647,200,000,000
Military Commercial Joint Stock Bank (i)	5.00% - 6.10%	-	1,500,000,000,000	(1,000,000,000,000)	500,000,000,000
Prosperity And Growth Commercial Joint Stock Bank (i)	3.86% - 4.70%	600,000,000,000	1,200,000,000,000	(1,200,000,000,000)	600,000,000,000
Vietnam International Commercial Joint Stock Bank	5.60% - 6.80%	296,000,000,000	1,088,000,000,000	(384,000,000,000)	1,000,000,000,000
Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Vietnam (i)	3.00% - 5.80%	220,000,000,000	2,047,500,000,000	(1,138,000,000,000)	1,129,500,000,000
Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank	5.80% - 6.20%	-	600,000,000,000	-	600,000,000,000
Vietnam Export Import Bank (i)	3.10% - 5.00%	-	7,041,920,000,000	(4,056,920,000,000)	2,985,000,000,000
Viet Capital Commercial Joint Stock Bank (i)	6.00%	-	250,000,000,000	-	250,000,000,000
Vietnam Bank For Agriculture And Rural Development (i)	3.50% - 4.00%	-	996,000,000,000	-	996,000,000,000
Indovina Bank Ltd.	3.30% - 5.50%	180,000,000,000	1,775,300,000,000	(1,322,800,000,000)	632,500,000,000
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (i)	3.00% - 5.10%	1,000,000,000,000	4,004,000,000,000	(4,365,000,000,000)	639,000,000,000
Mb Shinsei Finance Limited Liability Company	5.80% - 6.30%	-	670,000,000,000	(430,000,000,000)	240,000,000,000
Woori Bank Vietnam Limited (i)	3.50% - 4.03%	150,000,000,000	842,000,000,000	(500,000,000,000)	492,000,000,000
Orient Commercial Joint Stock Bank	6.30%	-	100,000,000,000	-	100,000,000,000
An Binh Commercial Joint Stock Bank (i)	4.00% - 5.50%	-	262,000,000,000	(130,000,000,000)	132,000,000,000
Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank	3.20% - 5.80%	400,000,000,000	900,000,000,000	(1,300,000,000,000)	-
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank Viet Nam	3.60% - 4.20%	450,000,000,000	400,000,000,000	(850,000,000,000)	-
Vietnam Technological And Commercial Joint Stock Bank	2.70% - 6.50%	-	1,295,000,000,000	(1,095,000,000,000)	200,000,000,000
Cathay United Bank – Ho Chi Minh City Branch (i)	5.80%	-	200,000,000,000	-	200,000,000,000
Public Bank Vietnam Limited	4.70%	-	60,000,000,000	-	60,000,000,000
Others	5.00% - 8.30%	826,517,000,000	-	(826,517,000,000)	-
		5,922,517,000,000	41,083,320,000,000	(30,602,637,000,000)	16,403,200,000,000

ACB Securities Company Limited

**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)**

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

- (i) As at 31 December 2024, these loans are secured by term deposits with a total amount of VND11,268,896 million (31/12/2023: VND4,359,718 million) (Note 7(b)).

20. Accounts payable for securities trading activities

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Payable to Securities Exchanges and VSDC	6,742,323,633	6,063,536,773
Covered warrants payable (*)	164,257,748,000	138,985,807,000
	<u>171,000,071,633</u>	<u>145,049,343,773</u>

- (*) At the end of the annual accounting period, the number of covered warrants issued by the Company were as follows:

Code	31/12/2024		1/1/2024	
	Allowed to issue	Circulated	Allowed to issue	Circulated
CSTB2306	-	-	19,000,000	18,026,400
CHPG2309	-	-	18,000,000	14,533,200
CMBB2306	-	-	15,000,000	13,801,000
CFPT2404	12,000,000	11,997,900	-	-
CTCB2403	12,000,000	10,300,100	-	-
CMBB2402	11,000,000	9,927,500	-	-
CMWG2401	10,000,000	9,881,500	-	-
Others	160,000,000	71,238,300	108,800,000	52,832,000
	<u>205,000,000</u>	<u>113,345,300</u>	<u>160,800,000</u>	<u>99,192,600</u>

21. Accounts payable to suppliers

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Payable for buying financial assets	74,808,027,000	5,748,518,000
Other suppliers	3,448,880,275	2,160,723,469
	<u>78,256,907,275</u>	<u>7,909,241,469</u>

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

22. Taxes and other receivables or payables to State Treasury

2024	1/1/2024 VND		Incurred VND	Paid VND	Net-off VND	31/12/2024 VND	
	Receivable	Payable				Receivable	Payable
Corporate income tax	-	18,674,061,676	163,605,796,577	(148,986,335,168)	-	-	33,293,523,085
Personal income tax	-	3,523,434,861	30,378,366,583	(30,385,553,204)	-	-	3,516,248,240
Investors' income tax	-	14,092,040,967	204,679,366,043	(197,085,396,052)	-	-	21,686,010,958
Value added tax	-	268,335,132	668,641,372	(345,475,884)	(243,505,590)	-	347,995,030
Other taxes	-	981,452,930	26,198,982,251	(26,202,672,750)	-	-	977,762,431
	-	37,539,325,566	425,531,152,826	(403,005,433,058)	(243,505,590)	-	59,821,539,744
2023	1/1/2023 VND		Incurred VND	Paid VND	Net-off VND	31/12/2023 VND	
	Receivable	Payable				Receivable	Payable
Corporate income tax	18,108,548,213	178,451,056	95,715,878,287	(59,111,719,454)	-	-	18,674,061,676
Personal income tax	-	2,625,700,604	16,846,858,435	(15,949,124,178)	-	-	3,523,434,861
Investors' income tax	-	10,985,833,146	150,779,076,698	(147,672,868,877)	-	-	14,092,040,967
Value added tax	-	314,858,903	661,373,743	(432,743,025)	(275,154,489)	-	268,335,132
Other taxes	-	2,640,434,810	14,014,521,644	(15,673,503,524)	-	-	981,452,930
	18,108,548,213	16,745,278,519	278,017,708,807	(238,839,959,058)	(275,154,489)	-	37,539,325,566

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

23. Accrued expenses

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Interest expenses	28,222,644,109	23,489,946,168
Others	5,944,681,859	6,454,425,537
	<u>34,167,325,968</u>	<u>29,944,371,705</u>

24. Contributed capital

The Company's authorised and contributed charter capital were as follows:

	31/12/2024 Authorised and contributed charter capital		1/1/2024 Authorised and contributed charter capital	
	VND	%	VND	%
Asia Commercial Joint Stock Bank ("The parent bank")	7,000,000,000,000	100%	4,000,000,000,000	100%

Movements in contributed charter capital during the year were as follows:

	2024 VND	2023 VND
Opening balance	4,000,000,000,000	3,000,000,000,000
Contributed capital by cash from the parent bank	3,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Closing balance	<u>7,000,000,000,000</u>	<u>4,000,000,000,000</u>

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

25. Off-balance sheet items the consolidated statement of financial position

(a) Valuable paper custodied (Quantity)

	31/12/2024	1/1/2024
Shares	3,850,094	3,850,094
Bonds	200,000	200,000
	<u>4,050,094</u>	<u>4,050,094</u>

(b) Listed/registered financial assets at VSDC of the Company

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Freely traded financial assets	1,269,075,260,000	646,212,170,000
Financial assets waiting for settlement	781,698,520,000	16,334,160,000
	<u>2,050,773,780,000</u>	<u>662,546,330,000</u>

(c) The Company's financial assets in transit

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Shares	23,623,000,000	760,000,000
Warranties	10,194,180,000	6,135,630,000
	<u>33,817,180,000</u>	<u>6,895,630,000</u>

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

26. Revenue from operating activities

(a) Gains/(losses) from sales of financial assets at FVTPL

2024	Quantity	Proceeds VND (1)	Weighted average cost at the end of the trading day VND (2)	Gains from sales of securities VND (3) = (1) – (2)	Losses from sales of securities VND (3) = (2) – (1)
Shares	250,749,842	7,673,914,137,250	7,454,143,809,170	344,875,310,999	125,104,982,919
Bonds	352,399,200	39,601,843,355,800	39,607,876,025,900	3,557,454,663	9,590,124,763
Certificates of deposit	-	-	-	300,000	-
Gains/loss from selling underlying securities				348,433,065,662	134,695,107,682
Gains/loss from trading derivatives – future contracts				25,574,662,000	27,352,112,000
Gains/loss when buying back warrants issued by the Company				91,454,767,454	118,705,769,029
Gains/loss from matured covered warrants issued by the Company				8,350,596,100	5,588,863,700
				473,813,091,216	286,341,879,411

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

2023	Quantity	Proceeds VND (1)	Weighted average cost at the end of the trading day VND (2)	Gains from sales of securities VND (3) = (1) – (2)	Losses from sales of securities VND (3) = (2) – (1)
Shares	164,797,014	3,063,438,913,600	2,954,358,774,535	170,183,083,742	61,102,944,677
Bonds	55,000,000	6,181,271,000,000	6,180,660,500,000	2,380,500,000	1,770,000,000
Certificates of deposit	5,000	113,400,000	113,400,000	180,207,978	350,000
Gains/loss from selling underlying securities				172,743,791,720	62,873,294,677
Gains/loss from trading derivatives – future contracts				1,188,910,000	193,780,000
Gains/loss when buying back warrants issued by the Company				44,838,466,800	68,736,766,271
Gains/loss from matured covered warrants issued by the Company				11,687,575,492	834,506,900
				230,458,744,012	132,638,347,848

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

26. Revenue from operating activities (continued)

(b) Gains/(losses) from revaluation of financial assets and covered warrants payables at FVTPL

2024	Cost as at 31/12/2024 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2024 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 31/12/2024 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 1/1/2024 VND	Revaluation gain differences during the year VND
Financial assets recognised at FVTPL					
Listed shares and traded shares on UPCOM	2,483,564,690,997	2,411,349,014,045	(72,215,676,952)	(113,243,317,865)	41,027,640,913
Unlisted shares and unregistered for trading	7,021,290,909	7,021,736,701	445,792	445,792	-
Underlying assets hedge for covered warrants	696,758,565,055	708,121,215,000	11,362,649,945	(14,120,353,424)	25,483,003,369
	3,187,344,546,961	3,126,491,965,746	(60,852,581,215)	(127,363,225,497)	66,510,644,282
2024	Cost as at 31/12/2024 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2024 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 31/12/2024 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 1/1/2024 VND	Revaluation gain differences during the year VND
Covered warrants	186,493,167,050	164,257,748,000	22,235,419,050	(65,479,831,900)	(43,244,412,850)

ACB Securities Company Limited

Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)

Form B09 – CTCK/HN

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

(b) Gains/(losses) from revaluation of financial assets and covered warrants payables at FVTPL (continued)

2023	Cost as at 31/12/2023 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2023 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 31/12/2023 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 1/1/2023 VND	Revaluation gain differences during the year VND
Financial assets recognised at FVTPL					
Listed shares and traded shares on UPCOM	758,767,622,510	645,524,304,645	(113,243,317,865)	(167,108,876,262)	53,865,558,397
Unlisted shares and unregistered for trading	7,770,909	8,216,701	445,792	445,792	-
Underlying assets hedge for covered warrants	684,947,816,274	670,827,462,850	(14,120,353,424)	(21,078,090,189)	6,957,736,765
	1,443,723,209,693	1,316,359,984,196	(127,363,225,497)	(188,186,520,659)	60,823,295,162
2023	Cost as at 31/12/2023 VND	Fair value/ market price as at 31/12/2023 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 31/12/2023 VND	Revaluation gains/(losses) differences as at 1/1/2023 VND	Revaluation gain differences during the year VND
Covered warrants	204,465,638,900	138,985,807,000	65,479,831,900	(3,493,710,008)	68,973,541,908

ACB Securities Company Limited**Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024 (continued)****Form B09 – CTCK/HN**

*(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)*

	2024 VND	2023 VND
Recognized in the consolidated statement of profit or loss:		
Increase in fair value adjustments of financial assets at FVTPL	538,069,001,254	499,412,378,950
Decrease in fair value adjustments of financial assets at FVTPL	(471,558,356,972)	(438,589,083,788)
Profit for the year from revaluation of financial assets at FVTPL	66,510,644,282	60,823,295,162
Differences decrease due to revaluation of outstanding covered warrants payables	(37,744,019,501)	63,811,534,308
Difference decrease/(increase) due to revaluation of outstanding covered warrants payables	(5,500,393,349)	5,162,007,600
(Loss)/gain during the year from revaluation of circulated covered warrants payables	(43,244,412,850)	68,973,541,908

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

26. Revenue from operating activities (continued)

(c) Dividend, interest income from financial assets at FVTPL, held to maturity investments, loans and receivables

	2024 VND	2023 VND
From financial assets at FVTPL	110,841,928,663	16,600,862,426
▪ Income from term deposits	86,403,367,663	4,207,328,776
▪ Dividends and interests arising from financial assets at FVTPL	24,438,561,000	12,393,533,650
From held to maturity investments	401,341,325,347	190,274,472,699
From loans and receivables	658,935,441,667	343,880,610,399
▪ Income from margin activities	644,511,301,790	336,215,104,987
▪ Income from advance services	6,152,575,066	4,752,739,310
▪ Income from margin loan extension	8,271,564,811	2,912,766,102
	1,171,118,695,677	550,755,945,524

(d) Revenue other than income from financial assets

	2024 VND	2023 VND
Revenue from securities brokerage	373,059,934,256	313,091,154,245
Revenue from securities custody	10,542,079,104	12,646,237,505
Revenue from financial advisory services	1,112,727,272	1,943,181,818
Other operating income	4,428,525,053	2,594,115,842
	389,143,265,685	330,274,689,410

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

27. Allowance expenses for financial assets, impairment of doubtful debts, and impairment loss of financial assets and borrowings costs of loans

	2024 VND	2023 VND
Allowance made for diminution in value of financial assets and collaterals (Note 8)	99,875	1,274,125,039
Interest expenses	440,005,715,313	194,168,198,904
Others	7,065,636	407,263,957
	440,012,880,824	195,849,587,900

28. Expenses for securities brokerage

	2024 VND	2023 VND
Employee costs	112,359,650,489	118,532,260,499
Securities brokerage fees	78,406,058,551	57,160,350,360
Outside services	41,440,911,446	37,101,244,435
Depreciation and amortisation of fixed assets	15,703,881,411	16,400,361,715
Others	41,409,979,435	25,368,453,357
	289,320,481,332	254,562,670,366

29. General and administration expenses

	2024 VND	2023 VND
Salary expenses	92,935,386,996	84,722,008,342
Outside services	40,666,813,277	29,417,992,935
Depreciation and amortisation of fixed assets	6,748,109,490	6,156,222,495
Non-deductible value added tax	4,019,768,044	5,169,333,494
Office stationery expenses	3,513,147,375	2,278,611,430
Others	8,163,140,722	5,110,040,401
	156,046,365,904	132,854,209,097

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

30. Corporate income tax expenses

(a) Recognised in the consolidated statement of income

	2024 VND	2023 VND
Current tax expense		
Current year	163,605,796,577	95,715,878,287
Deferred tax expense/(benefit)		
Originations and reversals of temporary differences	59,433,446	(187,460,118)
Income tax expense	163,665,230,023	95,528,418,169

(b) Reconciliation of effective tax rate

	2024 VND	2023 VND
Accounting profit before tax	846,681,801,064	491,964,919,380
Tax at the Company's tax rate	169,336,360,213	98,392,983,876
Adjustments due to consolidated financial statements	(859,445,200,00)	(476,513,400)
Non-taxable income	(4,887,712,200)	(2,478,706,730)
Non-deductible expenses	76,027,210	90,654,423
	163,665,230,023	95,528,418,169

(c) Applicable tax rates

The corporate income tax rate for the Company and its subsidiary is 20%. The income tax computation is subjected to the review and approval of the tax authorities.

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

31. Significant transactions with related parties

The Company had the following principal transactions with related parties during the year as follows:

	2024 VND	2023 VND
Asia Commercial Joint Stock Bank – The parent bank		
Contributed capital received	3,000,000,000,000	1,000,000,000,000
Interest income on bank deposits	70,750,890,390	76,284,086,305
Office rental, utilities paid	1,101,575,158	1,792,912,336
Rental income	798,000,000	840,000,000
Brokerage revenue	7,069,662	-
Other expenses	84,188,870	70,301,107
Salary, bonus and remuneration for key members of the Company and its subsidiary	16,291,990,660	15,358,474,184

The Company had the following significant balances with related parties at the end of the annual accounting period:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Asia Commercial Joint Stock Bank		
Demands deposit at the parent bank	109,039,950,138	212,720,776,675
Deposits at the parent bank with original terms from 3 months to 12 months	1,549,021,797,897	897,622,662,949
Deposits at the parent bank with original terms not exceeding 3 months	390,013,878,518	-
Interest receivables from bank deposits	7,467,989,527	7,931,297,611
Contributed capital	7,000,000,000,000	4,000,000,000,000

32. Lease commitments

The future minimum lease payments under non-cancellable operating leases were as follows:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Within one year	15,260,393,504	12,237,960,078
Within two to five years	30,495,254,058	44,255,647,562
	45,755,647,562	56,493,607,640

ACB Securities Company Limited
Notes to the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024
(continued)

Form B09 – CTCK/HN
(Issued under Circular No. 334/2016/TT-BTC
dated 27 December 2016 of the Ministry of Finance)

33. Post balance sheet event

On 28 November 2024, the State Securities Commission of Vietnam issued Official Letter No. 8121/UBCK-QLKD regarding the receipt of the registration dossier for the increase of the Company's charter capital to VND10,000,000,000,000. On 2 January 2025, the Company received VND3,000,000,000,000 in capital contributions from the parent bank. On 22 January 2025, the State Securities Commission of Vietnam issued the Adjustment License for the Establishment and Operation Licence No. 03/GPDC-UBCK with a charter capital of VND10,000,000,000,000.

34. Comparative information

Comparative information as at 1 January 2024 was derived from the balances and amounts reported in the ACBS's consolidated financial statements as at and for the year ended 31 December 2023.

Prepared by:

Ms. Pham Thi Sanh
General Accountant

24 March 2025

Reviewed by:

Mr. Vo Van Van
Chief Accountant

Approved by:

Mr. Nguyen Duc Hoan
General Director

ACBS

No: 53.4/CV-ACBS.25

Ho Chi Minh City, March 24, 2025

To:

- State Securities Commission;
- Vietnam Exchange;
- Ho Chi Minh City Stock Exchange; and
- Hanoi Stock Exchange.

Re: Explanation for the fluctuation exceeding 10% in profit after tax in the 2024 consolidated financial statements compared to 2023.

ACB Securities Company Limited ("ACBS") hereby provides an explanation for the fluctuation exceeding 10% in Profit after tax of the 2024 consolidated financial statements compared to 2023, as follows:

Unit: VND billion

Financial Statements	Indicator	2024	2023	Increase
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
Consolidated Financial Statement.	Net Profit After Tax	683	397	286

Primary reasons for the increase:

- Total operating revenue increased by VND 859 billion compared to 2023, driven primarily by a VND 486 billion rise in investment income. Additionally, interest income from loans grew by VND 315 billion, while securities brokerage and custody fees increased by VND 58 billion;
- Operating expenses increased by VND 481 billion year-over-year;
- General and administrative expenses increased by VND 24 billion; and
- Corporate income tax expenses increased by VND 68 billion.

As a result of the above factors, ACBS recorded a VND 286 billion increase in net profit after tax in 2024 compared to 2023.

This report is submitted for the consideration of the relevant authorities.

Sincerely,

Recipients:

- As listed above; and
- Archived by the Administration and Accounting Departments.

GENERAL DIRECTOR
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
CHỨNG KHOÁN
ACB
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Hoàn



8 Key Initiatives for **2025**

8.1 Market outlook in 2025

Global equity markets in 2024 were primarily influenced by developments in the U.S. economy and the Federal Reserve's interest rate policies. Despite concerns over a potential recession or a soft-landing scenario, the U.S. economy continued to show resilience throughout the year. Labor market data remained within target ranges, while inflation declined but at a slower pace. As a result, the Fed's rate-cut decisions were both slower and fewer than initially expected by the market. The U.S. maintained its status as a "promised land" for investment funds, leading to a sustained capital outflow from emerging and frontier markets toward the U.S. This trend temporarily eased when the Fed began cutting rates. However, Donald Trump's victory in the 2025–2029 presidential election drove the U.S. Dollar Index (DXY) higher, coupled with the Fed's cautious stance on the 2025 rate-cut trajectory, which is likely to sustain this trend into 2025.

Against this backdrop, Vietnam's economy and stock market enter 2025 facing limited advantages from an increasingly uncertain global macroeconomic environment. The most significant risks stem from exchange rate pressures and potential export declines should trade tensions escalate unfavorably. Forecasting and managing policy responses in such an uncertain landscape will be a considerable challenge for policymakers.

Harnessing domestic strength has become a strategic imperative to sustain Vietnam's economic growth over the next five years. To mitigate external risks and uncertainties, the Vietnamese government is demonstrating a strong commitment to driving economic growth through domestic catalysts. Key strategic measures include accelerating public investment while streamlining administrative procedures and strengthening the legal framework. We forecast Vietnam's GDP growth to reach 7.0–7.5% in 2025.

The year 2025 is also a pivotal milestone for Vietnam's stock market, with the anticipated upgrade to Emerging Market status by FTSE, seven years after being placed on the watchlist. This event is expected to attract foreign capital inflows from ETFs and active funds, enhance market valuations, and support the uptrend in large-cap stocks.

Under our base-case scenario, we expect the fair valuation of the VN-Index to continue tracking the three-year median P/E, corresponding to a trading range of 1,240–1,420 points, with market liquidity increasing by 15% compared to the 2024 average.

The three key investment themes for 2025 include:

1. The impact of trade tensions on Vietnam's economy
2. Vietnam's stock market upgrade
3. Acceleration of public investment. Additionally, we identify banking and utilities as sectors likely to sustain strong profitability in 2025 with reasonable valuations.

8.2 Business division development plan in 2025

To prepare for the growth plan in 2025 and the vision for 2027, ACBS successfully increased its charter capital from 7 trillion VND to 10 trillion VND at the beginning of the year. **A substantial portion of the additional 3 trillion VND in capital will be strategically allocated to the securities services segment including margin lending, technology investments, and new product development.** This capital enhancement further strengthens ACBS's financial resources and simultaneously solidify its standing among the top five securities firms with the largest charter capital in the market.

In 2024, ACBS successfully upgraded its core trading system, significantly enhancing processing capacity and implementing advanced functionalities. **This infrastructure enhancement lays the groundwork for ACBS to further develop a comprehensive product ecosystem in order to optimize value creation and deliver superior customer experiences.** Alongside new core system investment, ACBS has made substantial investments in cybersecurity and system safety, ensuring robust risk management and seamless transaction security that investors can trade with absolute confidence.

Aiming for market reclassification and the increasing sophistication of investor segments, **ACBS officially introduced two new services in early 2025, specifically designed for Priority Clients and Active Clients.** These tailored services enable ACBS to better meet client needs and enhance service experiences while maintaining competitive pricing policies and cost savings for investors. The launch of these new services represents a key milestone for ACBS to refine its securities services business model and closely approach the retail banking model of its parent bank, ACB. Additionally, in 2025, ACBS has identified strategic collaboration programs with ACB as a top priority, **focusing on investment and wealth management solutions for ACB's Priority Clients.** This initiative is expected to be a key driver of growth for ACBS's securities services segment in 2025

For brokerage business, ACBS continues to accelerate the development of human capital by implementing structured competency frameworks and enhancing training programs for the financial advisors including specialists and directors. The firm is committed to strengthening its advisory capabilities to position itself as the most effective and distinguished advisory securities firm in the market.

For institutional clients, ACBS provided specialized services tailored to both domestic and international clients. At the end of 2024, ACBS successfully launched NPF product for foreign clients. With strong financial resources, ACBS is recognized as a reliable partner in providing these services to investors. In parallel with customer expansion efforts, ACBS is unstoppably improving the expertise and capabilities of its personnel to enhance institutional client satisfaction with ACBS's services.



8.3 Digital transformation in 2025

Amid the rapid advancement of technology and artificial intelligence, ACBS has outlined concrete plans for 2025, focusing on staying ahead with cutting-edge technology, driving comprehensive and meaningful digital transformation, and enhancing its existing information systems.

Artificial intelligence and large language models

- Utilize large language models like Llama, Qwen, Phi. ACBS focuses on developing a multi-platform, specialized Chatbot system (SMARTY).
- Focus on building AI Agents for analysis, information extraction, and process enhancement.
- Summarize, synthesize, and extract information from internal documents.

Digital transformation in the comprehensive and substantive way

- Optimize and improve digitized services from previous years. Prioritizing streamlining and cost reduction while ensuring quality through programming language conversion and architecture optimization.
- Continue to categorize and accelerate digital transformation with specific criteria such as:
 - Use new languages with high performance and low cost like Rust, Go, Quarkus (Java).
 - Adhere to OpenApi standards.
 - Apply CI/CD to all transformation projects

Expand secure integration rapidly with Core and non-Core systems through API Gateway